DOCUMENT RESUME

ED 066 997 48 FL 003 627

AUTHOR	Quinn, Robert M.
TITLE	An Intermediate Vietnamese Reader.
INSTITUTION	Cornell Univ., Ithaca, N.Y. Southeast Asia Program.
SPONS AGENCY	Office of Education (DHEW), Washington, D.C. Bureau of Research.
BUREAU NO	BR-0-7705
PUB DATE	72
CONTRACT	OEC-0-70-3658
NOTE	200p.; Final report copy
EDRS PRICE	MF-$0.65 HC-$6.58
DESCRIPTORS	Grammar; *Instructional Materials; *Intensive Language Courses; Modern Languages; Pattern Drills (Language); Phonetics; Pronunciation; *Reading Development; Reading Instruction; *Reading Materials; Textbooks; Uncommonly Taught Languages; *Vietnamese

ABSTRACT

This text is designed to follow "Introductory Vietnamese," and aims to develop the student's reading ability within the social sciences. The grammatical and lexical content assumes mastery of the content of the previous volume. Newly introduced lexical items are glossed as part of the lesson in which they first occur and also listed in the glossary. Lessons include: (1) dialogues, (2) vocabulary sections, (3) grammar notes, and (4) questions. A Vietnamese-English glossary is included. For the companion document see FL 003 628. (RL)

ED 066997

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH, EDUCATION & WELFARE
OFFICE OF EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRODUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM THE PERSON OR ORGANIZATION ORIGINATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS STATED DO NOT NECESSARILY REPRESENT OFFICIAL OFFICE OF EDUCATION POSITION OR POLICY.

AN
INTERMEDIATE VIETNAMESE
READER

Robert M. Quinn

Southeast Asia Program
Cornell University
Ithaca, N. Y.
1972

FL 003 627

1

The research reported herein was
performed pursuant to a contract with the
United States Department of Health, Education and Welfare
Office of Education
under PL 85-864, Title VI
Section 602, as amended.

Final Report Copy

ACKNOWLEDGMENTS

The author wishes to acknowledge the generous support of the Office of Education, U. S. Department of Health, Education and Welfare for the preparation of this text, and to recognize the assistance of Robert B. Jones, Jr. of Cornell University, whose draft manuscript formed the basis of some of the lessons presented here.

Gratitude must also be expressed for the assistance of the Vietnamese Information Service, whose press reports formed the basis for many of the news oriented lessons.

To Mrs. Duong Van-Mai Elliott and Mrs. Pham Thuy-Hoa Piper, whose numerous suggestions and patient collaboration made the preparation of this manuscript possible, sincere thanks are extended.

ROBERT M. QUINN

June, 1972

INTRODUCTION

I. GENERAL CONTENT AND OBJECTIVES

This text is designed to follow INTRODUCTORY VIETNAMESE, by the same author, but is intended to promote a reading ability within modern social science documents, for those American students whose goal is to be able to carry out research in this type of material. Thus the goal of this course is bridging the gap between an intermediate spoken knowledge of the Vietnamese language and the reading of general periodical literature.

For those students who may desire a more literary and historical vocabulary, together with a knowledge of general cultural information, the author suggests the alternative or parallel use of Laurence Thompson's A VIETNAMESE READER, in which the emphasis is more toward that type of reading. For those who desire to continue primary emphasis on the spoken language, similar use could be made of Nguyen Dinh Hoa's INTERMEDIATE VIETNAMESE.

The grammatical and lexical content of this text assumes the complete mastery of the content of the previous volume, and makes no attempt to reiterate grammatical explanations or give glosses for vocabulary items presented in the previous work. All lexical items introduced in this book are glossed as part of the lesson in which they first occur, and also are listed in the GLOSSARY at the end of this volume. Whenever a new grammatical element or construction is encountered, it is explained in the GRAMMAR NOTES section of the lesson.

II. PEDAGOGICAL SUGGESTIONS

A. PRESENTATION AND PREPARATION

Each lesson should be introduced orally by a native speaker, or by means of a tape recording, in order to have new material introduced in actual context with natural pronunciation. The student should make an attempt to listen for new elements and identify them in context, before each one is examined indivudually in isolation.

After oral or recorded presentation, each new element should be repeated several times and put into the context of the sentence in which it occurs, but no attempt should be made to 'translate' either the individual sentences or the meaning of the passage as a whole at this stage.

Between class sessions, the students should fully prepare the selection by thoroughly learning all new words, and mastering the content of the selection as well as possible. The greatest impact of a new selection will occur, for most students, during the attempt to master the content outside of class. The effect of classroom explanation is usually greater when the student is more familiar with the context and the problem involved.

B. INSTRUCTION AND APPLICATION

After the students have prepared the selection, the instructor should devote some time to answering any remaining questions of usage or translation. This allows attention to be directed toward actual problems, and avoids needless waste of time on overall or unnecessary explanations in class. It will thus be necessary only to 'translate' new or unusual constructions or combinations.

After all student initiated questions have been answered or grammar points have been more fully explained, the native speaker or a tape recording of the Questions section should elicit responses from the students. Such responses ought to be fully developed sentences, and should use as many new vocabulary items as are appropriate. This step should make any remaining confusion over grammatical or lexical content of the selection clear, and will allow the instructor to help in shaping acceptable responses to each question. Cyclical repetition of this procedure will ensure proper aural-oral mastery of the subject matter of each lesson.

6

TABLE OF CONTENTS

LESSON I

I. Dialogue: Dạo Quanh Thành-Phố 1
II. Vocabulary 2
III. Grammar Notes 3
IV. Questions 4

LESSON II

I. Dialogue: Ốm Đau 7
II. Vocabulary 8
III. Grammar Notes 9
IV. Questions 10

LESSON III

I. Narrative: Khí-Hậu ở Việt-Nam 13
II. Vocabulary 14
III. Grammar Notes 15
IV. Questions 15

LESSON IV

I. Dialogue: Thư-Tín và Giao-Thông 17
II. Vocabulary 18
III. Grammar Notes 19
IV. Questions 19

LESSON V

I. Dialogue: Phương-Tiện Giao-Thông 21
II. Vocabulary 22
III. Grammar Notes 23
IV. Questions 23

LESSON VI

I. Narrative: Viết Thư Về Nhà 25
II. Vocabulary 26
III. Grammar Notes 27
IV. Questions 28

TABLE OF CONTENTS

LESSON VII

I. Dialogue: Danh-Lam Tháng-Cảnh 29
II. Vocabulary 30
III. Grammar Notes 31
IV. Questions 31

LESSON VIII

I. Dialogue: Ăn Mừng Các Ngày Lễ Tết 33
II. Vocabulary 35
III. Grammar Notes 36
IV. Questions 36

LESSON IX

I. Narrative: Tết Nguyên Đán 39
II. Vocabulary 40
III. Grammar Notes 42
IV. Questions 43

LESSON X

I. Dialogue: Làm Ruộng: Gieo Mạ và Cấy Lúa 45
II. Vocabulary 47
III. Grammar Notes 48
IV. Questions 48

LESSON XI

I. Dialogue: Giáo-Dục Việt-Nam 51
II. Vocabulary 53
III. Grammar Notes 54
IV. Questions 55

LESSON XII

I. Dialogue: Chính-Trị và Giáo-Dục 57
II. Vocabulary 59
III. Grammar Notes 60
IV. Questions 61

LESSON XIII

I. Tin-Tưc Ngán 63
II. Vocabulary 64
III. Grammar Notes 66
IV. Questions 68

TABLE OF CONTENTS

LESSON XIV

I. Tin-Tức Chiến-Sự 71
II. Vocabulary 72
III. Grammar Notes 74
IV. Questions 75

LESSON XV

I. Tin-Tức Trong Nước 77
II. Vocabulary 78
III. Grammar Notes 81
IV. Questions 82

LESSON XVI

I. Tin-Tức Trong và Ngoài Nước 85
II. Vocabulary 87
III. Grammar Notes 89
IV. Questions 90

LESSON XVII

I. Tin-Tức Xã-Hội và Kinh-Tế 93
II. Vocabulary 95
III. Grammar Notes 97
IV. Questions 98

LESSON XVIII

I. Tin-Tức Xã-Hội 101
II. Vocabulary 103
III. Grammar Notes 105
IV. Questions 105

LESSON XIX

I. Viện-Trợ Kinh-Tế 107
II. Vocabulary 110
III. Grammar Notes 112
IV. Questions 112

LESSON XX

I. Tin-Tức Giáo-Dục và Y-Tế 115
II. Vocabulary 118
III. Grammar Notes 120
IV. Questions 121

TABLE OF CONTENTS

LESSON XXI

I. Tin-Tức Chinh-Trị 125
II. Vocabulary 127
III. Grammar Notes 130
IV. Questions 131

LESSON XXII

I. Bình-Luận về Thời-Cuộc 133
II. Vocabulary 135
III. Grammar Notes 137
IV. Questions 138

LESSON XXIII

I. Trích Lời Của Mao Chủ Tịch 141
II. Vocabulary 143
III. Grammar Notes 145

LESSON XXIV

I. Đấu Tranh Giai Cấp và Đế Quốc Khủng Bố 147
II. Vocabulary 149
III. Grammar Notes 151

LESSON XXV

I. Dân Tộc Thuộc Địa 153
II. Vocabulary 155

GLOSSARY 159

LESSON ONE

I. DIALOGUE

DẠO QUANH THÀNH-PHỐ

Hai : Sáng nay giời mát, tôi lại rủ anh đi dạo phố chụp ảnh. Anh có bận gì không?

Lee : Dạ không. Tôi cũng định chụp một ít ảnh gửi về Mỹ cho gia-đình tôi từ lâu rồi, nhưng mỗi lần ra phố tôi lại quên không đem máy ảnh theo.

Hai : Lần này anh đừng quên nhé! Tôi định hôm nay đưa anh đến chợ Bến-Thành, sở thú, viện bảo-tàng, và Lang Ông ở Gia-Định chơi. Đến buổi trưa thì chúng mìnn ra cầu Bình-Lợi an một bữa cơm đạc-biệt Việt-Nam.

Lee : Tối nay xin mời anh vào Chợ-Lớn an cơm Tầu, rồi chúng mình đi xem hát cải-lương, hay đi xem chiếu bóng.

Hai : Thế thì còn gì bàng! Tối nay không có phim gì hay, nhưng đoàn Thanh-Nga diễn tuồng Hai Bà Trưng. Chuyện này hay lám, chúng ta nên đi xem. Chúng mình nên đến rạp hát sớm mua vé cho có chỗ ngồi tốt.

Lee : Chúng mình gọi xe xích-lô xuống chợ Bến-Thành nhé!

Hai : Thôi chúng mình đi bộ đi, vừa khỏe người lại vừa khỏi tốn tiền.

Lee : Vâng, như vậy thì càng hay. Đi bộ thì mình có thể vừa hóng mát vừa ngám cảnh, và nhìn người qua lại. Người ta làm gì mà đứng xung quanh cửa hàng kia đông quá thế?

Hai : Hình như là hai chị bán cá đang đánh nhau, chửi nhau, và những người đứng xem đang cố can họ mà không được.

II. Vocabulary

rủ	to invite, to come along, to urge or ask
dạo	to wander, stroll, take a walk
ảnh	photograph
chụp ảnh	to take a photograph
gửi	to send, dispatch, remit
quên	to forget
máy ảnh	camera
sở thú	zoo
viện	classifier for institutions
viện bảo tàng	museum
lang	royal tomb
lang Ông	tomb of Marshall Lê-Van-Duyệt
cầu	bridge
đạc-biệt	typical, special
hát	to sing or give a performance
xem hát	to go to a play
cải-lương	reformed Vietnamese opera
chiếu bóng	to show movies
phim	films, movies
đoàn	troupe, flock, detachment
diễn	to perform, relate or explicate
tuồng	a play
rạp hát	a theater
vé	a ticket or coupon
vừa	both... and ...
tốn	to be costly (money, time, effort)
càng	to do increasingly, all the more...
hóng	to enjoy, receive
ngám	to behold a view, to take aim at
cảnh	landscape, view, scenery
nhìn	to look at or stare
xung quanh	all around
cửa hàng	a shop
đánh	to fight, to strike or hit

chửi	to call names, to insult	can	to intervene

III. GRAMMAR NOTES

The numbers used for the grammar notes correspond to the number of the line in which the element involved occurs, as indicated in the right hand margin of the text.

14. The phrase 'còn gì bàng', functions as an exclamation and is generally equivalent to the English expression, 'what could be better than that'.

19. In this kind of parallel construction, the element 'vừa' relates the two actions involved as taking place or being possible at the same time, much as the English construction 'both... and...'. In some instances it may also resemble the notion of 'while doing... also doing...'. When this element functions as a particle, not in parallel construction, it has the same range of meaning and function as the pre-verbal auxiliary 'mới' (just..., then and only then).

21. The element 'càng', serves either to intensify the degree of the following stative verbal or to relate two actions in a 'the more... the more...' type relationship. The following examples are typical:

a. Việc ấy thì càng hay hơn nữa.	That is even better.
b. Ông ấy càng nói tôi càng mệt.	The more he talks the more tired I get.
c. Người ta càng ngày càng nghèo.	People are getting poorer and poorer every day.

23. This use of the particle 'mà' sets up a resumptive relationship between two clauses or verbal phrases, rather than the usual disjunctive function of 'mà' (as in sentence 26 following). This function can be outlined as a 'that' (of manner) or 'so as to...' in English, but can only be understood in context, as in:

a. Ông làm gì mà chưa biết!	What were you doing, that you don't know yet!
b. Họ đi đâu mà đi mau thế?	Where are they going, that they are going so quickly?

IV. QUESTIONS

1. Sáng hôm ấy giời như thế nào?
2. Ông Hai lại nhà ông Lee để mời ông ấy làm gì?
3. Ông Lee định gửi gì về Mỹ?
4. Tại sao ông Lee chưa gửi ảnh về Mỹ?
5. Ông Hai định đưa ông Lee đi đâu chơi?
6. Trưa hôm ấy họ định đi đâu?
7. Họ định đi cầu Bình-Lợi làm gì?
8. Bao giờ họ đinh đi an cơm Tầu?
9. Tối hôm ấy ông Lee mời ông Hai vào Chợ-Lớn làm gì?
10. Sau khi an cơm tối xong họ định đi đâu?
11. Cải-lương và chiếu bóng khác nhau như thế nào?
12. Ông Lee và ông Hai định xem cải-lương hay chiếu bóng?
13. Đoàn Thanh-Nga hôm ấy diễn tuồng gì?
14. Ông Hai thấy chuyện ấy có hay không?
15. Tại sao ông Hai muốn đến rạp hát sớm?

16. Ông Lee muốn đi đến Chợ Bến-Thành bàng gì?
17. Tại sao ông Hai muốn đi bộ đến đấy?
18. Tại sao ông Hai bàng lòng đi bộ?
19. Ông Hai và ông Lee gạp chuyện gì xảy ra trên đường đi?
20. Khi hai ông ấy đến thì hai chị bán cá đang làm gì?
21. Những người đứng xem cố làm gì?

LESSON TWO

I. DIALOGUE

ỐM ĐAU

Smith : Ông có biết bác-sĩ nào giỏi không?

Phan : Ông không được khỏe à?

Smith : Tôi chỉ hơi nhức đầu thôi. Tôi không cần phải đi bác-sĩ bây giờ, nhưng tôi muốn biết tên một bác-sĩ giỏi nhỡ khi bị ốm thì đi.

Phan : Tôi biết một ông bác-sĩ rất giỏi, để tôi biên tên và địa chỉ của ông ta cho ông. Ông này hiện đang chữa cho nhà tôi.

Smith : Bà bị ốm à? Tôi mong là không có gì nặng.

Phan : Nhà tôi bị đau ruột thừa, mới mổ hôm qua. Bây giờ thì nhà tôi còn hơi mệt vì thuốc mê chưa tan hản.

Smith : Thời buổi này đau ruột thừa là chuyện thường, không nguy hiểm như ngày trước, vì y-khoa đã tiến bộ nhiều rồi.

Phan : Thưa ông, ông nói rất đúng. Ông nhức đầu như vậy đã uống thuốc gì chưa?

Smith : Dạ, cám ơn ông tôi đã uống một viên thuốc nhức đầu rồi. Nhà tôi bị đau rang, nên tiện thể xin ông cho tôi tên và địa-chỉ một nha-sĩ giỏi để tôi đưa nhà tôi lại đây chữa.

Phan : Đây là địa-chỉ của một ông bác-sĩ và một ông nha-sĩ. Ông nên xin hẹn gạp nha-sĩ trước khi đưa bà lại.

Smith : Vâng, tôi sẽ gọi điện-thoại lại xin hẹn. Tôi phải đưa nhà tôi lại nha-sĩ ngay để hàn rang xâu chứ để lâu sợ phải nhổ.

Phan : Nha-sĩ này có đủ dụng-cụ tân-tiến. Chác bà lại đấy chữa sẽ hài lòng lám. Có một điều tôi muốn dạn ông bà là ông bà nên cẩn-thận kẻo mác bệnh kiết và sốt rét.

Smith : Thật ông lo cho chúng tôi quá! Hồi mới sang đây nhà tôi bị bệnh kiết phải nàm nhà thương mấy ngày. Chúng tôi bây giờ mỗi ngày đều uống thuốc ngừa bệnh sốt rét.

Phan : Hiện nay người ta có thuốc ký-ninh chữa bệnh sốt rét rất hiệu-nghiệm. Thuốc đáng nhưng tốt lám.

II. VOCABULARY

đi bác-sĩ	to see a doctor
nhỡ	in case that
biên	to jot down or make a note
hiện nay	at the present time
chữa	to cure, treat, to take care of
mong	to expect, desire, hope that
đau ruột thừa	appendicitis
mổ	to operate on, to cut open. dissect
mệt	to be tired
thuốc mê	an anesthetic
tan	to dissolve, to disperse
hản	completely, fully
thời buổi này	these days
ngày trước	formely, before
tiến (bộ)	to make progress. move forward
viên	tablet, pill
rang	tooth
đau rang	toothache

tiện thể	for convenience's sake, while we're on the subject
hẹn	to promise or agree an appointment or ultimatum
điện thoại	telephone
gọi điện-thoại	to make a phone call
hàn	to fill a tooth, to weld, solder, to heal a wound
rang sâu	decayed tooth
nhổ	to pull out, to uproot, to pluck
đầy	to be full, to have fully
đầy đủ	to be well provided
dụng-cụ	equipment, tools
hài lòng	to be satisfied, happy, content
dặn	to advise, instruct
kiết	dysentery
thật	to be real or true, really, truly
nằm	to lie down or recline
nằm nhà thương	to be in the hospital
ngừa	to prevent
ký-ninh	quinine
hiệu-nghiệm	to be effective
đắng	to be bitter

III. GRAMMAR NOTES

17. The use of the combination 'đã... chưa' as a question frame, results in a kind of choice question 'have... already or not?'. In the introductory text, this combination functioned with the expression 'bao giờ' in forming 'have you ever' type questions, as in:

a. Ông đã bao giờ an thử bì bún chưa?
Have you ever tried 'bi bun'?

The choice question function as given here is more common than the combined function given previously.

20. This use of 'để' is typical of the resultative function of this element, which is usually translated as 'in order to' or 'so that'. Examine the function of 'để'

in sentence 6 above, in order to distinguish the 'let' or 'allow' type of construction, which is never resultative (a following complement to the main verb of a sentence) but is generally an independent predicate of either a main or subordinate clause. This resultative function is much clearer in sentence 26 below.

32. The element 'quá: excessively' functions as a modifier of 'lo: to worry' in this sentence. This type of construction, where some kind of object or attributive phrase comes between a verb and an adverbial modifier is typical of both 'quá' and 'lắm', whenever they are an emphatic comment on the extent or comparison of the main verb.

32. The element 'hồi' functions here as an indefinite time expression 'when (in the past)', and the subject 'we' is understood. Thus the introductory nature of 'when (we) just arrived here', is that of a larger relative time expression.

IV. QUESTIONS

1. Ông Smith hỏi ông Phan về việc gì?
2. Ông Smith bị đau bụng, phải không?
3. Ông Smith có cần đi bác-sĩ không?
4. Ông Smith muốn biết tén một ông bác-sĩ để làm gì?
5. Ông bác-sĩ mà ông Phan giới thiệu cho ông Smith hiện đang chữa cho ai?
6. Vợ ông Phan bây giờ như thế nào?
7. Vợ ông Phan bị bệnh gì?
8. Vợ ông Phan bị mổ hồi nào?
9. Tại sao bà ấy còn hơi mệt?
10. Bây giờ đau ruột thừa có nguy-hiểm không?

11. Thời buổi này ngành y-khoa như thế nào?

12. Ông Smith đã uống thuốc nhức đầu hay chưa?

13. Vợ ông Smith bị bệnh gì?

14. Ông Phan còn cho ông Smith địa chỉ và tên của ai nữa?

15. Ông này là một nha-sĩ như thế nào?

16. Trước khi ông Smith đưa bà ấy đi nha-sĩ, ông ấy phải làm gì?

17. Tại sao ông Smith muốn đưa vợ đi nha-sĩ ngay?

18. Dụng-cụ ở phòng ông nha-sĩ như thế nào?

19. Ông Phan dặn hai vợ chồng ông Smith việc gì?

20. Tại sao vợ ông Smith phải nằm nhà thương?

21. Bây giờ mỗi ngày vợ chồng ông Smith uống thuốc gì?

22. Thuốc ký-ninh chữa bệnh gì?

LESSON THREE

I. NARRATIVE

KHÍ-HẬU Ở VIỆT-NAM

Khí-hậu ở Việt-Nam có một đạc tính chung là nóng và ẩm. Việt-Nam nàm vào miền gió mùa nên có mưa nhiều. Tuy nhiên khí-hậu miền Bác khác khí-hậu miền Nam, khu bờ biển khác khu cao-nguyên.

Khí-hậu miền Bác chia ra làm hai mùa rõ rệt: mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ bát đầu từ tháng nam đến tháng chín. Mùa hạ nóng và mưa nhiều. Tháng nam nhiệt-độ trung-bình là 77 độ, tháng sáu và tháng bảy là 85 độ. Mùa đông kéo dài từ tháng mười một đến tháng nam. Mùa này có nhiều ngày lạnh và có gió bấc. Thường thường nhiệt-độ trung-bình là 60 độ, có ngày lạnh đến 50 độ. Sau Tết Nguyên-Đán, thường có mưa phùn, mưa phùn làm ruộng đất mềm, nên nông-dân có thể bát đầu mùa màng.

Khí-hậu miền Trung thì hơi khác khí-hậu miền Bác một tí. Ở Bác Trung-Phần khí-hậu tương tự như khí-hậu miền Bác, nhưng mùa hạ thì nóng hơn. Miền Trung Trung-Phần thường hay có mưa nhiều, và hay có bão. Còn miền Nam Trung-Phần thì nóng quanh nam, nhưng miền cao-nguyên thì khí-hậu mát và dễ chịu.

Khí-hậu miền Nam nóng quanh nam, khí-hậu có thể chia ra làm ba mùa. Mùa mưa kéo dài từ tháng nam đến tháng mười. Mùa này có gió nồm, thường ngày nào cũng có một cơn mưa lớn về buổi chiều, thỉnh-thoảng có hôm mưa vào buổi sáng. Trong mùa này ngày nóng đêm mát hơn. Mùa khô và mát kéo dài từ tháng mười một đến tháng hai. mùa này có gió bấc thổi. người trong Nam coi mùa này như mùa đông ngoài Bắc. Còn mùa khô và nóng thì bát đầu vào tháng hai cho đến tháng tư hay tháng nam. Gió bấc vẫn thổi. nhiệt độ rất cao. có khi cả tháng không mưa giọt nào làm cho thời tiết rất khó chịu.

II. VOCABULARY

đặc-tính	special characteristic,
chung	to be common to, mutual(ly)
ẩm	to be humid or damp
nằm vào	to lie within
gió mùa	monsoon
tuy nhiên	however
khu	area, district, zone, section
bờ biển	sea-coast, sea-shore
cao-nguyên	highlands
chia	to divide, separate, distribute
chia ra làm	to divide into...
rõ-rệt	to be clear
trung-bình	average, on the average
độ	degree (of angle or temperature)
gió bấc	the north wind
tết	a feast or festival
Tết Nguyên-Đán	New Year's festival
phùn	to be drizzling or misty
ruộng	field or rice-field
ruộng đất	land or fields
mềm	to be soft
nông-dân	peasant, farmer
mùa màng	harvest season or cultivation season
tí	a little bit, to be tiny
Trung-phần	Central Vietnam
tương-tự	to be similar to
gió nồm	the south wind
cơn mưa	a squall of rain
thỉnh-thoảng	from time to time, now and then
đêm	night time
khô	to be dry
coi	to look at, regard or consider as
thổi	to blow (of wind), to play (a wind instrument)
giọt	a drop (of water or blood)
thời-tiết	the weather or climate

III. GRAMMAR NOTES

17. In this sentence the combination 'thường hay' functions as a synonym compound, and thus is considered to form one syntactic word.

22. The element 'cơn' functions here as a verbal classifier. Its basic meaning 'an outburst, a rage, a fit' is applied to classify or describe an instance of rain, as in:

a. Tuần trước có vài cơn mưa nặng.
Last week we had several cloudbursts.

b. Mùa này đã có vài trận bão.
This season we have had several storms already.

26. The verbal element 'coi' has a a more figurative meaning in this sentence. It combines with the element 'như' to form a discontinuous predicate 'coi...như...', and translates as 'to consider... to be like... '.

IV. QUESTIONS

1. Đạc tỉnh chung của khí hậu Việt-Nam như thế nào?
2. Tại sao Việt-Nam có mưa nhièu?
3. Việt-Nam nàm vào mièn gì?
4. Khí-hậu mièn Bác có giống khí-hậu mièn Nam không?
5. Khu bờ biển và khu cao nguyên, khí-hậu có giống nhau không?
6. Mièn Bác có mấy mùa rõ rệt?
7. Mùa hạ ở mièn Bác bát đàu từ tháng mấy đến tháng mấy?
8. Mùa hạ ở mièn Bác khí-hậu như thế nào?
9. Tháng nam ở mièn Bác, nhiệt-độ trung-bình là bao nhiêu?
10. Ở mièn Bác, tháng bảy và tháng nam thảng nào nóng hơn?

11. Ở ngoài Bác mùa đông kéo dài từ tháng mấy đến tháng mấy?

12. Mùa đông ở ngoài Bác có gió gì thổi?

13. Ở ngoài Bác, mùa đông nhiệt độ trung-bình là bao nhiêu?

14. Sau Tết Nguyên-Đán, thường có mưa gì?

15. Khỉ hậu miền Bác Trung-Phần so với khi-hậu miền Nam Trung-Phần thì như thế nào?

16. Miền nào ở Trung-Phần hay có mưa nhiều?

17. Ở Trung-Phần chỗ nào mát và dễ chịu?

18. Miền Nam mát quanh năm, phải không?

19. Ở miền Nam khi-hậu có thể chia ra làm mấy mùa?

20. Ở trong Nam, mùa mưa kéo dài từ tháng mấy đến tháng mấy?

21. Mùa mưa ở trong Nam có gió gì thổi?

22. Ở trong Nam vào mùa mưa, thường mưa vào buổi sáng hay buổi chiều?

23. Mùa khô và nóng có gió gì thổi?

LESSON FOUR

I. DIALOGUE

THƯ-TÍN VÀ GIAO-THÔNG

Long : Tôi muốn gửi gói này sang Phi-Luật-Tân. Ông thấy cần độ bao nhiêu tiền tem?

Bình : Ông muốn gửi bàng máy bay hay tầu thủy?

Long : Nếu không đát quá, thì tôi gửi bàng máy bay.

Bình : Thưa, gửi máy bay hơi đát. Nếu ông không vội lám, tầu thủy đi chỉ mất hai tuần là cùng.

Long : Thế thì tôi gửi bàng tầu thủy cho rẻ. Tôi không biết cái này cân nạng bao nhiêu, nhưng có vẻ nạng dưới nửa ký-lô thôi.

Bình : Nếu ông gửi bàng tầu thủy thì chỉ tốn độ mười đồng, chứ gửi tầu bay tốn ít ra gấp nam gấp sáu lần.

Long : Tôi cũng muốn gửi một bức thư đi Nam-Vang. Thư nhẹ nên tôi sẽ gửi bàng máy bay. Mỗi ngày có mấy chuyến máy bay đi Nam-Vang?

Bình : Dạ, hình như có ba chuyến mỗi ngày, nếu tôi không nhầm. Sáng, chiều, và tối, mỗi buổi đều có một chuyến.

Long : Có nhiều chuyến đến thế kia à!

Bình : Thưa vâng. Vì đường đi Nam-Vang dạo này nguy hiểm lám nên người ta ai cũng đi bàng máy bay.

Long : Tầu-hỏa ra ngoài Trung bây giờ còn chạy không ông?

Bình : Dạ còn, nhưng đường xe hỏa ra ngoài ấy hay bị phá lám. Bây giờ đi đâu xa chỉ đáp máy bay là tiện nhất. Vé máy bay tuy đát hơn vé tầu hỏa và xe đò nhiều, nhưng đi bàng máy bay vẫn an-ninh hơn.

Long : Biết đâu, một ngày kia đường xá sẽ an-ninh trở lại, người ta không còn phải bát buộc phải đáp máy bay mỗi khi đi đâu xa.

II. VOCABULARY

gói	package
Phi-Luật-Tân	The Philippines
tem	a stamp (postage or tax)
tiền tem	postage costs or stamp costs
vội	to be hasty, urgent, pressing
là cùng	at the most
cân nặng	to weigh, weight
kí-lô	a kilogram (2.2 lbs.)
tầu bay	airplane
ít ra	at the least
Nam-Vang	Phnom-Penh
bức	(classifier for paintings letters, hangings, etc.)
thư	a letter
chuyến	trip, run, journey, voyage, flight
nhầm	to be mistaken
tầu hỏa	train
đường xe hỏa	railway
phá	to destroy, demolish
đáp	to board (a ship, plane, train)
biết đâu	who knows...
đường xá	roads
bát buộc	to force, compel, coerce

III. GRAMMAR NOTES

15. The element 'chuyến', while basically a nominal element, functions as a kind of counter or classifier for the activities of each kind of vehicle involved in transportation. Thus it will be variously translated as 'trip, flight, run, journey, etc.'.

25. The conditional nature of the construction introduced by 'tuy: even though', depends very strongly on the resumptive nature of the following 'nhưng... vẫn... '. and becomes a kind of 'even though... but... is still... '. In more typical constructions, 'tuy' is more closely followed by the resumptive 'vẫn'.

28. The repetition of the element 'phải' in this sentence is somewhat redundant, but serves to strengthen the emphasis of the statement.

IV. QUESTIONS

1. Ông Long muốn gửi gói đồ đi đâu?
2. Ông Long hỏi ông Bình về tiền tem như sao?
3. Ông Bình cho ông Long biết gì về gửi đồ đi Phi-Luật-Tân?
4. Người ta có thể gửi đề sang Phi-Luật-Tân bàng gì?
5. Gửi đồ đi Phi-Luât-Tán bàng tầu thủy hay bàng máy bay rẻ hơn?
6. Gửi đồ bàng máy bay hay bàng tầu thủy nhanh hơn?
7. Gói đồ của ông Long nạng độ bao nhiêu?
8. Nếu ông Long gửi gói ấy bàng tầu thủy thì tốn bao nhiêu?
9. Nếu ông Long gửi bàng máy bay thì tốn bao nhiêu?
10. Gửi đồ bàng máy bay tốn gấp mấy lần tầu thủy?
11. Ông Long muốn gửi thư đi đáu?
12. Ông Long định gửi thư sang Nam-Vang bàng gì?
13. Mỗi ngày có mấy chuyến máy bay đi Nam-Vang?

14. Đường đi Nam-Vang dạo này như thế nào?
15. Tại sao ai cũng đi Nam-Vang bàng máy bay?
16. Tầu hỏa ra miền Trung dạo này còn chạy không?
17. Đi tầu hỏa ra ngoài Trung bây giờ có an-ninh không?
18. Đi xe đò, đi tầu hỏa và đi máy bay, đi bàng gì an-ninh nhất?
19. Ông Long đã nói ràng đường xá một ngày kia sẽ như thế nào?
20. Ông Long gủi đề đi Phi-Luật-Tân bàng tầu thủy hay bàng máy bay?

LESSON FIVE

I. DIALOGUE

PHƯƠNG-TIỆN GIAO-THÔNG

Lee : Xin ông cho tôi biết xuống Mỹ-Tho đi bàng cách nào tiện nhất?

Tam : Dạ, ngày nào cũng có nhiều chuyến xe đò và tầu hỏa xuống dưới ấy. Có người thì cho ràng đi tầu hỏa tiện hơn, nhưng có người lại cho ràng đi xe đò tiện hơn.

Lee : Có cần phải mua vé trước không ông?

Tam : Nếu đi tầu hỏa thì không cần, vì nhiều toa nên luôn luôn thừa chỗ ngồi, nhưng đi xe đò thì thường đông hành khách lám. Nếu ông đến bến xe muộn một tí, là có thể nhỡ chuyến xe vì hết chỗ ngồi.

Lee : Như thế thì để tôi đi tầu hỏa cho chác chán.

Tam : Vâng, ông đi tầu hỏa là phải, vì tầu hỏa tiện hơn xe đò nhiều. Nếu ông muốn nhanh hơn thì ông có thể đáp máy bay xuống Lục-Tỉnh.

Lee : Thế thì càng hay hơn nữa, nhưng chỉ có một điều là vé máy bay đát gấp nam vé tầu hỏa, phải không ông?

Tam : Dạ vâng. Ở Việt-Nam bây giờ chỉ có một công-ty hàng-không thôi, đó là hãng Hàng-Không Việt-Nam. Vì không có công-ty nào cạnh-tranh với họ nên họ không cần phải hạ giá vé để thu-hút hành-khách.

Lee : Ở bên Mỹ thì các hãng hàng-không càng ngày càng cạnh-tranh với nhau, họ thi nhau hạ giá nên vé máy bay so với vé tầu hỏa cũng không đát hơn bao nhiêu.

Tam : Sau này nếu Việt-Nam có nhiều công-ty hàng-không cạnh-tranh với nhau, thì vé máy bay chác chán cũng rẻ lám. Biết đâu một ngày kia vé máy bay sẽ rẻ đến nỗi ai cũng có thể đáp máy bay xuống Lục-Tỉnh.

Lee : Thưa, ông có biết chỗ nào tôi có thể hỏi về mấy chuyến máy bay đi Mỹ-Tho không?

Tam : Dạ, theo tôi thì ông nên hỏi ở khách-sạn. Thường thường họ biết.

II. VOCABULARY

cách	manner, way, fashion
cho rằng	to think that, believe that
lại	conversely, on the contrary, to act contrary to expectation
toa	railroad car
thừa	to have in excess, to be left over
chỗ ngồi	seat, place to sit
hàng khách	passenger
bến xe	bus stop, bus station bus terminal
nhỡ	to miss (a departure or opportunity)
chác chán	to be certain, firm, stable
Lục-Tỉnh	the six original provinces of South Vietnam
công-ty	company, firm, corporation
hàng-không	aviation, airline
hãng	company, firm
cạnh-tranh	to compete, competition
hạ	to lower, to bring down, to land
thu-hút	to attract
thi nhau	to compete or race
so	to compare
sau này	later on, hereafter
đến nỗi	to the point that
theo tôi	according to my point of view

III. GRAMMAR NOTES

4. This use of the element 'thì' is purely to mark an emphatic pause, in order to set off the preceding phrase. The same function is served in sentence 8.

10. The element 'là' does not function here in its usual role as an equative verb, but has a broader function as an emphatic conjunction, This function is much like that of 'thì' in conjoining causally related clauses,(in construction with 'nếu'), and they are generally interchangeable in this type of sentence.

12. The element 'phải' is used here in its most basic function, as a stative verbal (to be correct, true, or proper). The use of 'là' before 'phải' is an emphatic construction which can be used with any stative verbal in a properly contrastive or emphatic context.

IV. QUESTIONS

1. Ông Lee hỏi ông Tam điều gì?
2. Người ta có thể đi xuống Mỹ-Tho bằng gì?
3. Thường thường bao lâu lại có một chuyến xe đò hay tầu hỏa đi Mỹ-Tho?
4. Đi Mỹ-Tho bằng tầu hỏa hay bằng xe đò tiện hơn?
5. Đi tầu hỏa có cần phải mua vé trước không?
6. Tại sao đi tầu hỏa không cần phải mua vé trước?
7. Xe đò thường có đông hay ít khách?
8. Nếu bạn muốn đi xe đò, nhưng đến muộn một tí thì sao?
9. Ông Lee định đi tầu thủy hay đi xe đò?
10. Tại sao ông Lee định đi tầu hỏa?

LESSON 5

11. Đi Mỹ-Tho bàng cách nào nhanh nhất?

12. Vé máy bay đát mấy lần vé tầu hỏa?

13. Ở Việt-Nam có mấy hãng hàng không?

14. Tại sao ở Việt-Nam vé máy bay rất đát?

15. Tại sao vé máy bay ở bến Mỹ không đát hơn vé tầu hỏa bao nhiêu?

16. Ở Mỹ có nhiều hay ít hãng hàng không?

17. Ông Tam mong là một ngày kia vé máy bay ở Viêt-Nam sẽ như thế nào?

18. Ông Tam bảo ông Lee đi hỏi về vé máy bay ở đâu?

19. Vé máy bay so với vé tầu hỏa ở bến Mỹ có đát không?

20. Hãng hàng-không phải làm gì để thu-hút hành-khách?

LESSON SIX

I. NARRATIVE

VIẾT THƯ VỀ NHÀ

Từ hôm sang Việt-Nam đến nay, tôi đã viết về nhà nhiều lần, tả cho gia-đình tôi biết về phong cảnh, đời sống dân chúng và tình-hình tại đây.

Ngày đầu tiên đến Sài-Gòn, vừa đạt chân xuống phi-trường Tân-Sơn-Nhất là tôi vội vàng đi đánh giây thép về nhà báo tin ràng tôi đi đường bình-an và đã đến nơi đến chốn, để gia-đình tôi được yên lòng. Sau khi về đến khách-sạn, tôi viết thêm một bức thư dài thuật lại những gì đã xẩy ra từ lúc tôi lên máy bay tại phi-trường Cựu-Kim-Sơn, chảng hạn tôi đã đi tham những chỗ nào và làm những gì khi phi-cơ ghé Hạ-Uy-Di, Nhật-Bản, Phi-Luật-Tân, dọc đường Thái-Bình-Dương. Đấy là lần đầu tiên tôi rời khỏi nước Mỹ, nên cái gì đối với tôi cũng xa lạ cả. Trước khi đi, tôi đã đọc nhiều về các nước Viễn-Đông, nhưng khi đạt chân lên các nước này tôi vẫn không khỏi cảm thấy bỡ ngỡ. Nhưng cùng lúc ấy tôi cũng cảm thấy thú-vị được nhìn tận mát những điều mà tôi đã đọc từ trước đến nay ở trong các sách báo.

Viết thư xong, tôi dán tem ngoài phong bì, đề địa-chỉ, rồi đi bỏ thư ngay cho kịp giờ người đưa thư đến lấy đi.

LESSON 6

II. VOCABULARY

tả	to describe, express or write
phong-cảnh	landscape, view, scenery
dân chúng	the people or native population
tình-hình	the situation or conditions
đầu tiên	the first, initial instance
đặt chân	to set foot
phi-trường	airport or landing field
vội vàng	to be in a hurry
đánh giấy thép	to send a telegram
báo tin	to inform, announce
bình-an	to be safe, secure, peaceful
nơi	a place, location
chốn	a place, location
đến nơi đến chốn	to reach a destination
yên-lòng	to be assured or unworried
thuật-lại	to relate, narrate, or report
xẩy ra (xay ra)	to occur, take place
Cựu-Kim-Sơn	San Francisco
chảng-hạn	for instance, for example
phi-cơ	airplane
ghé (lại)	to stop by
Hạ-Uy-Di	Hawaii
dọc	along, enroute, lengthwise
Thái-Bình-Dương	The Pacific
rời (khỏi)	to leave
đối với	with respect to, concerning
xa-lạ	to be unfamiliar or strange
nước	a country
cảm thấy	to feel or be affected by
bỡ ngỡ	to be inexperienced or amazed
thú-vị	to be pleasant, interesting
tận mát	with one's own eyes
dán	to paste
phong bì	an envelope
đề	put down, inscribe
bỏ thư	to mail a letter
kịp giờ	to be on time
người đưa thư	postman
lấy đi	to take away

III. GRAMMAR NOTES

5. This use of the equative verb 'là' serves to connect two independent clauses in a mildly emphatic relationship. The construction would be the same without 'là' but its use establishes the following relationship between the two clauses:

'Given, the situation A (it is the case that) B'

This same position could be occupied by the particle 'thì', but the resulting construction would be simple chronological order, and would lack the point of emphasis.

10. This use of the plural demonstrative 'những' forms an indefinite plural much like the singular 'cái gì', and is an alternative to the more complete phrase 'những việc gì'.

13. The element 'cả' functions here in combination with the correlative 'cũng', in making the indefinite reference of 'gì' serve as inclusive. It also adds emphasis to the 'completely, entirely' nature of the inclusive function.

15. The use of 'cùng' before the indefinite time expression 'lúc ấy' results in a more emphatic and inclusive time phrase, which conveys the meaning of 'at that same time', rather than simply 'then' or 'at that time'. This element functions in this way with several other indefinite time expressions.

16. The preverbal auxiliary 'được' functions here in its secondary meaning of 'to be able to', and has a more emphatic function than usual, in that it also serves to connect the actions of the two parallel clauses.

IV. QUESTIONS

1. Từ khi rời nước Mỹ ông ấy đã viết thư về nhà mấy lần?
2. Trong khi viết thư, ông ấy tả cho họ biết về việc gì?
3. Ngày đến Sài-Gòn, ông ấy xuống phi-cơ ở chỗ nào?
4. Tại sao ông ta muốn đánh giấy thép?
5. Tới phi-trường Tân-Sơn-Nhất. ông ấy vội vàng đi đâu?
6. Trước khi rời nước Mỹ. ông ấy ở thành-phố nào?
7. Ông ấy viết thêm một bức thư để cho người ta biết gì?
8. Ông ấy rời khỏi nước Mỹ bàng gì?
9. Dọc đường Thái-Bình-Dương. ông ấy ghé lại đâu?
10. Ông ấy đã đi thăm Nhật-Bản lần nào chưa?
11. Nước Phi-Luật-Tán cách Hạ-Uy-Di có xa không?
12. Ông ấy đã rời khỏi nước Mỹ mày lần rồi?
13. Ông ấy lên máy bay rời nước Mỹ tại phi-trường nào?
14. Khi mới đến Việt-Nam. ông ấy vội vàng làm việc gì?
15. Tại sao cái gì đối với ông ta cũng xa lạ?
16. Trước khi sang Việt-Nam. ông ấy quen với nước ấy lám. phải không?
17. Tuy đã đọc nhiều về các nước Viễn-Đông, ông ta vẫn cảm thấy như thế nào?
18. Ông ấy đã đọc gì để biết nhiều về Việt-Nam?
19. Làm thế nào mà chúng ta biết họ dùng tem để gửi thư ở Việt-Nam?
20. Tại sao ông ta phải bỏ thư ngay khi viết xong?
21. Khi được nhìn tận mát những gì trong nước Viễn-Đông. ông ấy có thích không?

LESSON SEVEN

I. DIALOGUE

DANH-LAM THÁNG-CẢNH

Black: Tháng sau tôi được nghỉ vài tuần, muốn nhân cơ-hội đưa nhà tôi đi chơi đây đó, cho biết nhiều về nước Việt-Nam. Theo ông thì chúng tôi nên đi những đâu?

Minh : Cái ấy thì tùy ông bà muốn làm gì? Nếu ông bà muốn đi tám biển thì ra Vũng-Tầu, Long-Hải, Nha-Trang, hay xuống Hà-Tiên. Nếu ông bà muốn đi nghỉ mát và san bán thì lên Đà-Lạt hay Ban-Mê-Thuộc.

Black: Lần nghỉ này tôi định đưa nhà tôi đi Ban-Mê-Thuộc, Đà-Lạt và Nha-Trang. Còn những chỗ khác thì đợi lần nghỉ sau. Ông có thể nói sơ qua về những chỗ trên cho tôi nghe không?

Minh : Ban-Mê-Thuộc là một vùng san bán nổi tiếng miền Cao-Nguyên. Ở đây rừng núi hoang-vu, có nhiều thú vật như: hổ, báo, nai, vân vân.... Vùng này có đông người Thượng. Ông bà có thể tham làng họ, và mua những đồ tiểu-công-nghệ do họ sản-xuất để làm kỷ-niệm.

Black: Tôi nghe nói phong cảnh Đà-Lạt đẹp lám, có đúng không ông?

Minh : Vâng, Đà-Lạt có rừng thông và nhiều thác nước, tuy không hùng-vĩ như thác Niagara, nhưng có lẽ đẹp và thiên-nhiên hơn. Ở đây ông bà có thể đi san bò rừng và nai.

LESSON 7

Black: Thưa ông, ở Nha-Trang có gì lạ không?

Minh : Bãi-biển Nha-Trang nổi tiếng đẹp vì bãi cát trắng và nước trong xanh. Quanh vùng có những tháp Chàm cổ kính.

Black: Từ Đà-Lạt ra Nha-Trang chúng tôi nên đi bằng gì?

Minh : Ông bà nên đi bằng xe hơi, vì dọc theo đường đi, phong cảnh rất ngoạn-mục. Một bên thì núi cao chót vót, một bên thì biển rộng bao la. Trên đường đi, ông bà sẽ đi qua đèo Hải-Vân, đèo này nổi tiếng là đẹp.

Black: Nghe ông tả hay quá, tôi chỉ mong cho chóng đến ngày nghỉ để đi chơi.

II. VOCABULARY

cơ-hội	opportunity
nhân cơ-hội	to take advantage of the opportunity
đây đó	here and there
tùy	to depend on...
tắm	to bathe
biển	sea, ocean
săn bắn	to hunt
sơ qua	to be sketchy
nổi tiếng	to be famous, to become famous
rừng	forest, jungle, woods
núi	a mountain
hoang vu	wild, overgrown, uncultivated
thú-vật	animals
hổ	a tiger
báo	a panther
nai	a deer
người Thượng	Montagnards
làng	a village
tiểu-công-nghệ	handicrafts
do	to be done/caused by..., because of...
sản-xuất	to produce
kỷ-niệm	to commemorate, a remembrance
thông	pine tree
thác nước	waterfall
hùng-vĩ	to be great, imposing
thiên-nhiên	Nature, to be natural
bò rừng	a wild ox
lạ	to be strange or unusual
bãi-biển	beach, sea-shore

cát	sand
trong	to be pure, clear
tháp	tower
Chàm	the Champa nation
cổ-kính	to be ancient
ngoạn-mục	to be beautiful
chót vót	to be very tall, lofty
rộng	to be side, spacious, broad
bao la	to be huge, immense
đèo	a mountain pass
chóng	to be fast, quick, rapid

III. GRAMMAR NOTES

3. This use of the element 'những' forms an indefinite plural which functions much like 'những gì' (see Lesson Six, line 10). In this sentence the indefinite plural combination also functions as the interrogative element. It is equivalent to the expression 'những chỗ nào' (see 'những chỗ khác' in line 9 below).

15. The combination 'người thượng' is the general Vietnamese term for all of the various aboriginal mountain peoples who live throughout the Central Highlands of Vietnam.

16. The element 'do' functions in constructions like this as a marker of a passive relationship, and is a somewhat more literary form than the elements 'được' and 'bị' which are generally used in colloquial language to mark this same relationship. In other constructions it may function like the element 'vì: because'.

IV. QUESTIONS

1. Chừng nào ông Black sẽ được nghỉ?
2. Ông ấy sẽ được nghỉ bao lâu?
3. Ông Black muốn nhân cơ-hội ấy làm gì?

4. Nếu ông Black muốn đi tắm biển thì nên đi đâu?
5. Nếu họ muốn đi săn bắn thì họ có thể đi đâu?
6. Người ta có thể làm gì ở Đà-Lạt và Ban-Mê-Thuộc?
7. Vũng-Tàu, Long-Hải, Nha-Trang và Hà-Tiên có gì đặc biệt?
8. Lần này ông ấy định đưa vợ đi đâu?
9. Ban-Mê-Thuộc có những thú vật gì?
10. Ở Ban-Mê-Thuộc có người gì đặc-biệt?
11. Ông Minh bảo ông Black nên mua gì để làm kỷ-niệm?
12. Ông Black có thể đi thăm gì ở Ban-Mê-Thuộc?
13. Đà-Lạt có những gì đặc-biệt?
14. Đà-Lạt ở miền nào Việt-Nam?
15. Thác nước ở Đà-Lạt có hùng-vĩ như thác Niagara không?
16. Những tháp Chàm ở Nha-Trang như thế nào?
17. Ông Black có thể đi săn gì ở Đà-Lạt?
18. Ở Nha-Trang có gì cổ kính?
19. Bãi biển ở Nha-Trang như thế nào?
20. Đường đi ra Nha-Trang phải đi qua đèo gì?
21. Dọc đường đi Nha-Trang phong cảnh có gì lạ?
22. Tại sao ông Black mong chóng đến ngày nghỉ để đi chơi?

LESSON EIGHT

I. DIALOGUE

AN MỪNG CÁC NGÀY LỄ TẾT

Black: Thưa ông, hôm nay mấy tây?

Hai : Thưa, hôm nay nam tây.

Black: Thế thì chỉ còn hai mươi ngày nữa là tới ngày lễ Giáng-Sinh.

Thưa ông, bên này người ta an lễ Giáng-Sinh có lớn không?

Hai : Thưa ông, có nhiều người Việt theo đạo Thiên-Chúa, nên người ta an lễ Giáng-Sinh khá lớn.

Black: Dạ, chác phần đông người theo đạo Thiên-Chúa là người theo đạo Gia-Tô, phải không ông?

Hai : Vâng. Ở Việt-Nam có tất cả chừng hai triệu tín đồ Gia-Tô Giáo.

Cũng có một số ít người theo đạo Tin-Lành.

Thưa ông, chác hầu hết dân Mỹ theo đạo Tin-Lành, phải không?

Black: Vâng. Tuy nhiên bên nước tôi, người đạo Công-Giáo vẫn là một thiểu số quan-trọng.

Hai : Bên Mỹ đa-số dân chúng theo đạo Thiên-Chúa, thì lễ Sinh-Nhật chác long trọng lám.

Black: Vâng, ngày lễ Sinh-Nhật là ngày lễ chính ở nước tôi.

Còn ở bên này người ta coi ngày lễ nào là ngày quan-trọng nhất?

Hai : Dạ, Tết là một ngày lễ chính cho tất cả mọi người.

Black: Thưa ông, Tết là ngày lễ gì?

Hai : Dạ, Tết là ngày lễ an mừng nam mới.

Black: À! Tôi hiểu rồi.

Hai : Nói cho đúng, thì phải nói là Tết Nguyên-Đán, vì Tết là tiếng chung cho nhiều ngày lễ.

Nhưng người ta gọi là Tết cho khỏi dài giòng.

Black: Thưa ông, người Việt an Tết vào lúc nào?

Hai : Dạ, chúng tôi an Tết theo âm-lịch.

Black: Xin lỗi ông, âm lịch nghĩa là gì?

Hai : Dạ, âm-lịch là lịch định theo mạt trang. Trái với dương-lịch là lịch định theo mạt trời.

Black: Thế thì người Việt an Tết nhằm ngày nào theo dương-lịch?

Hai : Dạ, không có ngày nào nhất-định. Có khi vào cuối tháng giêng, có khi nhằm đầu tháng hai theo dương-lịch.

Nam nay Tết Nguyên-Đán nhằm ngày mười lam, tháng hai, dương-lịch. Nghĩa là ngày mồng một, tháng giêng, âm-lịch.

II. VOCABULARY

mấy tây	what day is it (by Western calendar)
lễ	a feast, festival, or ritual
lễ Giáng-Sinh	Christmas
an lễ	to celebrate a festival
đạo	a doctrine, religion, or ethical system
đạo Thiên-Chúa	Christianity
phần đông	the majority
đạo Gia-Tô (Công-Giáo)	Catholicism
tín đồ	a follower or believer (religious)
Tin-Lành	the Gospel, Protestant
hầu hết	almost all
thiểu số	a minority
quan-trọng	to be important
đa số	a majority
sinh-nhật	a birthday (Christmas)
long-trọng	to be festive and solemn, to be formal
chính	to be principle, main, or chief
an mừng	to celebrate an occasion
nam mới	the new year
tiếng chung	a common term
dài giòng	to be lengthy or long
âm-lịch	lunar calendar, Chinese calendar
mạt trang	the moon
trái	to be contrary to, to be the reverse of
dương-lịch	solar calendar, Western calendar
mạt trời	the sun
nhàm	to occur on, to aim at
nhất định	to decide definitely
cuối tháng	the end of the month
đầu tháng	the beginning of the month
mồng	(prefix for first ten days of the month)

III. GRAMMAR NOTES

1. This form of the question and its corresponding answer are the most common way to refer to the day of the month. It is possible to stress the reference to the exact day, by way of wanting more specific information, as in line 35, by using 'ngày nào', but this form is much less frequently used in a general context. In either case, the contemporary reference is usually to the Western or solar calendar, as in:

a. Hôm nay mấy tây?	What day is today?
b. Hôm nay bẩy tây.	Today is the seventh.

3. This sentence is a good example of the use of the equative verb 'là' as an emphatic connective. If the particle 'thì' were used instead of 'là', the sentence would be much less emphatic and would lack the identificational inference of the second clause (see note 5. Lesson 6).

41. The element 'mồng' or 'mùng' may be used in reference to one of the first ten days of the month, as in:

a. Hôm nay mồng mấy?	What day is today?
b. Hôm nay mồng bẩy.	Today is the seventh.

IV. QUESTIONS

1. Ông Black và ông Hai đang nói chuyện với nhau vào hôm nào?
2. Còn mấy ngày nữa thì tới ngày lễ Giáng-Sinh?
3. Ở Việt-Nam người ta an lễ Giáng-Sinh có lớn không?
4. Tại sao ở Việt-Nam người ta an lễ Giáng-Sinh như thế?
5. Phần đông những người theo đạo Thiên-Chúa ở Việt-Nam theo đạo gì?
6. Ngày lể Sinh-Nhật nhằm ngày nào?

7. Ở Việt-Nam có bao nhiêu tín-đồ Gia-Tô giáo?
8. Ngoài đạo Gia-Tô ra, người Việt-Nam còn theo đạo gì cũng thuộc về Thiên-Chúa giáo?
9. Ở Việt-Nam đa số dân chúng theo Gia-Tô giáo, phải không?
10. Ở bên Mỹ đa-số dân-chúng theo đạo gì?
11. Ở bên Mỹ, ngày lễ nào là ngày lễ quan-trọng nhất trong nam?
12. Ở Việt-Nam ngày lễ nào là ngày lễ chính cho mọi người?
13. Tết nghĩa là gì?
14. Tên dài của 'nam mới' là gì?
15. Tại sao người ta gọi 'Tết' mà không gọi là 'Tết Nguyên-Đán'?
16. Theo âm-lịch, Tết nhàm vào ngày nào?
17. Âm-lịch và dương-lịch khác nhau như thế nào?
18. Nam nay Tết Nguyên-Đán nhàm ngày nào theo dương-lịch?
19. Dương-lịch là lịch gì?
20. Theo dương-lịch Tết có nhàm vào một ngày nào nhất định không?

LESSON NINE

I. NARRATIVE

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết Nguyên-Đán là ngày lễ long-trọng nhất ở Việt-Nam. Ngày ấy là ngày đầu nam, theo âm-lịch. Thường thì vào cuối tháng giêng hay đầu tháng hai dương-lịch. Nam một nghìn chín tram bẩy mươi mốt là nam con lợn, qua ngày mười lam tháng hai tây, nam một nghìn chín tram bẩy mươi hai là nam con chuột.

Gọi là chính lễ, thì có ba ngày: mồng một, mồng hai, và mồng ba. Nhưng thật ra, thì người ta bát đầu an Tết vào ngày hai mươi ba, tháng chạp. Vào ngày đó, người ta tiễn Táo-Quân về trời để tâu Thượng-Đế chuyện dương-gian.

Đêm giao-thừa, khi tất cả gia-đình sum họp đông đủ, trước bàn thờ tổ tiên, người lớn tuổi hơn hết, thay mặt mọi người cúng mời ông bà, về an Tết với con cháu. Trong ba ngày Tết, trên bàn thờ, được bầy đầy hương đèn, hoa quả. Mỗi khi đến hai bữa cơm chính, con cháu cũng không quên bầy lên bàn thờ hai mâm cơm cho ông bà. Khi khách đến chúc Tết, thì vái lạy bàn thờ trước, rồi mới mừng tuổi nhau sau. Họ chúc nhau ba chữ: phúc, lộc, thọ.

Ngày đầu nam là ngày người ta đi lễ chùa, đi nhà thờ hay đi tham bà con, bạn bè. Người ta dè-dặt, trong mọi việc làm, mọi lời nói, vì họ tin ràng, ngày ấy là tượng-trưng cho cả một nam sáp đến. Vì vậy đến ngày ba mươi, tháng chạp là ai cũng cố quên hết những nỗi phiền muộn của nam vừa qua. Người thiếu nợ, thì cố trả cho hết nợ để bát đầu một nam mới tốt đẹp, vui vẻ.

Các thầy bói, thì thừa dịp làm tiền. Họ ngồi ở ngoài cửa các đình chùa, để đón khách hàng. Nhiều người mê tin, kéo nhau tới xem bói, tốn nam mười đồng bạc để mua chút hy-vọng về tương lai.

Dầu Tết Nguyên-Đán, không giống hẳn lễ Giáng-Sinh bên Âu-Mỹ, nhưng cũng có ý-nghĩa tương tự một phần nào. Chảng hạn, về miền quê, có nhiều nhà dựng nêu, trước sân. Cây nêu là một cây tre cao, trên đầu có treo đèn hình con cá, ban đêm tháp sáng, lại có treo những mảnh vải đỏ và những cái chuông nhỏ để xua đuổi ma-quỷ tới phá nhà. Ở Việt-Nam thì như thế, nhưng không hiểu bên Âu-Mỹ người ta tin gì, mà dựng cây Giáng-Sinh. Hơn nữa, cũng như lễ Giáng-Sinh, Tết Nguyên-Đán, là một dịp cho gia-đình xum-họp, và đối đãi tủ-tế với tất cả mọi người.

II. VOCABULARY

lợn	a pig
chuột	a rat or mouse
tiễn	to see (someone) off, to say good-bye to
Táo-Quân	the kitchen God
tâu	to report (to the king)
Thượng-Đế	God, the heavens
dương-gian	the physical world
đêm giao-thừa	New Year's Eve
sum họp	to gather together (a family), to be united
đông đủ	to be complete, full
bàn thờ	an altar or shrine
tổ tiên	ancestors, forefathers

thay mạt	to represent or act on behalf of
cúng	to offer sacrifices to, make offerings to
ông bà	(here) ancestors
bầy	to display, set out
đầy	to be full, all over
hương	incense sticks
đèn	candle, lamp, lantern
hoa quả	flowers and fruits
mâm	a tray
chúc	to wish, congratulate or celebrate
vái	to greet or pay respects to

lạy	to greet, pray, or bow low
mừng tuổi	to wish Happy New Year
phúc	good luck, happiness
lộc	prosperity
thọ	long life
bà con	relatives or relations
bạn bè	a friend, or some friends
tin	to believe
tượng-trưng	to symbolize or represent
vì vậy	because of this
nỗi	a bad situation
phiền muộn	to be sad or troublesome
thiếu nợ	to owe debts
tốt đẹp	to be fine or good
thừa (dịp)	to avail oneself of (an opportunity)
thầy bói	fortune-teller
đình	communal hall in a traditional village
khách-hàng	customers
mê-tín	to be suspicious
kéo nhau	to go together
bạc	money or silver
chút	a little bit
hy-vọng	to hope, hopes
tương lai	to be in the future. the future
hản	(after a verb) completely, thoroughly
Âu-Mỹ	Europe and America
ý-nghĩa	meaning, significance
tương-tự	to be similar (to each other)
dựng	to erect or put up
nêu	a New Year's pole
sân	a courtyard, field. or court
cây	plant or tree. (classifier for stick-like objects)
tre	bamboo
treo	to hang, suspend or display
hình	form, shape. image
ban đêm	night time
tháp	to light (lamp, candle. etc.)
sáng	to be bright, well-lighted
mảnh	fragments, torn or broken pieces (cloth or other materials)
chuông	a bell
xua đuổi	to drive away or chase away
ma quỷ	ghosts and devils
đối đãi	to behave toward
tử-tế	to be kind, decent. or care for

III. GRAMMAR NOTES

4. In this usage, the element 'qua' has the meaning of 'to pass' or 'go by'. The usual meaning of this element concerns the crossing over or through some defineable limit, such as a river, ocean, mountain range, road, international border, etc.

14. The element 'được' marks a passive construction in this usage, and the phrase 'được bày' is thus the passive predicate 'are displayed (an abundance of...)', which relates to the following substantive elements.

21. The phrase 'tin ràng': to believe that', has the same attributive function that the phrase 'nói ràng: to say that...' has on a following clause. It serves to introduce an indirect quote or figurative attribution.

24. The element 'trả' functions in combination with the element 'cho', to form a compound predicate which has the meaning of 'to pay back', and the combination functions together with the resultative 'hết', to complete the meaning of 'to pay back completely'. This kind of compounding with 'cho' forms a large class of predicates which have a kind of attribution 'to' or 'for' someone or something.

31. The phrase 'một phần nào' functions here as an indefinite expression, and is roughly equivalent to the English 'somewhat' or 'in part'.

37. The conjunctive particle 'mà' has a resumptive function in this construction, and serves to relate the following clause to the previous comment in a 'cause-effect' relationship. It could be translated as 'when they' on 'in view of the fact that', but it should be remembered that it is still purely a relational element.

IV. QUESTIONS

1. Đối với người Việt-Nam Tết là một ngày như thế nào?
2. Thường Tết nhằm vào ngày nào theo dương-lịch?
3. Nam một nghìn, chín tram, bẩy mươi hai là nam con gì?
4. Nam một nghìn, chín tram, bẩy mươi mốt là nam con gì?
5. Gọi là chính lễ thì có mấy ngày?
6. Thật ra người ta bát đầu an Tết vào ngày nào?
7. Ngày hai mươi ba tháng chạp, người ta làm gì?
8. Người ta tiễn Táo-Quân để làm gì?
9. Đêm giao-thừa là đêm gì?
10. Đêm giao-thừa, người Việt-Nam làm gì?
11. Trên bàn thờ người ta bầy gì?
12. Đến hai bữa cơm chính, người ta làm gì?
13. Khi khách đến chúc tết thì họ làm gì trước?
14. Trong ba ngày Tết họ chúc nhau gì?
15. Thường Tết kéo dài trong bao lâu?
16. Tại sao người ta dè dạt trong mọi việc làm trong ba ngày Tết.
17.. Tại sao đến ngày ba mươi tháng chạp. mọi người cố quên hết những nỗi phiền muộn của nam vừa qua?
18. Người thiếu nợ cố làm gì để bát đầu một nam mới tốt đẹp?
19. Các thầy bói ngồi ở đầu để đón khách?
20. Tại sao những người mê tin đi xem bói?
21. Tết Nguyên-Đán tương tự như lễ Giáng-Sinh ở chỗ nào?

LESSON 9

22. Trong dịp Tết Nguyên-Đán, người ta dựng cây nêu ở đâu?

23. Trên cây nêu, người ta treo gì?

24. Bên Âu-Mỹ, người ta dựng cây gì vào dịp lễ Giáng-Sinh?

25. Tết Nguyên-Đán và lễ Giáng-Sinh là dịp gia-đình làm gì?

26. Trong dịp này người ta đối đãi với nhau như thế nào?

LESSON TEN

I. DIALOGUE

LÀM RUÔNG: GIEO MẠ VÀ CẤY LÚA

Lee : Đám người đàn bà kia, đang khom lưng làm gì đấy ông?

Hai : Dạ, họ đang cấy lúa.

Lee : Thưa ông, tôi rất muốn biết về cách người ta trồng lúa.

Ông có thể cát nghĩa sơ qua cho tôi biết không?

Hai : Dạ, tôi cũng không biết rõ về nghề làm ruộng lám.

Nhưng tôi có thể cát nghĩa cho ông biết lúa trồng như thế nào.

Lee : Như vậy thì tôi cám ơn ông nhiều lám.

Hai : Vào khoảng tháng nam, sau khi giời đã mưa khá nhiều, người ta bát đầu cầy ruộng, bừa ruộng cho đất xốp.

Lee : Người ta dùng con gì để kéo cầy, kéo bừa?

Hai : Dạ, người ta dùng trâu hay dùng bò.

Lee : Thường thường người ta cầy bừa ruộng độ mấy lần?

Hai : Dạ, người ta phải cầy ruộng nhiều lần lám.

Sau khi ruộng cầy lần thứ nhất, cỏ thường mọc lên rất nhiều. Vì vậy người ta phải cầy nhiều lần cho hết cỏ dại, và cho đất thật xốp.

LESSON 10

Lee : Sau khi cấy ruộng xong, người ta làm gì?

Hai : Thưa sau đấy người ta bón phân, rồi gieo mạ.

Vào khoảng tháng tám, tháng chín, sau khi mạ mọc cao độ bốn nam tấc, người ta nhổ mạ để cấy sang ruộng khác.

Lee : Thưa ông, một tấc dài bao nhiêu?

Hai : Dạ, một tấc là một phần mười của một thước hay chừng bốn đốt.

Lee : Cấy lúa có vẻ vất vả quá, thật tội-nghiệp cho mấy người đàn bà nhà quê kia.

Hai : Dạ, đứng khom lưng ngoài náng cả ngày, thì không có gì sướng.

Lee : Thưa ông, cấy lúa xong rồi, thì bây giờ chỉ còn chờ lúa chín chứ gì?

Hai : Dạ, không hản như thế. Lúa cần phải có nước mới sống, nên người nhà quê phải luôn luôn coi chừng xem lúa có đủ nước hay không.

Lee : Thưa ông, người nhà quê đem nước vào ruộng bàng cách nào?

Hai : Dạ, thường thường họ tát nước ao, nước lạch, vào ruộng bàng gàu.

Lee : Lúa chín rồi, thì người dân quê phải gat lúa, phải không ông?

Hai : Dạ phải, họ dùng liềm gặt lúa từng lượm.

Rồi họ buộc lại thành từng bó, và gánh về sân đập lúa.

II. VOCABULARY

đám	a crowd or group
khom lưng	to bend over or stoop
lúa	the rice plant
cấy lúa	to transplant rice
trồng	to grow or cultivate
ruộng	a ricefield
cẫy ruộng	to plow a field
bừa ruộng	to harrow a field
đất	earth, soil, land
xốp	to be loose or spongy (of soil)
trâu	a water buffalo
cỏ	weeds, herbs, grasses
mọc	to grow
cỏ dại	weeds
bón	to fertilize
phân	manure, fertilizer
gieo	to sow
mạ	rice seedlings
tấc	a decimeter
đốt	an inch
vất vả	to be laborious
sướng	to be happy or gay
chín	to become ripe
coi chừng	to watch out or be careful
tát	to drain or scoop (water)
ao	a pond
lạch	a canal or waterway
gàu	a scoop or pail for drawing water
gặt	to reap or harvest
liềm	a sickle or scythe
từng	quantity or amount, in groups of...
lượm	to pick up, collect, a handful or bunch
từng lượm	by the handful or bunch
buộc (lại)	to bind, fasten or tie
thành	to become...
bó	to tie in a bundle, a bundle or bunch
gánh	to carry (on poles)
đập	to thresh
sân đập	threshing area

III. GRAMMAR NOTES

25. The phrase 'một phần mười' expresses a percentage ration 'one-tenth'. This is the most common way of expressing percentage and ratio in Vietnamese. The following examples outline the system:

một phần ba	one third
hai phần mười	two-tenth
nam phần tram	5 per cent
sáu mươi lam phần tram	65 per cent

32. The use of both 'chứ' and 'gì' constitutes a kind of emphatic choice question, in which the speaker asserts a certain state of affairs (as with a 'chứ' question) and leaves an element of doubt or indefiniteness through the final 'gì'.

43. The element 'thành' is used here as a resultative verb, in which usage it usually serves to express a change of state. As a main verb (usually followed by 'ra') it expresses the notion of 'becoming' or 'changing into'. In this type construction, it is best translated as 'into'.

IV. QUESTIONS

1. Ông Lee trông thấy ai đang làm việc?
2. Những người này đang làm gì?
3. Ông Lee xin ông Hai cát nghĩa gì?
4. Bao giờ người ta bát đầu cầy và bừa ruộng?
5. Sau khi giời như thế nào thì người ta bát đầu cầy và bừa ruộng?
6. Người nhà quê cầy và bừa ruộng như thế nào?

7. Họ dùng con gì để kéo cày, kéo bừa?
8. Tại sao người ta phải cày bừa ruộng nhiều lần?
9. Người ta bón phân vào lúc nào?
10. Khi nào người ta bát đầu gieo mạ?
11. Tại sao người ta phải nhổ mạ khi mạ mọc cao?
12. Cấy lúa xong rồi, người nhà quê phải làm gì?
13. Muốn cho cây lúa có đủ nước, người ta phải làm gì?
14. Cây lúa cần có gì mới sống được?
15. Người ta tát nước vào ruộng bàng gì?
16. Người ta tát nước ở đâu vào ruộng?
17. Lúa chín rồi, người nhà quê phải làm gì?
18. Họ dùng gì để gạt lúa?
19. Gạt lúa xong rồi, họ làm gì?
20. Họ làm gì để đem lúa vào sân?
21. Người ta đem lúa về đâu để đập?
22. Họ gạt lúa làm sao?
23. Để gánh lúa về sân, người nhà quê phải làm gì?

LESSON ELEVEN

I. GIÁO-DỤC VIỆT-NAM

Black: Hệ-thống giáo-dục ở Viêt-Nam không giống ở Mỹ, phải không?

Hai : Dạ không. Hệ-thống trường-học của chúng tôi giống như hệ-thống của Pháp.

Black: Xin ông cát nghĩa cho tôi biết.

Hai : Chúng tôi học nam nam trường tiểu-học, rồi bốn nam trường trung-học đệ-nhất-cấp, sau đó chúng tôi vào trường trung-học đệ-nhị-cấp ba nam.

Black: Như vậy thì số nam học ở trường tiểu-học và trường trung-học ở nước ông cũng giống như ở nước tôi.

Hai : Dạ phải, nhưng chúng tôi phải thi tất cả bốn lần. Lần thứ nhất sau nam nam tiểu-học; lần thứ nhì sau bốn nam trung-học đệ-nhất-cấp; lần thứ ba sau hai nam trung-học đệ-nhị-cấp. Kỳ thi lần này gọi là thi tú-tài phần thứ nhất hay tú-tài phần một. Còn kỳ thi cuối cùng thì vào nam chót của trung-học đệ-nhị-cấp. Lần này gọi là thi tú-tài phần thứ nhì hay tú-tài phần hai.

Black: Học trò phải thi nhiều lần như thế à! Nhưng các kỳ thi thế nào? Khó hay dễ?

Hai : Dạ khó lám. Thường chỉ độ một phần ba số thí-sinh đỗ. Chúng tôi phải thi viết trước, nếu đỗ mới được thi vấn-đáp.

LESSON 11

Black: Thưa ông, người ta dậy gì ở trường trung-học?

Hai : Trong bốn nam đầu, người ta dậy phổ-thông. Ba nam sau thì người ta chú trọng vào các môn chuyên-khoa như khoa-học, toán-học, triết-học, và van chương...

Black: Ông đã học ở trường đại-học ở đây chưa?

Hai : Dạ chưa. Tôi mới có bàng tú-tài phần thứ nhất thôi. Tôi đã thi tú-tài phần thứ hai, nhưng chưa biết đỗ hay trượt.

Black: Ông có định theo học trường đại-học ở đây không?

Hai : Dạ, có lẽ. Nhưng tôi muốn xin học bổng để đi Mỹ học.

Black: Ông muốn học ngành gì?

Hai : Tôi chưa nhất định, nhưng có lẽ là kinh-tế-học hay chính-trị-học.

Black: Có nhiều trường đại-học dậy môn đó khá. Ông muốn xin học bổng gì?

Hai : Tôi sẽ nói chuyện với viện Giáo-Dục Quốc-Tế. Chị tôi được viện này cho học bổng.

Black: Thưa ông, trường học ở Việt-Nam mở cho giai gái học chung, phải không?

Hai : Thưa ông, phần đông những trường công thì giai gái học riêng, nhưng trường tư thì hay mở chung cho cả giai lẫn gái.

Black: Có nhiều sinh-viên Việt-Nam đi du-học không?

Hai : Dạ rất ít. Một số con nhà giầu được cha mẹ cho đi ngoại-quốc học. Tuy nhiên hàng nam chính-phủ Việt-Nam cũng cung-cấp một số học bổng cho các sinh-viên ưu-tú đi du-học.

II. VOCABULARY

hệ-thống	system
giáo-dục	education
đệ-nhất-cấp	first degree, first level
đệ-nhị-cấp	second degree, second level
thi	to take an examination, an exam, contest, competition
kỳ	a fixed time, session, number, term
tú-tài	baccalaureate, high school diploma
cuối cùng	in the end, finally, the very last
chót	to be the last in a series, the lowest ranking
học-trò	pupil or student
thí-sinh	degree candidates
đỗ	to pass an exam
vấn-đáp	question and answer, an oral examination
phổ-thông	to be general, universal, popular, or common
chú-trọng	to pay special attention to, attach importance to
chuyên-khoa	specialized courses
khoa-học	Science
toán-học	Mathematics
triết-học	Philosophy
bàng	diploma or degree
trượt	to fail an exam
học-bổng	a scholarships
kinh-tế-học	Economics
chính-trị-học	Political Science
quốc-tế	international
công	to be public, common
tư	to be private, personal
lẫn	to be mixed together, confused, mixed up
du-học	to study abroad
hàng (nam)	every (year), through a series of (years)
cung-cấp	to supply or provide
uư-tú	to be brilliant or outstanding

III. GRAMMAR NOTES

7. The element 'đệ' which occurs in this sentence as part of the proper noun construction, serves as an ordinalizing prefix, and as such it may function in numerous other combinations of Sino-Vietnamese numerical elements, as in:

đệ-nhất	(thứ nhất)	đệ-lục	(thứ sáu)
đệ-nhị	(thứ hai)	đệ-thất	(thứ bẩy)
đệ-tam	(thứ ba)	đệ-bát	(thứ tám)
đệ-tứ	(thư bốn)	đệ-cửu	(thứ chín)
đệ-ngũ	(thứ nam)	đệ-thập	(thứ mười)

38. This use of the element 'đó' is typical of the southern dialect, in which it often functions in place of 'ấy' in indirect reference; and of 'kia' in demonstrative reference (that), but the alternation is not always consistent.

40. The modification pattern involved in the use of the element 'viện: institute, house, hall' varies from preposition to post-position, in that the Chinese pattern of modification (modifier + modified) is often substituted for the Vietnamese pattern (modified + modifier). The system is not always predictable, and varies with local usage, as in:

viện đại-học/đại-học viện	university
bảo-tàng viện	museum
viện khảo-cứu	research institute

43. This use of 'chung', as well as that of line 45 below, constitutes adverbial modification of the preceding verb, and refers to manner or means. In such cases, 'mutually, in common, together, etc.' represent the possible range of meaning.

IV. QUESTIONS

1. Hệ-thống giáo-dục Việt-Nam giống như hệ-thống giáo-dục nước nào?
2. Ông Black xin ông Hai cảt nghĩa cho ông ta biết về việc gì?
3. Ở Việt-Nam học-sinh phải học mấy nam ở trường tiểu-học?
4. Sau khi học xong ở trường tiểu-học, học sinh lên học trường nào?
5. Học-sinh trung-học học mấy nam ở trung-học đệ-nhị-cấp?
6. Học-sinh phải học bao lâu ở trung-học đệ-nhất-cấp?
7. Ở Việt-Nam sau khi học hết trung-học, học sinh phải thi tất cả mấy lần?
8. Khi nào học-sinh phải thi tú-tài phần một?
9. Tú-tài phần một còn gọi là gì?
10. Bao giờ học-sinh phải thi tú-tài phần hai?
11. Tú-tài phần hai còn gọi là gì?
12. Khi nào học-sinh Việt-Nam phải thi lần thứ nhất?
13. Còn kỳ thi cuối cùng thì sao?
14. Cac kỳ thi ở Việt-Nam có khó không?
15. Thường thường mỏi kỳ thi bao nhiêu thí sinh đỗ?
16. Trước khi thi vấn đáp học-sinh phải thi gì?
17. Những học-sinh nào được thi vấn đáp?
18. Trong bốn nam đầu ở trường trung-học, người ta chú trọng về những gì?
19. Bao giờ thì học-sinh bát đầu học chuyên khoa?
20. Các môn chuyên khoa là những môn gì?

21. Ông Hai định xin học bổng để làm gì?

22. Ông Hai định học môn nào ở trường đại-học?

23. Những trường học nào ở Việt-Nam thì trai gái học chung?

24. Còn những trường nào thì trai gái học riêng?

25. Những gia-đình nào ở Việt-Nam hay cho con đi ngoại quốc học?

26. Chính-phủ Việt-Nam thường cung cấp học bổng cho những sinh-viên nào đi du-học?

27. Ông Hai mới thi bàng gì?

28. Ông ấy đỗ hay trượt?

29. Người ta dậy phổ-thông ở phần nào của hệ-thống giáo-dục?

30. Nếu một học-sinh muốn được học bổng để đi du-học thì học sinh ấy phải như thế nào?

LESSON TWELVE

I. CHÍNH-TRỊ VÀ GIAO-DỤC

Hai : Tối ngày kia ông thủ-tướng sẽ làm tiệc thết-đãi các đại-sứ. Tôi mới được thiệp của van-phòng thủ-tướng mời đi dự.

Smith: Tôi cũng được thiệp mời lúc nãy, nhưng tôi sợ không đi được.

Hai : Có dịp bát tay các nhà tai mát mà anh bỏ qua sao?

Smith: Hôm qua tôi được dây thép gọi lên Nam-Vang. Tôi đã đánh dây thép cho hay ràng trưa ngày kia tôi sẽ có mạt ở trên ấy.

Hai : Tôi thì vừa được thiệp mời, tôi gọi điện-thoại nhận lời ngay. Tôi nóng lòng muốn gạp mạt các nhân-viên trong nội-các mới thành lập.

Smith: Có lẽ các ngài sẽ có đủ mạt tối hôm đó.

Hai : Tôi sợ ràng ông bộ-trưởng canh-nông sẽ váng mạt. Tôi nghe nói ông ta đi váng đến cuối thang mới về.

Smith: Ông ta có chân trong đảng nào không anh?

Hai : Ông ta cầm đầu đảng dân-chủ gần sáu nam. Ông ta đã làm chính-trị ngay từ lúc ông ấy mới ra trường. Ông ta đi đại-diện Việt-Nam tại hội nghị Liên-Á ở Ấn Độ.

Smith: Cuộc hội nghị đó hình như có tính cách van-hóa và kinh-tế hơn là chính-trị. Trong phiên họp hôm kia người ta thương-thuyết về việc trao-đổi sinh-viên giữa các nước Đông-Nam-Á.

Hai : Tôi mong rằng cuộc thương-thuyết sẽ đem lại một sự thỏa-thuận. Sinh-viên Việt-Nam cần phải đi ra ngoại-quốc cho biết đó biết đây.

Smith: Hình như hôm nay thì nhân-viên phái đoàn Nam-Dương và Miến-Điện đang nói về phương-pháp chống nạn mù chữ ở nước họ.

Hai : Chính phủ Việt-Nam cũng đang để ý rất nhiều đến vấn đề quan-trọng ấy. Họ hy-vọng là không bao lâu nữa mọi người Việt đều biết đọc, biết viết quốc-ngữ.

Bây giờ dân lao-động cũng ham đọc báo hàng ngày để biết tin tức trong nước và tin tức thế-giới. Đôi khi họ cũng lưu-tâm đến những bài bình-luận về chính-trị, xã-hội và kinh-tế.

Smith: Thưa ông, các bài báo có được viết theo một thể-van giản dị để cho thợ thuyền và nông-dân có thể hiểu được không?

Hai : Thưa ông, có chứ. Nhờ đọc báo dân-chúng dần dần học tham-dự chính-trị, nghĩa là tham-gia vào việc công.

II. VOCABULARY

thủ-tướng	prime minister
tiệc	a banquet or dinner
thết-đãi	to entertain
thiệp (mời)	a card (of invitation)
dự	to participate in, to attend
nãy	(time or occasion) just past
sợ	to fear or be afraid
bắt tay	to shake hands
tai mắt	notable person
dây thép	telegram, steel wire (also'giây thép')
hay	to know, be aware of
nhận lời	to accept or agree to
nóng	to be impatient, quick tempered, irascible
nóng lòng	to be impatient or anxious
nhân-viên	an employee, a member, personnel
nội-các	govermental cabinet
thành-lập	to form or set up
ngài	he, she, they (3rd person, high status)
bộ-trưởng	minister/secretary
canh-nông	agriculture
vắng (mặt)	to be absent or missing
có chân (trong)	to be a member of
đảng	clique, band, party (political)
cầm	to take hold of, retain
cầm đầu	to lead
dân-chủ	to be democratic, democracy
đại-diện	to represent, a representative
cuộc	(classifier)
hội-nghị	to confer or meet, a conference or meeting
Liên-Á	Pan-Asian
Ấn-Độ	India
tính cách	character or nature
văn-hóa	culture or education, educational or cultural
phiên-họp	a meeting
thương-thuyết	to negotiate
trao-đổi	to exchange
thỏa-thuận	to agree or consent
phái đoàn	a mission or delegation
Nam-Dương	Indonesia
Miến-Điện	Burma

phương-pháp	method or way
chống	to oppose or resist
nạn	a difficulty, danger, disaster, or misfortune
mù chữ	to be illiterate
nạn mù chữ	illiteracy
vấn đề	a problem, topic, subject, or question
quốc-ngữ	national writing system (VN)
lao-động	to toil or labor, a laborer or worker
tin-tức	news
thế-giới	the world
lưu-tâm	to pay attention to
bài	text, lesson, or script (classifier for texts)
bình-luận	to comment, a commentary or editorial
xã-hội	society, social, socialist, social welfare
thể-van	literary form or style
giản-dị	to be simple or easy
thợ-thuyền	workers
dần dần	little by little
tham-dự	to take part in
tham-gia	to take part in

III. GRAMMAR NOTES

6. The use of the conjunction 'mà' in this sentence has the effect of a disjunction 'but', however, it is somewhat stronger in this context. It would be best translated as 'and yet', in order to render the degree of emphasis present.

10. The element 'vừa' which occurs here, not being part of a parallel construction, has the same function as 'mới' would have in the same place. It has the preverbal modifier function which refers to the temporal occurance of the action, and is translated by 'just, only, then and only then'.

13. The element 'ngài' has a pronominal function, and is used to refer to third person pronominal subjects of very

high status. It is a somewhat archaic term, formerly used in second person direct address to high officials and now used only in referring to high status individuals.

19. The phrase 'đi đại-diện' does not function in the sense of a purpose construction as does 'đi bác-sĩ: to see a doctor', but in another sense of purpose which relates to the function of the position described. Thus it must be translated as 'to go as a representative'.

21. The element 'cuộc' functions here as a classifier for activities, meetings, games, etc.. In this phrase, it simply serves to introduce the construction 'that conference'. In line 25 below, it serves to form a substantive expression from the verbal compound 'thương-thuyết'. It often has the function of a verbal classifier as well as a substantive classifier.

38. The element 'được' is used here as a marker of a passive relation, making the main predicate the passive predicate 'to be written'.

41. The element 'nhờ' is used here in much the same sense as 'vì' but has the added implication of 'thanks to the fact that', in addition to the usual sense of 'because'.

IV. QUESTIONS

1. Ai làm tiệc thết các đại-sứ?
2. Bao giờ thủ-tướng làm tiệc thết các đại-sứ?
3. Ông Smith có được mời đi dự tiệc không?
4. Tại sao ông Smith không đi dự tiệc?
5. Ông Smith được dây thép đi đâu?
6. Chừng nào ông Smith định đi lên Nam-Vang?

7. Ông Hai có định đi dự tiệc không?
8. Tại sao ông Hai gọi điện-thoại nhấn lời ngay?
9. Ông Hai nóng lòng muốn gạp ai?
10. Ông Hai sợ ràng ai sẽ váng mạt ở buổi tiệc?
11. Ông Bộ-trưởng Canh-Nông cầm đầu đảng gì?
12. Ông ta cầm đầu đảng Dân-Chủ bao lâu?
13. Ông Bộ-trưởng Canh-Nông bạt đầu làm chính-trị từ nam nào?
14. Khi nào ông Bộ-trưởng Canh-Nông đi váng về?
15. Hội nghị Liên-Á có tính cách gì?
16. Trong phiên họp hôm kia người ta thương-thuyết về vấn-đề gì?
17. Ông Hai mong ràng cuộc thương-thuyết sẽ như thế nào?
18. Tại sao ông Hai cho ràng sinh-viên Việt-Nam nên đi ngoại quốc?
19. Hôm nay phái đoàn nào nói chuyện về phương pháp chống nạn mù chữ?
20. Chính-phủ Việt-Nam cũng lưu tâm về vấn đề gì?
21. Dân lao-động Việt-Nam bây giờ ham đọc báo để làm gì?
22. Nhờ đọc báo mà dân chúng có thể học làm gì?

LESSON THIRTEEN

I. TIN-TỨC NGÁN

THIẾU TƯỚNG LÊ-VAN-VIỄN TỪ PHÁP VỀ SÀI-GÒN

Sài-Gòn- Nguồn tin thông thạo cho biết Thiếu-Tướng Lê-Van-Viễn sẽ từ Pháp về nước trong một ngày gần đây.

Nguồn tin trên cũng cho biết bà Lê-Van-Viễn đã cùng gia-quyến về Sài-Gòn từ mấy hôm trước.

TÂN ĐẠI-SỨ TRUNG-HOA DÂN-QUỐC TẠI VIỆT-NAM

Sài-Gòn 8-10.- Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hò[illegible]ã chấp-nhận việc chính-phủ Trung-Hoa Dân-Quốc cử Tướng Hồ-Liên giữ chức đại-sứ tại Việt-Nam, thay thế ông Viên-Từ-Kiện.

ĐIỆN-VAN CHÚC MỪNG LỄ QUỐC-KHÁNH MADAGASCAR

Sài-Gòn 13-10.- Trung-tướng Dương-Van-Minh, Chủ-Tịch Ban Lãnh-Đạo Lâm-Thời Quốc-Gia và Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, đã gủi điện-van chúc mừng ông Philivert Tsiranana, Tổng-Thống Cộng-Hòa Madagascar, nhân dịp lễ Quốc-Khánh của nước này, sẽ cử hành ngày mai thứ tư 14-10.

Trung-tương đã nồng nhiệt cầu chúc tổng-thống Tsiranana được an-khang hạnh-phúc và nhân dân Madagascar được phú-cường.

TÂN THAM-MƯU TRƯỞNG QUÂN-LỰC VNCH VÀ TÂN TU-LỆNH QUÂN-ĐOÀN 3

Sài-Gòn- (SP) Trung-tướng Trần-Van-Minh vừa được bổ nhiệm làm Tham-Mưu-Trưởng Quân-Lực VN để thay thế cho thiếu tướng Cao-Van-Viên có lẽ sẽ được bổ nhiệm làm Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3.

Chức vụ Tham-Mưu Trưởng cao hơn chức-vụ Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3, nhưng chức-vụ Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3 ở vùng Sài-Gòn quan-trọng hơn là công việc làm giấy, vì nó có thể góp phần quyết-định trong trường-hợp có biến cố.

Thiếu-tướng Viên rất được sự tín-nhiệm của thủ-tướng Nguyễn-Khánh.

BỘ-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO TRUNG-HOA XIN TỪ CHỨC

Theo các giới cầm-quyền ở Đài Loan thì ông Bộ-Trưởng Ngoại-Giao Trung-Hoa đã lại tỏ ý muốn từ chức. Hiện các nhà cầm-quyền Quốc-Gia đang kiếm người ra thế chân ông. Theo các giới hữu-quyền thì có lẽ ông đại-biểu Trung-Hoa ở Liên-Hiệp-Quốc, sẽ được cử giữ chức Ngoại-Trưởng Trung-Hoa. Hiện ở Đài-Loan người ta đương chờ ông ta ở Mỹ về.

TIẾP-KIẾN PHÁI-ĐOÀN NGHỊ-SĨ PHI LUẬT-TÂN

Sài-Gòn 7-10.- Hồi 11g trưa nay, Trung-Tướng Dương-Van-Minh, Chủ-Tịch Ban Lãnh-Đạo Lâm-Thời đã tiếp kiến phái-đoàn Nghị-Sĩ Phi-Luật-Tân tại Dinh Gia-Long.

Cuộc tiếp kiến kéo dài hơn nửa giờ đồng-hồ. Sau đó, tại một phòng khách ở tầng trên của Dinh Gia-Long, phái đoàn Nghị-Sĩ Phi-Luật-Tân đã được ông Phan-Khắc-Sửu, Chủ-Tịch Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia và các nhân-viên trong van phòng tiếp kiến.

ĐẠI-HỘI GIÁO-DỤC TOÀN-QUỐC

Sài-Gòn 5-10.- Đại-hội Giáo-dục toàn-quốc nam 1972 sẽ khai mạc vào lúc chín giờ sáng thứ bảy 10-10-1972 tại nhà Van-Hóa, 89 đường Lê-Van-Duyệt Sài-Gòn, để tiếp xúc với các đại-diện địa-phương tham dự Hội-Nghị Giáo-Dục Toàn-Quốc.

ĐẠI-HỌC HUẾ KHAI-GIẢNG SÁNG NGÀY 12-10

Huế 5-10.- Viện Đại-Học Huế vừa ra thông-cáo cho biết các phân-khoa và trường thuộc viện này sẽ chính-thức khai giảng sáng thứ hai 12-10.

Các sinh-viên nên tiếp-xúc với van phòng các phân-khoa hoặc trường để biết thêm chi-tiết cần thiết. Ngoài ra sinh-viên nào chưa ghi danh nhập học, hãy ghi gấp cho đến ngày 10-10 là hết hạn.

II. VOCABULARY

thiếu-tướng	brigadier general
nguồn	source, origin or cause
thông-thạo	to be expert or knowledgeable
gia-quyến	family, relatives, or dependents
tân	to be new, recent, or virgin
dân-quốc	a republic
cộng-hòa	a republic, republican
chấp-nhận	to accept, admit or approve
cử	to appoint or send
giữ chức	to assume an office, position, or title
điện-van	a telegram
quốc-khánh	national holiday
trung-tướng	major general
chủ-tịch	chairman or president of a committee
ban	committee, board, commission, department
lãnh-đạo	to lead, leadership

lâm-thời	to be provisional or temporary
quân-lực	armed forces
tổng-thống	president or chief of state
cử-hành	to celebrate, perform
nồng-nhiệt	to be warm, ardent, or intense
cầu chúc	to wish or congratulate
an-khang	to be in good health
hạnh-phúc	happiness
phú-cường	to be a prosperous and powerful nation
tham-mưu trưởng	chief of staff
tư-lệnh	to command, commander
quân-đoàn	an army corps
bổ-nhiệm	to appoint or assign
chức-vụ	a function or duty
công việc	a task, job, or work
làm giấy	to handle paper work
góp phần	to do one's share
quyết-định	to decide, to make decisions, a decision
trường-hợp	circumstances or conditions
biến-cố	an event or occurance
tín-nhiệm	to have confidence or trust, confidence
sự tín-nhiệm	the conficence of
ngoại-giao	foreign relations, diplomacy
từ-chức	to resign
giới	realm or circles
giới cầm-quyền	leading circles, those in power, the authorities
tỏ-ý	to make known an intention or opinion
kiếm	to look for
hữu-quyền	to be in power, the authorities
đại-biểu	to represent, a delegate or representative
Liên-Hiệp-Quốc	the United Nations
ngoại-trưởng	foreign minister
đương	to be in the process of...
tiếp-kiến	to receive or welcome (a high official)
nghị-sĩ	a senator
tầng trên	the upper floor
Thượng Hội-Đồng	the upper house of the legislature
đại-hội	a congress, convention, or general assembly

toàn-quốc	the whole nation, national
khai-mạc	to open or begin (a conference or meeting)
tiếp-xúc	to make contact
địa-phương	local, locality, local region
khai-giảng	to open or begin (a school or course)
thông-cáo	a bulletin or announcement
phân khoa	a faculty or subdivision of a university
thuộc	to belong to
chính-thức	to be official or formal
hoặc	either... or...
chi-tiết	details
cần-thiết	necessary
ghi danh	to register one's name
nhập học	to enter school
hãy	to be sure to, ought to
ghi gấp	to register in a hurry
hạn	to limit or restrict, a limit or deadline

III. GRAMMAR NOTES

15. The element 'việc' is often used as a classifier for verbal expressions used as substantive phrases, the function of such classifiers is to subordinate all that follows them to the main predicate, thus causing them to function as dependent clauses. The most convenient way to translate the classifier, when the dependent clause is fairly long or complicated. is 'the matter of...'.

23. The modification patterns involved in Vietnamese organizational titles does not always follow the order of successive subordination, which makes proper translation into English more difficult than usual. The build-up of the title in this line is as follows?

ban lãnh-đạo	leadership council
ban lãnh-đạo quốc-gia	national leadership council
chủ-tịch ban lãnh-đạo quốc-gia	chairman of the national leadership council

chủ-tịch ban lãnh đạo lâm-thời quốc-gia	chairman of the provisional national leadership.....

53. The element 'sự' functions as a classifier/nominalizer in much the same way as do 'việc' and 'cuộc'. Thus the expression 'sự tín-nhiệm của...' refers to 'the confidence of...'

60. The element 'hiện', which often occurs with the element 'nay' when functioning as a time expression 'hiện nay: at present', often serves the same function as an introductory element without the second term. In such cases the meaning remains the same. In other contexts this form can have a quite different function and meaning.

61. The element 'nhà' is often used as a classifier for certain types of prestigous persons (officials, experts, etc.). As such it may refer to either substantive phrases which function as titles or to predicative phrases which thus function in the same way. The element 'giới', above and below, functions in the same way, but is usually taken as a collective plural with the same basic reference.

71 The abbreviation '11g' stands for '11 giờ', and is a common abbreviation for time of day phrases.

77. The element 'hơn' often appears before quantitative expressions, expressing the relationship 'more than'.

81. The function of the element 'được' in this clause is to mark a passive construction. The length of the substantive 'personae' phrase should not obscure the fact that the relationship set up is 'đã được... tiếp kiến: were received by...'.

IV. QUESTIONS

1. Ai báo tin ràng Thiếu-tướng Viễn sẽ về Việt-Nam?
2. Thiếu-tướng sáp từ đâu về Việt-Nam?
3. Gia-quyến của Thiếu-tướng Viễn có về nước không?
4. Báo chí cho biết bao giờ Thiếu-tướng đến Sài-Gòn?
5. Hồi trước ông Viên-Tử-Kiện làm gì ở Viêt-Nam?
6. Chính-phủ Trung-Hoa Dân-Quốc cử ai thay ông Kiện?
7. Việt-Nam Cộng-Hòa đã làm gì về việc ông Liên giữ chức tại Việt-Nam?
8. Chủ-Tịch ban Lãnh-Đạo Lâm-thời Quốc-Gia là ai?
9. Trung-tướng Minh chúc mừng ông Tổng-Thống Tsiranana bàng gì?
10. Ông Chủ-tịch chúc mừng nhân-dân Madagascar nhân dịp lễ gì?
11. Khi nào Cộng-Hoà Madagascar cử hành lễ Quốc-Khánh?
12. Trung-tướng cầu chúc tổng-thống Tsiranana được như thế nào?
13. Trung-tướng Minh chúc ai được phú-cường?
14. Ai vừa được bổ-nhiệm làm tham-mưu-trưởng Quân-Lực Việt-Nam?
15. Thiếu-tướng Cao-Van-Viên đổi làm chức vụ gì?
16. Chức-vụ tham mưu-trưởng quân lực Việt-Nam so với chức vụ Tư-Lệnh quân đoàn 3 như thế nào?
17. Đặc-tính của chức-vụ tư-lệnh Quân-Đoàn 3 là gì?
18. Ai rất được sự tín-nhiệm của thủ-tướng Khánh?
19. Trong khi làm Tư-Lệnh Quân-Đoàn 3 Thiếu-tướng Viên sẽ đươc rảnh để góp phần làm việc gì cho chính-phủ Việt-Nam?
20. Người ta nói ràng chức-vụ ấy là công việc làm giấy thì chúng ta có thể cát nghĩa như thế nào?

21. Trong chính-phủ Trung-Hoa dân-Quốc có ai xin từ chức?

22. Tại sao người ta biết ông bộ-trưởng muốn từ chức?

23. Hiện nay các nhà cầm quyền đang làm việc gì về chức vụ ấy?

24. Bây giờ người sáp được cử làm bộ-trưởng đương giữ chức vụ gì?

25. Ông sẽ thế chân ông bộ-trưởng ngoại giao sáp ở đâu về?

26. Trung-tướng Dương-Van-Minh đã tiếp kiến phái đoàn nghị-sĩ của nước nào?

27. Ông chủ-tịch ban Lãnh-Đạo tiếp kiến phái đoàn ấy ở đâu?

28. Cuộc tiếp kiến phái đoàn Phi-Luật-Tân-kéo dài từ mấy giờ tới mấy giờ?

29. Sau đó phái đoàn Phi-Luật-Tân đã được ai tiếp kiến?

30. Cuộc tiếp kiến thứ hai xảy ra ở đâu?

31. Đại-Hội Giáo-Dục Toàn-Quốc nam nay sẽ khai-mạc ở đâu?

22. Địa-chỉ của nha Van-Hóa Sài-Gòn là gì?

33. Ai tham-dự Hội-Nghị Giáo-Dục Toàn-Quốc ở Sài-Gòn?

34. Cuộc tiếp kiến đại-diện Hội-Nghị Giáo-Dục khai mạc ngày nào và hồi mấy giờ?

35. Nam nay Đại-Học Huế sẽ khai-giảng vào ngày thứ mấy?

36. Nếu có sinh-viên nào chưa ghi danh nhập học thì họ nên làm gì?

37. Các sinh-viên muốn biết thêm chi-tiết cần thiết, nên tiếp xúc với ai?

38. Đến ngày mấy tây thì hết hạn ghi danh nhập-học?

LESSON FOURTEEN

I. TIN-TỨC CHIẾN-SỰ

TIN-TỨC CHIẾN-SỰ ĐỊA-PHƯƠNG

Sài-Gòn.- Theo tin chiến-sự của Bộ Quân-Lực phổ biến hôm nay, sau đây là tình hình các vùng chiến-thuật trong mấy ngày vừa qua.

Tiểu-khu Kontum

Trong khuôn khổ hành-quân 'Bình-Trị 31' ngày 18-11-71, ta hoạt-động chạm địch tại 10 cây số Bắc Daksut bắn chết 3 Việt-Cộng tại chỗ, tịch-thu 1 tiểu liên Thompson và một số đạn dược.

Tiểu-khu Bình-Định

Lúc 1 giờ 20 ngày 16-11-71 Việt-Cộng đột nhập trụ-sở xã Tam-Quan, cách xã Hoài-Nhơn về phía Đông-Nam mười hai cây số, gây cho ta một tử thương, bốn mất tích, sáu súng cá nhân và hai máy truyền-tin bị mất.

Tiểu-khu Quảng-Đức

Lúc 4 giờ ngày 17-11-71 Việt-Cộng đột nhập ấp Tân-Sinh Kon-Hon, cách miền Đông-Bắc Gia-Nghĩa 13 cây số. Hay tin, lực-lượng tiếp-viện đã chạm súng với Việt-Cộng gần địa-điểm trên khiến địch rút lui. Về phía ta có một tử thương, một bị thương (thuộc lực-lượng tiếp-viện), mười một thất lạc, và chín súng cá nhân của ấp Tân-Sinh bị mất.

VIỆT-CỘNG LIỆNG LỰU-ĐẠN VÀO XE JEEP MỸ

Sài-Gòn (SP)- Một sĩ-quan lục-quân Mỹ đã bị giết và một viên chức USAID bị thương khi xe jeep của họ bị liệng lựu-đạn ở Bình-Dương hồi chiều hôm thứ sáu.

Hai người này đang ngồi trên xe jeep thì một quả lựu-đạn nổ trúng xe họ.

Sĩ-quan lục-quân được đưa về Sài-Gòn trong khi viên chức USAID được điều trị tại bệnh-viện Tân-Sơn-Nhất.

XE CỐ VẤN MỸ BỊ MÌN

Tân-An (20-11)- Chiều 18-11 vừa qua, xe cố vấn Mỹ trên đường từ Mỹ-Tho về Sài-Gòn đã bị Việt-Cộng phục-kích giựt mìn trên quốc-lộ số bốn, cách Tân-An khoảng mười cây số về hướng Bắc. Kết quả xe của cố vấn này vô sự, chỉ một người ngồi trên xe bị thương.

Cũng theo tin trên, ngay sau khi hay tin xe cố vấn bị mìn, lực-lượng an-ninh địa-phương liền bao vây truy-kích nhưng chưa rõ kết quả. Mặt khác Ty Công-Chánh Long-An liền lấp ngay lỗ hổng do mìn gây ra để tránh trở ngại cho sự lưu-thông.

ĐỒNG-BÀO LÁNH NẠN VIỆT-CỘNG Ở KIẾN-HÒA

Trúc-Giang (VTX) 29-1- Có trên 1,000 đồng bào tại tỉnh Kiến-Hòa đã lánh nạn Việt-Cộng liên-tiếp trong ba ngày 26, 27, 28-1 vừa qua. Số đồng-bào này ở xã Thạnh-Phong thuộc khu rừng Thạnh-phú (Kiến-Hòa) thường bị Việt-Cộng khủng-bố đã kéo nhau đến xin quân-đội bảo vệ và đưa họ đi lánh cư nơi khác.

Nhà cầm-quyền tỉnh Kiến-Hòa đang dự-trù một chương-trình định-cư đại qui-mô cho số đồng bào nói trên tại vùng phụ-cận quận-lỵ Thạnh-Phú. Trong thời gian chờ định cư, số đồng-bào này đã được chính-quyền đưa đến tạm trú tại một nơi và trợ cấp lương-thực hàng ngày. Nhiều đại-diện các cơ-quan từ thiện đến ủy-lạo họ để làm cho đời sống của họ được dễ chịu.

II. VOCABULARY

chiến-sự	war, warfare
phổ-biến	to popularize or make generally known
chiến-thuật	tactics, tactical (tactical zone)
tiểu-khu	sub-sector
khuôn-khổ	framework, shape and size
hành-quân	an operation or military action
bình-trị	peaceful rule (here, a codeword)
hoạt-động	to be active, activity or operations
chạm địch	to hit a target
bắn	to shoot or fire (a gun)
chết	to die, to be dead
Việt-Cộng	Vietnamese Communists
tịch-thu	to confiscate or sieze
tiểu-liên	a submachine gun
đạn dược	ammunition
đột-nhập	to break into
trụ-sở	headquarters, main office
xã	a village or commune
phía	direction, way, or side
gây	to bring about or cause
tử thương	to die of a wound
mất tích	to be missing
súng	a rifle
súng cá nhân	an individual weapon (usually a rifle)
truyền tin	communication
máy truyền tin	radio transmitter
mất	to be lost
ấp	a hamlet

LESSON 14

ấp Tân-Sinh	a Newlife hamlet
hay tin	to know (from news sources), to be informed
lực-lượng	military forces
tiếp-viện	reinforcements
chạm súng	to engage or skirmish with, an engagement
địa-điểm	a point or location, a site
khiến	to cause or bring about
địch	the enemy
rút lui	to withdraw
thất lạc	to be lost or missing
sĩ-quan	an officer
lục-quân	the Army
giết	to kill
viên chức	an official
liệng	to throw or cast
lựu-đạn	a grenade
nổ	to explode, burst, or rupture
trúng	to hit, to be hit by, to be on target
điều trị	to give or receive medical treatment
bệnh-viện	a medical clinic
cố-vấn	an advisor or counselor
phục-kích	to ambush, to lay an ambush
giựt mìn	to explode a mine by hand detonation
quốc-lộ	national highway
hướng	direction or way, to be directed toward
kết-quả	the outcome or results
vô-sự	to be all right
liền	to act immediately
bao vây	to surround or encircle
truy-kích	to pursue and attack
mặt khác	on the other hand, at the same time
Ty Công-Chánh	Bureau of Public Works
lấp	to fill in (a hole)
lỗ hổng	opening, hole, or cavity
tránh	to avoid
trở-ngại	an obstacle
sự	affair, event, matter (classifier denoting nominalized verbals)
lưu-thông	to communicate, movement of commerce, traffic
đồng-bào	compatriots, countrymen

lánh	to flee, escape, avoid (same as 'tránh' above)
liên-tiếp	to be continuous, in succession, continuously
khủng-bố	to terrorize, the terror
quân-đội	the army or troops
bảo-vệ	to guard, defend, or preserve
cư	to dwell, reside, or live
dự-trù	to provide for, put into effect
chương-trình	a plan or program
định-cư	to settle (refugees)
đại	to be big or large
qui-mô	model, pattern, scale, standards, extent
phụ-cận	to be neighboring
quận-ly	a district capital
thời gian	a period of time
chính-quyền	political power, political authorities
tạm	to be provisional or temporary, temporarily
trú	to take shelter, to dwell, to stop or stay over
trợ cấp	to give aid to or subsidize
lương-thực	food supplies, subsistance rations
cơ-quan	agency, foundation, organization
từ-thiện	to be benevolent or charitable
ủy-lạo	to comfort or offer support

III. GRAMMAR NOTES

9. The phrase 'Bình-Trị 31' is used here as a code name for the military operation involved.

20. The combination 'gây cho' functions as a resultative compound which intensifies the action of 'bringing about or causing' and forms a strong active/transitive predicate which depicts the resultative notion of 'inflicting on...'. This same strongly active type of predicate is formed in line 65 below, in which 'ra' serves as the resultative element, and the compound 'gây ra' functions as an emphatic causative predicate 'brought about (by the mine)'.

79. In this sentence, the element 'kéo' is used in the sense of 'to move', and the adverbial complement 'nhau' serves only to indicate the joint nature of the action, which is further modified by the resultative element 'đến'. The resulting predicative phrase has the connotation of 'to move (as a crowd) to (someplace) to ask...'

IV. QUESTIONS

1. Thường thường ai phổ biến tin tức chiến-sự cho chính-phủ Việt-Nam ở Sài-Gòn?
2. Cuộc hành quân trong tiểu khu Kontum vào ngày 18 tháng 11 như thế nào?
3. Lực-lượng quân-đội Việt-Nam chạm địchcách Daksut bao xa?
4. Trong cuộc chạm địch ấy có mấy Việt-Cộng bị giết?
5. Quân-đội Việt-Nam tịch thu những gì trong cuộc ấy?
6. Buổi sáng ngày 18 Việt-Cộng đột nhập trụ-sở hồi mấy giờ?
7. Trụ sở mà ta chạm địch ở xã nào?
8. Xã Tam-Quan ở phía nào của xã Hoài-Nhân?
9. Lúc ấy có mấy tử thương ở xã Tam-Quan?
10. Cũng trong cuộc chạm địch ấy có mấy người bị mất tích?
11. Ngoài mấy người ấy ra thì cũng có gì bị mất?
12. Có việc gì xảy ra ở ấp Tân-Sinh Kon-Hon vào ngày 16?
13. Khi quân-đội Việt-Nam hay tin thì họ làm gì để giúp đỡ ấp Kon-Hon?
14. Tại sao lực lượng Việt-cộng rút lui?
15. Cuối cùng có mấy người tử thương và bị thương về phía quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa?

16. Sau khi địch rút lui thì có mấy súng cá nhân bị mất và mấy người bị thất lạc?

17. Xe gì bị Việt-Cộng liêng lựu-đạn ở Bình-Dương chiều thứ sáu?

18. Có ai ngồi trên xe khi Việt-Cộng liêng lựu đạn?

19. Cả hai người Mỹ ấy chết hết. phải không?

20. Viên-chức USAID được điều trị ở đâu?

21. Xe của cố vấn Mỹ bị giựt mìn hồi nào?

22. Xe ấy đi trên đường từ chỗ nào đến chỗ nào, khi bị Việt-Cộng giựt mìn?

23. Địa điểm bị phục kích xảy ra về phía nào của Tân-An và trên quốc lộ nào?

24. Kết quả xe cố vấn Mỹ như thế nào?

25. Sau khi hay tin xe cố-vấn Mỹ bị giựt mìn, lực lượng an-ninh địa phương làm gì?

26. Tại sao ty Công-Chánh Long-An lo về việc lấp lỗ họng do mìn gây ra?

27. Bao nhiêu đồng bào tại tỉnh Kiến Hòa đã lánh nạn Cộng-Sản?

28. Những đồng baò ấy lánh nạn Việt-Cộng trong bao lâu?

29. Số đồng bào này ở xã nào và thuộc khu nào?

30. Đây là lần thứ nhất người Thanh-Phong bị khủng bố, phải không?

31. Để khỏi bị khủng bố, người ta xin Quân-Đội Việt-Nam làm gì?

32. Nhà cầm-quyền Kiến-Hòa đang định làm gì cho họ?

33. Trong khi định-cư, đồng bào Kiến-Hòa được giới chính quyền trợ cấp gì?

34. Đại-diện các cơ-quan từ thiện làm gì cho các người lánh nạn?

LESSON FIFTEEN

I. TIN-TỨC TRONG NƯỚC

ĐẠI-SỨ HOA-KỲ VÀ PHU-NHÂN VIẾNG THAM HUẾ

Huế 1-10.- Đại-sứ Hoa-Kỳ Maxwell D. Taylor và phu-nhân đã viếng tham Huế sáng hôm qua 30-9, bàng phi-cơ đạc-biệt.

Ra đón Đại-Sứ tại phi-trường Phú-Bài có thiếu-tướng Tôn-Thất-Xứng, Tư-Lệnh vùng I Chiến-Thuật, Trung-Tá Võ-Hữu-Thu, Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên kiêm Thị-Trưởng Huế, đại-diện các nha sở và các viên chức Hoa-Kỳ tại Huế.

Tại phi-trường Phú-Bài, Đại-Sứ Taylor đã dự-lễ chào Quốc-Kỳ với các nhân-vật hiện-diện. Sau đó, Đại-Sứ đến viếng bộ Tư-Lệnh khu II Chiến-Thuật và dự một buổi thuyết-trình do chuẩn-tướng Nguyễn-Chánh-Thi trình-bày về tình-hình quân-sự tại hai tỉnh Quảng-Trị và Thừa-Thiên và nghe Trung-Tá tỉnh-trưởng Thừa-Thiên trình-bày về tình-hình chung trong tỉnh.

Buổi chiều Đại-Sứ đến tiếp-xúc riêng với các viên-chức Hoa-Kỳ ở Huế tại Câu-Lạc-Bộ Sĩ-Quan.

HỘI-ĐỒNG AN-NINH QUỐC-GIA NHÓM HỌP LẦN THỨ NHÌ

Sài-Gòn (VTX).- Quốc-Trưởng Phan-Khác-Sửu, Thủ-Tướng Trần-Van-Hương và Trung-Tướng Nguyễn-Khánh đã hội-họp sáng nay tại dinh Gia-Long trong gần hai tiếng đồng hồ.

Đây là phiên họp thứ nhì của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia mà thành-phần gồm có Quốc-Trưởng, Chủ-Tịch, Thủ-Tướng, Phó Chủ-Tịch, Tổng-Trưởng Quân-Lực, hội-Viên và Tổng Tư-Lệnh Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia nhóm phiên đầu tiên hôm 11-11-1964.

Phiên họp sáng nay bát đầu hồi chín giờ và kết-thúc vào hồi gần 11 giờ.

ĐÍNH-CHÍNH CỦA ĐẠI-TƯỚNG TRẦN-THIỆN-KHIÊM

Hương-Cảng (Reuter) 8-10.- Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm, cựu Tổng-trưởng bộ Quốc-Phòng và Tổng Tư-Lệnh Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, tối hôm qua đã cải-chính tin đồn ràng ông phải lưu-vong vì lý-do chính-trị.

Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm đã từ Sài-Gòn đến Hương-Cảng bàng máy bay, trên đường đi Âu-Châu để viếng-tham các nước bạn đã viện-trợ cho Việt-Nam. Đại-Tướng tuyên-bố ràng những tin đồn nói trên đều do Cộng-Sản loan-truyền và do những kẻ can-dự vào cuộc đảo-chính 13-9 tung ra.

Theo ông, mục-đích của

những lời đồn-đại ấy là định gây chia rẽ giữa các nhà lãnh-đạo quân-lực Việt-Nam, nhất là giữa các tướng-lãnh.

Đại-Tướng nói thêm: " Việt-Nam đang ở vào một tình-thế khó khăn trong công-cuộc chống Cộng, nhưng chúng tôi nhất-định sẽ chiến-thắng."

Đại-Tướng còn cho biết phương-pháp mau lẹ nhất để chiến-thắng là tấn-công ngay các đường tiếp của Cộng-Sản Bắc-Việt vào Nam và phá-hủy các căn-cứ của địch nhằm xâm-lược Việt-Nam Cộng-Hòa.

VIỆT-NAM MUỐN THIẾT-LẬP BANG-GIAO VỚI GAMBIA

Sài-Gòn 24-2.- Nhân dịp quốc-gia Gambia vừa độc-lập, ông Trần-Văn-Đỗ, phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Ngoại-Giao, đã gửi điện-văn chúc mừng ngoại-trưởng tân quốc-gia này.

Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Ngoại-Giao đã cầu chúc quốc-gia này được giàu mạnh và nhân-dân quốc-gia này duy-trì được nền độc-lập quý-báu mà họ vừa dành được.

Trong điện-văn, phó Thủ-tướng Trần-Văn-Đỗ nhấn mạnh rằng Việt-Nam Cộng-Hòa mong muốn thiết-lập bang-giao với tân quốc-gia Gambia 'để tiến tới một cuộc hợp-tác hữu-ích giữa Gambia và Việt-Nam, là hai quốc-gia đều thiết tha với hòa-bình và tự-do'.

THANH-LỌC PHẦN TỬ PHÁ-HOẠI TRONG PHẬT-GIÁO

Trong một thông cáo ra đêm qua, Thượng-Tọa Thích Tâm-Châu đã yêu-cầu các Phật-tử toàn quốc hãy thanh-lọc ra ngoài hàng-ngũ tôn-giáo 'các phần tử phá-hoại và không trong sạch bất kỳ họ thuộc đảng-phái chính-trị nào.'

Thượng-Tọa Tâm-Châu còn nhấn mạnh không nên dùng danh-từ Phật-giáo vào các tổ-chức chính-trị và cũng không nên dùng các nơi thờ tự làm chỗ hoạt-động chính-trị.

Thông cáo cũng kêu gọi các Phật-tử toàn quốc nên đoàn-kết với các tôn-giáo khác để thành-lập các ủy-ban liên-tôn hòng giải-quyết các khác-biệt có thể có trong các hoạt-động tôn-giáo.

II. VOCABULARY

Hoa-Kỳ	America, American
phu-nhân	Mrs., wife (of an official)
viếng	to pay a visit, to pay respects
trung-tá	lieutenant-colonel
tỉnh-trưởng	province chief
kiêm	to cumulate titles (functions), concurrently serving as...
thị-trưởng	mayor
nha sở	directorates and offices

LESSON 15

dự lễ	to participate in a ceremony
Quốc-Kỳ	National Flag, colors, ensign
nhân-vật	official figures or persons
hiện-diện	to be present
thuyết-trình	to present a report of, give a paper
chuẩn-tướng	a one-star general, a sub-brigadier
trình-bày	to display, present, or make a presentation
quân-sự	military affairs
câu-lạc-bộ	a social club or social organization
hội-đồng	a board, council, assembly or meeting
nhóm họp	to attend a meeting or session
quốc-trưởng	chief of state
hội-họp	to convene or meet together
thành-phần	a component, constituent, to be composed of
gồm	to total up, to include, comprise or consist of
Phó	Vice-..., Deputy.... Assistant
tổng-trưởng	Minister or Secretary of...
hội-viên	member (of an assembly, conference, or society)
kết-thúc	to end
đính-chính	to deny, to rectify or correct
đại-tướng	lieutenant general (VN four star)
Hương-Cảng	Hong Kong
cựu	old, the former...
quốc phòng	defense, national defense
cải-chính	to deny or rectify
tin đồn	a rumor
lưu-vong	to travel about, to go into exile
lý-do	reasons
viện-trợ	to assist or aid, assistance
tuyên bố	to announce, declare, or state
cộng-sản	communism, communist
loan-truyền	to make known, communicate, or spread about
kẻ	(classifier for individuals), those who...
can-dự	to be involved in, to interfere with
đảo chính	a coup d'etat
tung	to throw, fling, or spread news

LESSON 15

mục-đích	goal or objective
đồn-đại	to spread a rumor
chia rẽ	to divide or separate, a division or separation
tướng-lãnh	the commander
tình-thế	a condition or situation
chống Cộng	anti-communist
chiến-thắng	to be victorious in battle
mau lẹ	to be quick or rapid
tấn-công	to attack
đường tiếp	supply or communication routes
phá-hủy	to destroy
can-cứ	to base upon, the foundation or basis, a base
xâm-lược	to invade
thiết-lập	to set up or establish
bang giao	international relations
độc-lập	to be independent, independence
nhân-dân	the people or population of a country
duy-trì	to maintain or preserve
nền	foundation or background (classifier for public or cultural institutions)
quý-báu	to be precious or valuable
dành	to set aside. reserve, or save
nhấn	to press. to urge, to stress or emphasize
hợp tác	to cooperate
hữu-ích	to be useful
thiết	to care for, or have an interest in
thiết tha	to be ardent or earnest
hòa-bình	peace
tự-do	to be free, freedom
thanh-lọc	to purge or purify
phần-tử	an element or faction
phá-hoại	to destroy or sabotage, to be destructive
Phật-Giáo	Buddhism
thượng-tọa	Bonze. Reverend, the Venerable
yêu-cầu	to request, to urge or plead for
Phật-tử	Buddhist
hàng-ngũ	ranks, lines, or membership roles
tôn-giáo	religion or faith
trong sạch	to be pure or clean
bất kỳ	any, whoever, whenever, to be unexpected
đảng-phái	clique, faction, or political party
danh từ	noun, substantive term, terminology
tổ-chức	to organize, an organization
thờ tự	to worship
đoàn kết	to unite, unity, or union
ủy-ban	committee or commission

liên-tôn	interdenominational, inter-faith
hòng	to expect or look toward
giải-quyết	to solve (a problem or question)
khác-biệt	differences or distinctions

III. GRAMMAR NOTES

11. The element 'kiêm' is used to indicate the concurrent holding of two titles or official functions by the same person. It is essentially verbal in nature 'to cumulate (functions)' and functions in many combinations which complement its basic meaning, but in this connective usage (between titles) it can be translated as either 'and' or 'concurrently'.

39. This use of 'mà' constitutes subordination of the preceding phrase in a relative clause construction. The entire preceding phrase is subordinated by the relative phrase 'the components of which (include)...'.

68. The use of the plural demonstrative 'những' and the classifier for persons 'kẻ' forms a phrase whose reference is combined into a 'those who' since the following complement is essentially verbal. The resulting construction forms the substantive subject of the passive predicate 'by... spread about'. A similar construction is formed by the plural marker 'các' and the classifier for persons 'nhà', in line 73 below. In this case the element 'lãnh-đạo' may be either substantive or predicative (according to usage) and the whole phrase simply functions as a combined plural 'the leaders'.

78. The combination of the elements 'công' and 'cuộc', both of which may function as classifiers of nominalized verbal elements, forms a substantive compound which functions freely as a noun 'task, work, job, or undertaking'. In this

case, it is modified by the following compound which can be taken as a kind of adjectival 'anti-communist'. But this is a good example of the ambiguity of analysis and translation, since the whole phrase can also be taken as 'the task of resisting communism'.

90. As an introductory phrase, a slot usually occupied by time expressions, the phrase 'nhân dịp' may be interpreted as 'on the occasion of', since it is in this sense a time expression. In other contexts, not functioning as a time expression, it often seems to function much like the phrase 'trong khi: during the time that...'.

101. This use of the element 'mà' constitutes a simple relative clause marker, and directly subordinates the preceding substantive phrase 'the precious independence which they...'.

103. The element 'có' is used in this sentence in its secondary meaning of 'to exist' (even though this is its basic predicative meaning, it is not the most frequently used), and the combination with the phrase 'có thể' takes on the meaning of either 'which could exist' or 'which might be present'.

IV. QUESTIONS

1. Đại-sứ Hoa-Kỳ và phu-nhân viếng tham Huế hồi nào?
2. Họ ra Huế bàng phi cơ của hãng Hàng Không Việt-Nam, phải không?
3. Trong cuộc tiếp đón ông Đại-Sứ tại phi-trường Phú-Bài gồm có ai?
4. Thiếu-Tướng Tôn-Thất-Xứng là tư-lệnh vùng nào?
5. Trung-Tá Võ-Hữu-Thu giũ những chức vụ gì ở tỉnh Thừa-Thiên và thành-phố Huế?

6. Ông Đại-Sứ đã dự lễ gì tại phi-trường Phú-Bài?
7. Sau lễ ấy, thì họ đi viếng Tư-Lênh Khu II Chiến-Thuật để làm gì?
8. Chuẩn-Tướng Nguyễn-Chánh-Thi trình bày về tình-hình gì?
9. Ngoài thuyết-trình của Chuẩn-Tướng Thi ra, ông Đại-Sứ còn nghe Trung-Tá Thu báo tin về việc gì nữa?
10. Trong buổi chiều hôm ấy, Đại-Sứ Hoa-Kỳ tiếp-xúc với ai?
11. Cuộc tiếp-xúc ấy xảy ra ở đâu?
12. Sáng nay những ai hội họp ở dinh Gia-Long?
13. Phiên-họp của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia kéo dài độ bao lâu?
14. Đây là cuộc nhóm họp thứ mấy của Hội-Đồng An-Ninh?
15. Phiên nhóm đầu tiên của Hội-Đồng này xảy ra hồi nào?
16. Thành phần của Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia gồm có những ai?
17. Phiên họp sáng nay bát đầu hồi nào và kết thúc vào lúc mấy giờ?
18. Ông Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm đã giũ những chức-vụ gì trong Quân-Lực Viêt-Nam Cộng-Hòa?
19. Đại-Tướng Khiêm đã cải chính tin đồn về việc gì?
20. Đại-Tướng đã nói chuyện về việc ấy ở thành-phố nào?
21. Ông ta ghé lại đấy trên đường đi thăm những nước nào?
22. Theo ông Đại-Tướng thì tin đồn ấy do ai tung ra?
23. Tại sao họ muốn loan-truyền tin đồn Đại-Tướng Khiêm phải lưu-vong?
24. Đại-Tướng Khiêm cho ràng nước Việt-Nam đang ở trong tình-trạng thế nào?

LESSON 15

25. Phương -pháp mau lẹ để chiến-thắng công cuộc chống cộng là làm gì?

26. Cộng-Sản Bác-Việt giữ các căn cư trong miền Nam để làm gì?

27. Phó Thủ-Tướng Trần-Van-Đỗ gửi điện-van cho ai?

28. Điện-van ấy chúc mừng nhân dân Gambia vào dịp nào?

29. Quốc-Gia Gambia dành độc-lập được bao lâu rồi?

30. Trong điện van ông Trần-Van-Đỗ đã nhấn mạnh điều gì?

31. Tại sao Việt-Nam muốn thiết lập bang giao với Gambia?

32. Đêm vừa qua, Thích-Tâm-Châu phát hành thông cáo về việc gì?

33. Thông cáo ấy yêu cầu ai cố gáng thanh lọc các phần tử phá hoại trong hàng ngũ Phật-Giáo?

34. Tại sao Thích-Tâm-Châu khuyên các phật-tử như vậy?

35. Thượng-Tọa yêu cầu các Phật-tử không nên làm gì trong hoạt động chính-trị?

36. Thông cáo kêu gọi Phật-tử làm gì để thành-lập ủy ban liên tôn?

37. Mục-đích sự thành-lập các ủy ban liên-tôn là gì?

LESSON SIXTEEN

I. TIN-TỨC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI CHỢ WAT-PHOU (AI-LAO)

Sài-Gòn 18-2.- Việt-Nam Cộng-Hòa vừa tham-dự Hội Chợ Wat-phou (Ai-Lao). Wat-Phou là một ngôi đền cổ, kiến-trúc theo lối các đền Angkor Thom và Angkor Wat. Đền Wat-Phou được xây cách đây hơn 2.500 nam, tại tỉnh Champassak thuộc miền Hạ Lào.

Hàng nam đến ngày hội, chính quyền sở tại và dân-chúng địa-phương họp nhau lại để làm lễ và tổ-chức triển-lãm. Nam nay, hội chợ Wat-Phou được tổ-chức từ ngày 13 đến ngày 16 tháng hai nam 1971, có các gian hàng của ngoại-quốc như gian hàng Việt-Nam Cộng-Hòa, gian hàng của Mỹ-Quốc và các gian hàng thuộc các tỉnh ở miền Nam Hạ Lào tham-dự.

Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hòa do tòa Lãnh-Sự Việt-Nam tại Paksé tổ-chức, gồm có ba can, Thông-Tin, Van-Hóa Mỹ-Thuật và Công Kỹ-Nghệ. Mỗi tối đều có chiếu điện ảnh. Đạc-biệt hai đêm 13 và 14 các thanh-niên và thanh-nữ Việt-Kiều ở Paksé đã trình-diễn ca-nhạc Việt-Nam, và được các giới hoan-nghênh nhiệt-liệt. Đây là lần đầu tiên Việt-Nam Cộng-Hòa tham-dự hội chợ.

TÌM THẤY MỘT MỎ SÁT Ở TỈNH QUẢNG-NGÃI

Sài-Gòn 16-4.- Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ cho hay, các chuyên viên vừa tìm thấy một mỏ quạng sát quan-trọng, ước-chừng 40 triệu tấn tai xã Hoài-Đức. cách tỉnh-ly Quảng-Ngãi (Trung-Phần), 15 cây số về phía Tây-Nam.

Loại quạng này có từ 62.5 đến 73.5 'oxyde de fer'. Mỏ sát này là một mỏ lộ-thiên, chiếm một diện-tích chừng 170 mẫu, dọc theo quốc lộ số 1 xuyên Việt. Hiện nay công-tác tham dò đang được tiến-hành và người ta hy-vọng sẽ tìm thêm được các quạng khác.

Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ ước-lượng số 40 triệu tấn quạng sát này trị giá độ 20 tỷ bạc. Công-tác tham dò đều hoàn-toàn do chuyên-viên Việt-Nam phụ-trách.

ÔNG NGUYỄN-VAN-BA THAM-DỰ KHÓA HỘI-THẢO QUỐC-TẾ VỀ 'LỌC NƯỚC MẠN TẠI HOA-THỊNH-ĐỐN'

Sài-Gòn 17-5.- Theo lời mời của chính-phủ Hoa-Kỳ, bộ Giao-Thông và Công-Chánh vừa cử ông Nguyễn-Van-Ba, Giám-Đốc Nha Cấp-Thủy, thay thế ông Trần-Từ-Cường, Giám-Đốc Thủy-Cục, tham-dự khoá 'Hội-Thảo Quốc-Tế kỳ một về lọc nước mạn' tổ-chức tại Hoa-Thịnh-Đốn từ ngày 3 đến 7-10-1971.

Miền duyên hải Nam-Phần, với số dân-cư lên đến gần 3 triệu người, cứ đến mùa náng thì nước mạn xâm-nhập, nước ở ao, hồ, sông, rạch, giếng đều mạn cả. Dân chúng có trữ nước mưa để uống, nhưng số lượng dự-trữ không đủ, nên nước ngọt phải đem từ các vùng khác đến với một giá rất đát, có khi đến một tram hay hai tram đồng một thước khối.

Từ lâu nay chính-phủ đã cố gáng giải-quyết vấn-đề trên bàng cách đào giếng sâu 200 thước để lấy nước, hoặc đào kinh dẫn nước ngọt, nhưng vẫn chưa giải-quyết một cách đại qui-mô. Một vài nước trên thế-giới đã chú-ý nghiên-cứu từ lâu việc lọc nước mạn ra nước ngọt và đã được nhiều kết quả cụ-thể.

Như vậy, nếu kỹ-thuật lọc nước mạn ra nước ngọt khá tiến-bộ để hạ giá xuống, và nếu việc thiết-lập một nhà máy không quá đát, thì Việt-Nam cũng có thể sẽ áp-dụng phương-pháp này để giải-quyết vấn-đề nước uống.

II. VOCABULARY

tham-dự	to participate or take part in
hội chợ	a fair or exposition
ngôi	(classifier for graves, temples, etc.)
đền	a temple
cổ	to be old or ancient
kiến-trúc	architecture
lối	path, way, manner, style
xây	to build, construct, or erect
sở-tại	local (people or authorities)
triển-lãm	exhibit or exhibition, to hold an exhibition
gian hàng	stall, stand, exhibit booth
lãnh-sự	consul (diplomatic rank)
can	an apartment or compartment (classifier for booths etc.)
thông-tin	to inform, information
mỹ-thuật	fine arts, art, aesthetics
kỹ-nghệ	industry, industrial
điện-ảnh	movies, cinematography
thanh-niên	youth, or young men
thanh-nữ	young girls
Việt kiều	Vietnamese nationals resident overseas
trình-diễn	to present or perform
ca nhạc	music and singing
hoan-nghênh	to welcome
nhiệt-liệt	to be warm or enthusiastic
mỏ	a mine or quarry
sát	iron
khoáng-chất	minerals
hầm mỏ	mines and quarries
chuyên-viên	an expert or specialist
quạng	an ore deposit
ước chừng	approximately
tấn	a metric ton
tỉnh-ly	a county seat, province capital, or cheif town
lộ-thiên	to be in the open air
chiếm	to occupy, displace, or take up
diện-tích	area, extent, coverage, or surface area
mẫu	a Vietnamese acre (3600 square meters)
xuyên	to go through or across, trans-..., inter-...
công-tác	work, task, job

LESSON 16

tham dò	to inquire, investigate or examine
tiến hành	to carry out, accomplish (duties or activities)
ước-lượng	to estimate
trị giá	to be worth...
tỷ/tỉ	billion
hoàn-toàn	completely/perfectly
phụ-trách	take charge of, or assume the responsibility for
khóa	a session. term, class, or ceremony
hội-thảo	drafting session, or consultative conference
lọc	to filter, purify, or strain
mặn	to be salty, hearty of taste or feeling
giao-thông	rail or road commerce, transportation/communication
công-chánh	public works
cấp-thủy	water supply system
thủy-cục	water bureau
duyên-hải	the sea coast
dân-cư	population or inhabitants
xâm nhập	to enter, infiltrate, or seep into
hồ	a lake
sông	a river
rạch	a stream or canal
giếng	a well
trữ	to save, keep aside, or hoard
lượng	capacity or quantity
dự-trữ	to stock up, or accumulate
ngọt	to be sweet tasting
thước khối	a cubic meter
cố gắng	to strive or make an effort
đào	to dig
sâu	to be deep, sunken, or profound
kinh	a large canal/waterway
dẫn	to lead, guide, or conduct, to cite or quote
chú-ý	to pay attention to
ngiên-cứu	to do research, study, or investigate
cụ-thể	to be tangible or concrete
kỹ-thuật	technique, technical, technology
tiến-bộ	to make progress
áp-dụng	to apply or use

III. GRAMMAR NOTES

8. This use of the element 'lại' constitutes a resultative extension of the action of 'họp nhau', and serves to emphasize the cyclical or repetitive nature of the event. In many such cases, this element is not translated into English.

12. The phrase which begins with 'các tỉnh...' functions as a relative clause, in which both 'ở miền Nam Hạ Lào' and 'tham dự' modify 'tỉnh' in the same way. Two similar phrases could be:

a. các tỉnh ở miền Nam Hạ Lào (provinces in Southern Laos)
b. các tỉnh tham dự (provinces which took part)

The combination of the two modifications obviously functions in sequential modification of the topic.

41. The phrase 'cứ đến mùa náng' functions here as a time expression on the order of, 'as we reach the sunny season'. Since both of the previous phrases are somewhat parenthetical, everything which precedes 'thì' is part of either a temporal or locational phrase. The clause 'nước mặn xâm nhập' is the main clause of the sentence, and is also independent of the clause (dependent) which follows it.

51. The function of the element 'ra', in the phrase 'lọc nước mặn ra nước ngọt', is resultative and serves to complete the meaning of 'lọc', as well as marking the result. The discontinuous nature of the frame 'lọc... ra...' indicates the process of 'purifying X to become Y', and the whole phrase modifies the substantive 'kỹ-thuật'.

LESSON 16

IV. QUESTIONS

1. Việt-Nam Cộng-Hòa vừa tham dự gì ở bên Ai-Lao?
2. Wat-Phou có gì đặc-biệt?
3. Kiến-trúc đền Wat-Phou được xây theo lối gì?
4. ĐềnWat-Phou được xây hồi nào?
5. Đền Wat-Phou thuộc tỉnh nào?
6. Mỗi nam chính quyền sở tại và dân chúng địa phương họp nhau làm gì?
7. Nam nay hội chợ được tổ-chức vào ngày nào?
8. Tham dự hội chợ gồm có gian hàng nào?
9. Ngoài những gian hàng ngoại quốc, còn có gian hàng ở miền nào tham-dự?
10. Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà do ai tổ-chức?
11. Gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà gồm có mấy can?
12. Mỗi tối gian hàng Việt-Nam Cộng-Hòa diễn gì?
13. Đêm 13, 14 ở gian hàng Việt-Nam Cộng-Hoà có gì lạ?
14. Kết quả của buổi ca nhạc này như thế nào?
15. Đây là lần thứ mấy Việt-Nam Cộng-Hòa tham dự hội chợ?
16. Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ vừa cho hay các chuyên viên vừa tìm thấy gì?
17. Mỏ quạng sát này ước chừng độ bao nhiêu?
18. Loại quạng này có chừng bao nhiêu 'oxyde de fer'?
19. Mỏ này là mỏ lộ thiên hay nam sâu dưới đất?
20. Mỏ này chiếm một diện tích chừng bao nhiêu?
21. Mỏ quạng này ở quốc lộ số mấy? Về phía nào?

22. Hiện nay người ta hy-vọng làm gì nữa?

23. Nha Khoáng-Chất và Hầm-Mỏ ước lượng quạng này giá độ bao nhiêu?

24. Công tác tham dò quạng này do ai phụ trách?

25. Bộ Giao-Thông và Công-Chánh vừa cử ông Nguyễn-Van-Ba đi đâu?

26. Ông Nguyễn-Van-Ba là ai?

27. Hội-Thảo Quốc-Tế về lọc nước mạn do ai tổ chức?

28. Hội-thảo này được tổ chức vào ngày nào? Ở nước nào?

29. Cứ đến mùa náng thì việc gì xảy ra ở miền duyên hải nam-phần?

30. Dân chúng phải làm gì để có đủ nước uống?

31. Số nước mưa dự trữ có đủ cho dân chúng uống không?

32. Làm sao người ta đem nước ngọt vào miền này được?

33. Giá nước ngọt có thể lên tới bao nhiêu tiền một thước khối?

34. Chính phủ giải quyết vấn đề này bàng cách nào?

35. Chính-phủ đã giải quyết được vấn đề trên chưa?

36. Việc lọc nước mạn ra nước ngọt được ai nghiên cứu?

37. Bao giờ thì Việt-Nam có thể áp dụng phương pháp lọc nước mạn ra nước ngọt?

LESSON SEVENTEEN

I. TIN-TỨC XÃ-HỘI VÀ KINH-TẾ

NHIỀU THỢ BÁN CHUYÊN-MÔN ĐÃ ĐƯỢC BỘ LAO-ĐỘNG ĐÀO-TẠO

Sài-Gòn 14-2.- Ông tổng-trưởng Lao-Động Nguyễn-Van-Chương đã cho biết ràng trong 10 nam qua, Bộ đã đào-tạo được 14.511 thợ bán chuyên-môn, trong số đó có 3.427 người thuộc ngành cơ-khí.

Sau khi tốt nghiệp, phần đông học-viên cơ-khí đã tìm được việc làm tại các công tư sở. Về các học-viên thủ-công-nghệ như cắt may thì ước chừng 50 phần tram đã tìm được việc làm tại các tiệm, số còn lại, phần đông là phụ-nữ ở nhà may vá cho chồng, con, hay nhận việc của người trong xóm để kiếm thêm lợi tức cho gia-đình.

Các lớp huấn-nghệ của Bộ Lao-Động, bát đầu bàng vài lớp dậy cát may thu-hẹp trong phạm-vi Đô-Thành vào khỏang 1965, nay tổng-số đã có 48 lớp. Ngoài ra, còn những lớp khác như máy xe ô-tô, mộc, làm giầy dép. Những lớp này hoạt-động không những ở trung-tâm Sài-Gòn và vùng phụ-cận mà còn lan rộng đến các tỉnh như Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Tín, Bình-Định, Khánh-Hòa, Ninh-Thuận, Darlac, Định-Tường, Phong-Dinh, Vĩnh-Long.

Trong phạm-vi chính-sách lao-động, chính-phủ rất quan tâm đến vấn-đề hướng nghiệp và dậy nghề. Một số trường huấn-nghệ được thiết-lập hồi 1965 với nhiệm-vụ hướng-nghiệp cho thanh-niên nam nữ can-cứ vào kết quả khảo-sát trắc-nghiệm, cùng tổ-chức và điều-hành các lớp dậy nghề cấp-tốc ngõ-hầu giúp cho họ dễ-dàng tìm kế sinh-nhai.

NHIỀU QUÁN CƠM XÃ-HỘI ĐÃ ĐƯỢC KHAI-TRƯƠNG

Sài-Gòn 13-2.- Bản thông-cáo của Bộ Xã-Hội cho biết ràng với sự giúp đỡ của Bộ Xã-Hội, Hội Cựu-Quân-Nhân yêu nước sẽ mở một quán cơm xã-hội tại số 303 đường Trần-Quý-Cáp, Sài-Gòn. Quán cơm này sẽ giúp đồng bào nghèo trong khu có nơi an uống rẻ tiền và sạch sẽ.

Nhiều quán cơm xã-hội đã được canh-tân và khai-trương. Quán cơm xã-hội đường Cộng-Hòa và quán cơm Khánh-Hội đã được khai trương cuối nam ngoái. Riêng quán cơm tại khu Đại-Thế-Giới cũng đã được sửa chữa gấp rút và sẽ được khai-trương trong một ngày gần đây.

Trong nam vừa qua, 17 quán cơm xã-hội tại Đô-Thành đã cung cấp 1.311.234 xuất an mặn và chay cho các giới đồng bào nghèo. Cũng trong nam qua, các phòng thuốc xã-hội đã phát thuốc và trông nom sức khỏe cho 53.113 bệnh nhân tại các khu xóm lao động. Các lớp học xã-hội đã khai tạm cho 700 trẻ em từ 5 tuổi trở xuống tại các trú khu bình-dân đông-đúc. Các nhà giữ trẻ ở Xóm Củi, Khánh-Hội và Trần-Bình-Trọng mỗi ngày giữ trung-bình 150 trẻ em giúp cho đồng bào lao-động an-tâm đi làm an. Dạ lữ-viện tại đường Cộng-Hòa cũng giúp cho 7.251 lữ-khách có nơi trú ngụ về đêm.

II. VOCABULARY

bán	to be half-, hemi-, semi-
đào tạo	to train or form
cơ-khí	machinery, mechanical
tốt-nghiệp	to graduate
học-viên	a student (usually an adult)
công	public
tư	private
sở	an office, bureau, service, or department
thủ-công nghệ	handicraft industries
cát may	to tailor clothes, a tailor shop
phụ-nữ	a woman, women (in the generic sense)
may	to sew, make clothes
vá	to mend, to do needlework
may vá	to sew and mend
nhận	to receive, accept, take in
xóm	hamlet, village, neighborhood
lợi tức	income or revenue
huấn-nghệ	technical/vocational education or training
thu hẹp	to restrict, limit, or make narrow in scope
phạm-vi	region, sphere , domain or competence
đô-thành	a city or prefecture
tổng-số	total number
không những...	not only... (followed by 'mà còn: but also')
trung-tâm	the center, central, an activity center
lan rộng	to spread out or expand
chính-sách	official policy, governmental policy
quan-tâm	to be concerned with (đến, tới)
hướng-nghiệp	to be directed toward a profession or occupation
dậy nghề	to teach a trade or an occupation
nhiệm-vụ	responsibility or mission
nam nữ	male and female
khảo sát	to examine or investigate
trác-nghiệm	to test or experiment
điều hành	to manage, function, or administer
cấp-tốc	to be swift or urgent, to preceed quickly
ngõ-hầu	in order to...
kế	a means of..., a scheme for...

sinh-nhai	to make a living
quán	an inn, restaurant, hall, or house
quán-cơm xã-hội	a social welfare commissary
khai-trương	to open up (a business or meeting)
quân-nhân	a serviceman
cựu quân-nhân	a veteran
yêu nước	to be patriotic
sạch sẽ	to be clean and neat
xuất	to advance (money), to go out, issue forth (classifier for a meal or ration)
an mạn	to eat a meat diet, a normal balanced meal
chay	to fast, diet, or restrict food intake
an chay	a vegetarian meal
canh tân	to modernize
sửa	to repair, fix, mend, arrange, correct, or change
gấp rút	to be urgent
phòng thuốc	a pharmacy
phát	to distribute, to emit, to break out or start out
trông nom	to look after, oversee, or supervise
sức khỏe	health, healthy
bệnh-nhân	a patient or convalescent
khai tạm	to open temporarily
trở xuống	to proceed downward
trú khu	living quarters
bình-dân	the common people
đông đúc	to be dense (of population
nhà giữ trẻ	a child care center
an tâm	to be contented or reassured, to have peace of mind
dạ lữ-viện	an inn, inexpensive hotel, or overnight quarters
lữ-khách	a traveler
trú-ngụ	to dwell or reside, to remain overnight

III. GRAMMAR NOTES

13. The phrase 'thu hẹp... Đô-Thành' modifies 'lớp huấn nghệ', and is independent of the preceding and following phrases. Whereas the following time phrase 'vào khoảng 1965' is the adverbial complement to the predicate 'bát đầu'. By now it should be obvious that this kind of discontinuous modification is typical of the layered levels of modification used in the written style.

14. The element 'còn' functions as the main predicate in this sentence, rather than in its usual function of pre-verbal auxiliary. In this usage, it may be translated as 'there are also the...' as an extension of its basic meaning of 'to remain' or 'to have left over'.

23. This use of 'vào' constitutes a resultative relationship with the main predicate 'can cứ: to base (upon)', in which it serves to mark the attribution relation 'on, upon, or with respect to'. This usage is quite common, in connection with a small class of predicates which require such complementation. The elements 'về, đến, tới' also serve this same function for other members of the same verb class.

38. The element 'xuất' serves as the classifier for the nominal elements 'ăn mạn và (an) chay'. This element usually functions as a predicative element, and can even function as the main predicate of a sentence. Its use as a classifier is derived from its basic predicative meaning 'to hand over, to go out', and is rather rare.

LESSON 17

IV. QUESTIONS

1. Ông Bộ-trưởng Lao-Động đã tuyên bố gì về sự huấn nghệ?
2. Trong mười nam qua Bộ Lao-Động đã đào tạo được bao nhiêu thợ bán chuyên môn?
3. Trong số ấy gồm có bao nhiêu người thuộc ngành cơ-khí?
4. Sau khi tốt nghiệp, phần đông những thợ này đã tìm được việc ở đâu?
5. Nam mươi phần tram các thợ gì đã tìm được việc làm?
6. Những học-viên về cắt may không tìm được việc tại các tiệm thì làm gì?
7. Các lớp huấn nghệ của bộ Lao-Động gồm những lớp gì?
8. Vào khoảng nam 1965 các lớp huấn-nghệ được thu hẹp trong phạm vi nào?
9. Những lớp huấn nghệ nào được lan rộng tới các tỉnh?
10. Tại sao chinh phủ quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp?
11. Các trường huấn-nghệ can cứ vào đâu để hướng nghiệp các thanh niên nam nữ?
12. Bản thông-cáo của bộ Xã-Hội mới bao tin về việc gì?
13. Hội Cựu Quân-Nhân đã mở một quán cơm ở đâu?
14. Mục đích của quán cơm này là gì?
15. Nam ngoái những quán cơm nào đã được khai trương?
16. Quán cơm ở khu Đại Thế-Giới đang được làm gì?
17. Bao giờ thì quán cơm ở khu Đại Thế-Giới được khai trương?
18. Trong nam vừa qua có bao nhiêu quán cơm xã-hội ở Đô-Thành?
19. Những quán cơm này đã cung cấp bao nhiêu xuất an.

20. Ngoài việc mở các quán cơm xã-hội, bộ Xã-Hội còn làm gì?
21. Bộ Xã-Hội đã phát thuốc cho bao nhiêu bệnh nhân?
22. Các lớp học Xã-Hội đã được khai tạm ở đâu?
23. Mục đích của các nhà giữ trẻ là gì?
24. Các nhà giữ trẻ đã được mở ở đâu?
25. Bộ Xã-Hội có một dạ lữ viện ở đâu?

LESSON EIGHTEEN

I. TIN-TỨC XÃ-HỘI

NHIỀU CÔ-NHI-VIỆN LỚN NHẬN NUÔI DƯỠNG CÁC CÔ-NHI NẠN-NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG

Sài-Gòn 10-2.- Phát-ngôn viên của bộ Xã-Hội đã cho biết rằng trong công cuộc cứu-trợ nạn lụt miền Trung, ngoài sự giúp đỡ những người lớn tuổi, các cơ-quan chính-quyền còn hết sức quan-tâm đến số-phận của các trẻ em nạn-nhân.

Để các trẻ em này được nuôi-dưỡng tử-tế và học hành chu-đáo hầu trở nên những người công dân tốt, sở Bảo-trợ Phụ-Nữ và Nhi-Đồng thuộc Bộ Xã-Hội đã hoạch-định một chương-trình tiếp đón các trẻ em nạn-nhân đó.

Sở đã liên-lạc với các cô-nhi-viện tại Sài-Gòn và Nha đại-diện Bộ Xã-Hội vùng I cũng đã liên-lạc với các Tòa Tỉnh-trưởng các tỉnh bị bão lụt để lập danh sách những trẻ em mất mẹ hoặc mồ côi, cần gửi vào các viện giữ trẻ để phân phối theo khả-nang của mỗi cơ-quan.

Việc liên-lạc này đã đem lại kết quả khả-quan. Nhiều cô-nhi-viện lớn đã hưởng ứng, như cô-nhi-viện Dục-Anh tình-nguyện đón nhận thêm 100 em cô-nhi. Cô-nhi-viện Santa Maria cũng tình-nguyện đón nhận 100 em (ngoài số 47 cô-nhi do tỉnh Quảng-Nam gửi về).

Những con số trên đây tuy chưa được là bao, nhưng mới là đợt đầu và có thể còn tiếp-nhận thêm nhiều trẻ em nạn-nhân khác. Ngoài ra, đoàn Phụ-Nữ Thiện-Chí cũng đang chuẩn-bị sửa sang trụ-sở tại số 11 đường Nguyễn-Du, Sài-Gòn, để tổ-chức một trung-tâm tiếp nhận cô-nhi nạn-nhân bão lụt miền Trung. Ngay tại các tỉnh miền Trung bị nạn bão lụt vừa qua, Bộ Xã-Hội đã cho sửa chữa lại tất cả những cơ sở xã-hội bị hư hại, nhất là cô-nhi-viện, viện dục-anh, nhà giữ trẻ để các cơ sở này có thể tái hoạt động ngay.

ĐẠI-HỘI KINH-TẾ TOÀN-QUỐC

Sài-Gòn 20-6.- "Chúng ta không nên bàn đến những vấn đề tổng-quát kém thiết thực mà nên đặt trọng tâm vào việc bảo vệ các cơ-sở sản-xuất và phương-pháp tiếp-tế, xét về tình trạng bão lụt và những trận giao tranh lớn vừa qua."

Ông Lê-Duy-Lân, Tổng-trưởng Kinh-Tế, đã tuyên bố như trên trong khi chủ-tọa lễ khai mạc Đại-Hội Kinh-Tế Toàn-Quốc nam 1970 khởi nhóm sáng nay tại Bộ Kinh-Tế và kéo dài trong hai hôm.

Ông Tổng-Trưởng Kinh-Tế nói thêm ràng hoạt động khuếch trương kinh-tế rất khó khăn trong giai-đoạn này, nhưng dầu sao vẫn phải được tiếp tục để duy trì sự sinh hoạt xã-hội, vì nếu sự sản-xuất và tiếp tế bị ngan trở thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến tình hình chính-trị.

Ông Tổng-trưởng khuyên-cáo nên tích cực hoạt-động với tư-cách cán bộ có nhiệm vụ thi hành các chương trình của chính-phủ hơn là với tư-cách công chức. Cuối cùng ông Tổng-Trưởng lưu-ý ràng công cuộc khuếch trương kinh-tế là công cuộc chung, nên cần được thực hiện với tinh thần hợp tác, như thế mới chóng được kết quả.

Tham-dư Đại-Hội này có đủ các Trưởng-Ty Kinh-tế các tỉnh, các thị xã, đại diện các vùng Chiến-Thuật và Thanh-Tra Kinh-Tế các miền.

II. VOCABULARY

cô-nhi	an orphan
cô-nhi viện	an orphanage
nạn	an accident, difficulty, disaster, or misfortune
nạn-nhân	a victim of a disaster or tragedy
nuôi-dưỡng	to nurture or care for
phát-ngôn	to speak (officially), to deliver a speech
phát-ngôn-viên	a spokesman
lụt	to flood or inundate, a flood
công-cuộc	task, work, job
cứu-trợ	to help, aid, or assist
hết-sức	to be exhausted or to exhaust one's efforts
số-phận	fate or destiny
học-hành	to study and practice
chu-đáo	to be thorough or well executed
hầu	in order to
trở nên	to become or turn out to be
công dân	a citizen
bảo-trợ	to protect or safeguard
nhi-đồng	a young child, children
hoạch-định	to draw up, draft, or delineate
tiếp đón	to receive, greet, or meet
liên-lạc	to have contact, connection, or liaison, a contact
Tòa Tỉnh-Trưởng	Office of the Province Chief
danh sách	a list of names, a roster or roll
mồ côi	to be orphaned
phân phối	to distribute
khả-nang	to be able or capable
khả-quan	to be good, favorable, or satisfactory
hưởng ứng	to respond to or answer
tình-nguyện	to volunteer or be willing, voluntary
đợt	a wave, stage or segment
đợt đầu	the first wave or stage
tiếp-nhận	to accept, receive, or admit
thiện-chí	good will
chuẩn-bị	to prepare or get ready
sửa sang	to alter or improve, alterations
trụ-sở	headquarters or main office
hư-hại	to be spoiled or damaged

LESSON 18

dục-anh	to bring up children
hội/viện dục-anh	a children's home
cơ-sở	an installation, facility, or establishment, a basis or foundation
cơ-sở xã-hội	social institutions or social services
tái...	re- (as a prefix)
tái hoạt-động	to be reactivated
bàn	to discuss or deliberate
tổng-quát	a general view
thiết-thực	to be realistic or practical
kém thiết-thực	unrealistic or impractical
trọng-tâm	the center of gravity, a focal point
phương-tiện	means, way, or method
tiếp-tế	to supply (food or munitions), logistical support
xét	to consider, pass judgement on, to examine
giao-tranh	to fight, go into battle. a battle or an engagement
chủ-tọa	to preside over
khởi nhóm	to begin, to hold sessions
khuếch-trương	to enlarge, develop, or expand
giai-đoạn	a period, phase, or stage
dầu sao (dù sao)	at any rate rate, anyway
tiếp-tục	to continue or proceed
sinh-hoạt	to live or be alive, life or existence (the activities of existence)
sinh-hoạt xã-hội	social processes
ngăn-trở	to hinder, hamper, or prevent
ảnh-hưởng	to influence
khuyến-cáo	to advise or inform
tích-cực	to be active or positive
tư-cách	aptitude, qualifications
với tư-cách	to be within one's capabilities
cán-bộ	cadres
thi-hành	to carry out
công-chức	civil servant, goverment employee
lưu-ý	to pay attention to, to call attention to
thực-hiện	to realize, fulfill, or achieve
tinh-thần	morale or spirit
trưởng-ty	section chief, or bureau chief

thị-xã	cities and townships
thanh-tra	to inspect, an inspector

III. GRAMMAR NOTES

21. The phrase 'là bao' is a somewhat emphatic form of the equivalent 'to be much or many'. As has been stated previously, 'là' is often used with stative verbals when an increased emphasis to the extent of the verbal is desired.

IV. QUESTIONS

1. Những cô nhi viện lớn đã làm gì để giúp các nạn nhân bão lụt?
2. Phát ngôn viên của Bộ Xã-Hội đã báo tin về việc gì?
3. Trong công cuộc cứu trợ nạn lụt miền Trung, các cơ quan chính quyền giúp đỡ những ai?
4. Tại sao hội bảo trợ nhi-đồng đã hoạch định một chương trình tiếp đón các trẻ em nạn lụt?
5. Sở đã liên lạc với các cô nhi viện Sài-Gòn để làm gì?
6. Nha đại diện Bộ Xã-Hội vùng I đã liên lạc với ai?
7. Tại sao nha đại diện Bộ Xã-Hội vùng I đã liên lạc với các toà tỉnh-trưởng?
8. Việc liên lạc của Bộ Xã-Hội ở Sài-Gòn và Bộ Xã-Hội vùng I kết quả như thế nào?
9. Cô-nhi viện Dục-Anh tình nguyện đón nhận bao nhiêu cô-nhi?
10. Cô-nhi-viện Santa Maria cũng tình nguyện đón nhân bao nhiêu cô-nhi?

11. Đoàn phụ-nữ Thiện-Chí đang sửa sang gì?

12. Đoàn này sửa sang trụ sở để làm gì?

13. Trong việc sửa chữa lại tất cả những cơ sở xã-hội bị hư-hại, bộ Xã-Hội đặc biệt chú-ý đến những cơ sở gì?

14. Tại sao Bộ Xã-Hội lo sửa chữa cô-nhi-viện và viện dục-anh?

15. Ngoài số 47 cô-nhi do tỉnh Quảng-Nam gửi về, cô nhi-viện Santa Maria cũng còn làm gì?

16. Tòa Tỉnh-trưởng ở các tỉnh đã lãm gì trong việc phân-phối trẻ em mồ côi?

17. Trong phiên họp Đại-Hội kinh-Tế Toàn-Quốc ổng Tổng-Trưởng khuyên không nên bàn đến những vấn đề gì?

18. Đại-Hội đó nhóm họp ở đâu và kéo dài bao lâu?

19. Hoạt động khuếch trương kinh tế trong giai đoạn này như thế nào?

20. Mục đích của hoạt-động khuếch-trương kinh-tế là gì?

21. Nếu việc sản xuất và tiếp tế bị ngan trở thì sự gì sẽ xẩy ra?

22. Ông Tổng trưởng khuyên các cán bộ nên có nhiệm vụ gì?

23. Các công-chức nên hoạt động với tư cách như thế nào?

24. Tổng-trưởng lưu-ý ràng công cuộc khuếch trương kinh tế là công cuộc gì?

25. Nếu công cuộc khuếch trương kinh tế được thực hiện với tinh thần hợp tác thì sao?

26. Tham dự đại-hội này gồm có các trưởng ty và đại diện ở đâu?

LESSON NINETEEN

I. VIỆN-TRỢ KINH-TẾ

HOA-KỲ CUNG-CẤP CHO VIỆT-NAM 25.000 TẤN GẠO VÀ 7.000 TẤN SỮA ĐẠC

Sài-Gòn 26-5.- Thủ-tướng Việt-Nam Cộng-Hòa đã ký một thỏa-hiệp nhập-cảng thực-phẩm Hoa-Kỳ trị giá vào khoảng 6.800.000 Mỹ kim trong một buổi lễ đơn giản tại Phủ Thủ-tướng vào hồi 10 giờ sáng nay.

Thỏa-hiệp này trù liệu việc nhập cảng 25.000 tấn gạo trị giá 3.100.000 Mỹ-kim, và 7.000 tấn sữa đạc có đường trị giá 3.600.000 Mỹ kim. Những chuyến tầu đầu tiên chở những thực-phẩm này sẽ đến Việt-Nam trong vòng 6 tuần lễ.

Gạo và sữa sẽ được Hoa-Kỳ cung-cấp thể theo điều-khoản I của Đạo-luật số 480 về thực-phẩm Phụng-sự Hòa-Bình. Số gạo này sẽ dùng để trợ giúp những nông dân Việt-Nam đã bị Việt-Cộng ép buộc phải rời bỏ xóm làng và ruộng nương, và đồng thời để giải-quyết tình-trạng khan gạo ở một vài tỉnh Trung-phần bị nạn lụt vào cuối nam ngoái. Số sữa đạc sẽ được cung cấp trên toàn thị-trường Việt-Nam.

Số thực-phẩm được nhập cảng nói trên sẽ được bán với trị giá tổng cộng vào khoảng 495 triệu bạc Việt-Nam. Chính-phủ Việt-Nam sẽ xử dụng số bạc này trong nỗ-lực chiến-tranh chống Cộng cũng như trong việc phát-triển kinh-tế.

Hiện-diện tại buổi lễ ký-kết thỏa-ước nói trên có bác-sĩ Trần-Van-Đỗ, Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao, ông Bùi-Diễm, Bộ-trưởng Phủ Thủ-tướng, và ông William Porter, Phó Đại-Sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam.

LESSON 19

195 TRIỆU MỸ-KIM ĐƯỢC DỰ-TRÙ VIỆC MỞ MANG LƯU-VỰC SÔNG CỬU-LONG TẠI VIỆT-NAM

Sài-Gòn 14-5.- Nhằm xúc tiến việc khuếch-trương lưu-vực sông Cửu-Long, Ủy-ban Mekong của Liên-Hiệp-Quốc đã triệu tập tại Vọng-Các ngày 10 và 11-5-1965 một phiên họp bất thường dưới sự chủ tọa của ông Trịnh-Ngọc-Sanh, Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam, Chủ-tịch Ủy-ban nam nay, và với sự hiện-diện của ông Narasimhan, Phó Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc và đại-diện của bốn nước Cam-Bốt, Ai-Lao, Thái-Lan, và Việt-Nam cùng nhiều cơ-quan quốc-tế quan-trọng.

Một chương-trình ngũ niên đại qui-mô với ngân khỏan dự-trù là 650 triệu Mỹ kim đã được chấp-thuận để chuyển giao cho ông Narashimhan trình với Liên-Hiệp-Quốc tìm phương tiện kỹ-thuật và tài chánh quốc-tế để giúp đỡ việc mở mang lưu-vực sông Cửu-Long cùng một khuynh-hướng với lời tuyên-bố viện-trợ kinh-tế một tỷ Mỹ kim của Tổng-Thống Johnson tại Baltimore.

Riêng về phần Việt-Nam, ngân khoản dự-trù cho chương-trình ngũ niên lên đến 195 triệu Mỹ-kim, tức là vào khoảng 34 phần tram tổng-số ngân-khoản được chấp thuận cho bốn nước duyên hạ sông Cửu-Long.

Chương-trình khuếch-trương vận tải với ngân khoản 99 triệu Mỹ kim nhằm mục-đích cung cấp những hạ tầng cơ-sở kiều-lộ (56,8 triệu Mỹ kim) và thủy vận (42,15 triệu Mỹ kim) gồm có các công tác đại qui-mô như công tác Mỹ-thuận (13,8 triệu Mỹ kim), cầu Cần-Thơ (10 triệu Mỹ kim) và nhiều giang cảng (26 triệu Mỹ kim) tại Nam-phần, và công-tác thương cảng Đà-Nẵng (16 triệu Mỹ kim) và xa lộ Đà-Nẵng--Huế (20 triệu Mỹ kim) tại Trung-Phần.

PHÁI-ĐOÀN THƯƠNG-MẠI XUẤT-NGOẠI ĐỂ NGHIÊN-CỨU THỊ-TRƯỜNG

Một phái đoàn thương mại Việt-Nam đã lên đường sáng thứ tư vừa qua để nghiên-cứu thị-trường nhằm mục-đích khuếch-trương xuất-cảng sản-phẩm trong xứ. Phần chánh của việc xuất ngoại này là cuộc viếng tham Đại-Hàn trong 15 hôm thể theo lời mời của nước này. Sau đó, phái đoàn sẽ tuần tự đi tham Nhật-Bản, Đài-Loan và Hương-Cảng.

Phái đoàn này do ông Đệ-Nhất Phó Chủ-Tịch phòng Thương-Mại Sài-Gòn hướng-dẫn và gồm có tám người, trong đó có bà Đệ-Nhị Phó Chủ-Tịch, ông Thủ-Quỹ và nam thương gia khác.

Nên biết Việt-Nam đã nhập cảng của Đại-Hàn vào khoảng 470 triệu bạc hàng-hóa nam 1969 và lối 246 triệu bạc nam 1970. Nam 1969 Việt-Nam xuất-cảng sang Đại-Hàn vào khoảng 42 triệu bạc hàng-hóa, nhưng đến nam 1970 thì thống-kê không có ghi một trị-giá xuất cảng nào cả. Hiệp-ước hợp-tác kinh-tế Việt-Hàn vừa được ký-kết nhân cuộc viếng tham chính-thức của phái đoàn chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tại Đại-Hàn có thể chóng giúp cải-tiến tình-trạng giao-thương Hàn-Việt. Về Nhật-Bản thì trong nam 1970, nước này đã chiếm hạng ba trong các nước cung-cấp cho Việt-Nam với trị giá 1. 181 triệu bạc và đồng thời đã mua của Việt-Nam vào khoảng 150 triệu bạc hàng hoá. Riêng Trung-Hoa Quốc-Gia thì đứng hạng nhì về nam 1970 trong số các nước cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam với trị giá 1, 1339 triệu bạc, nhưng lại chỉ nhập cảng lối 25 triệu hàng hóa của Việt-Nam. Sau hết, Hương-Cảng là một tiêu-trường càng ngày càng quan-trọng cho Việt-Nam, vì được xếp hạng nam trong số các nước khách hàng về nam 1970 với một trị-giá 83 triệu bạc trong khi chỉ cung cấp cho Việt-Nam chừng 58 triệu bạc hàng hoá.

II. VOCABULARY

sữa đặc	condensed milk
ký	to sign
thỏa-hiệp	to agree, an agreement
nhập-cảng	to import
thực-phẩm	foodstuffs, provisions
buổi lễ	a ceremony (classifier + noun)
đơn giản	to be simple or uncomplicated
Phủ Thủ-Tướng	the Prime Ministry, Office of the Prime Minister
trù-liệu	to plan
có đường	'with sugar added'
chở	to transport
thể theo	to take into consideration, to be in accord with
điều khoản	terms, conditions, provisions or stipulations
đạo-luật	a legislative bill
phụng-sự	to serve or contribute services
thực-phẩm Phụng-Sự Hòa-Bình	the Food for Peace Program
ép buộc	to force or compel
ruộng nương	fields
đồng thời	at the same time
tình-trạng	conditions, situation, or state of a affairs
khan	to be scarce or rare
thị-trường	the economic market in general
tổng-cộng	a grand total
xử-dụng	to make use of
nỗ-lực	to strive, endeavor, efforts or endeavors
chiến-tranh	war, warfare, hostilities
phát-triển	to develop or expand
ký-kết	to sign or conclude (an agreement or treaty)
thỏa-ước	an agreement
mở mang	to develop
lưu-vực	a valley
xúc-tiến	to promote or push forward
hạ lưu	downstream area
triệu-tập	to call (a meeting) or convene (an assembly)
bất thường	to be unusual or extraordinary
Phó Tổng Thư-ký	Deputy Secretary-General
ngũ niên	five year (plan)

LESSON 19

ngân-khoản	amount, budget, allotment, or allocation
chấp-thuận	to approve
chuyển-giao	to hand over (authority or public office)
trình	to report
tài-chánh	finances
khuynh-hướng	a tendency, to be in accord with..., a parallel
tổng-thống	president
duyên	to be located along, the shore or bank
duyên hạ	to be located in the lower part of...
vận tải	to transport, transportation
hạ tầng	lower echelon or stratum
kiều-lộ	bridges and roads
thủy-vận	water transportation
giang cảng	a river port
thương cảng	a commercial port
xa-lộ	a major road or highway
xuất-ngoại	to go abroad
thương-mại	commerce, commercial
xuất-cảng	to export
sản-phẩm	products
tuần-tự	to be in order or sequence
hướng dẫn	to guide, lead
thủ-quỹ	cashier or treasurer
thương-gia	a businessman or trader
lối	approximately, about
thống-kê	statistics
ghi	to record or register
nhân	on the occasion of
cải-tiến	to improve (by expansion or advancement)
giao-thương	trade, commerce, or communication
hạng	category, class, or rank
tiêu-trường	an outlet
xếp	to set, arrange, or put in order
khách hàng	a customer

III. GRAMMAR NOTES

4. Since the Vietnamese system for marking decimal places differs from the American system in the writing of full numerical expressions, but not in the writing of fractional or percentage expressions, it would be well to observe the chief area of difference in the expressions below:

a. 2.350,45 đồng is read as 2,350.44 Piasters
b. 2.350.450,45 as 2,350,450.45
c. 2,35 triệu đồng: 2.35 million Piasters

69. The lengthy modification of the grammatical subject of this sentence 'hiệp-ước' is typical of technical documents and literary exposition in Vietnamese. Everything which precedes 'có thể' and follows 'hiệp ước' is dependent on 'hiệp ước' and thus part of the grammatical subject of the sentence.

IV. QUESTIONS

1. Thủ-tướng Việt-Nam Cộng-Hòa đã ký một thỏa-ước nhập cảng gì?
2. Thỏa-hiệp mới ký kết với Hoa-Kỳ trị giá bao nhiêu?
3. Hoa-Kỳ sẽ cung cấp cho Viêt-Nam bao nhiêu tấn gạo?
4. Thỏa-hiệp này trù liệu nhập cảng bao nhiêu tấn gạo?
5. Buổi lễ ký kết thỏa hiệp này xẩy ra ở đâu?
6. Số sữa đặc sẽ được cung cấp trị giá bao nhiêu Mỹ-kim?
7. Làm thế nào mà người ta chở số thực phẩm này đến Sài-Gòn?
8. Chính-phủ Việt-Nam định dùng số gạo này để trợ giúp ai?
9. Số gạo này sẽ giúp giải quyết tình trạng khan gạo ở đâu?
10. Gạo và sữa sẽ được Hoa-Kỳ cung cấp thể theo đạo luật gì?

11. Thực phẩm do Hoa-Kỳ cung cấp sẽ được phát cho dân chúng thế nào?

12. Tại sao đồng bào Trung-Phần bị khan gạo?

13. Số thực phẩm nhập cảng trên sẽ được bán trên thị trường với trị giá bao nhiêu triệu bạc Việt-Nam?

14. Chính-phủ Việt-Nam sẽ dùng số tiền này trong việc gì?

15. Hiện-diện tại buổi lễ ký kết thỏa-hiệp gồm có ai?

16. Nhàm xúc tiến việc khuéch trương khu vực sông Cửu-Long có ủy ban gì?

17. Ủy ban ấy mới triệu tập tại Vọng-Các để làm gì?

18. Phiên-họp bất thường của ủy ban triệu tập ngày nào?

19. Phiên họp này được đặt dưới quyền chủ-tọa của ai?

20. Trong phiên họp này có đại diện của bốn nước nào?

21. Chương-trình mở mang lưu-vực sông Cửu-Long sẽ kéo dài chừng bao nhiêu lâu?

22. Ngân khoản dự trù cho chương trình này là bao nhiêu?

23. Chương trình đại qui-mô này được chuyển giao cho ông Narashimham để làm gì?

24. Chương-trình mở mang này cùng một khuynh hướng với lời tuyên bố gì?

25. Về phần Việt-Nam ngân khỏan dự-trù cho chương trình ngũ-niên trị giá bao nhiêu Mỹ-Kim?

26. Ngân khỏan dự-trù cho Việt-Nam so với ngân khoản cho cả bốn nước duyên hạ sông Cửu-Long trị giá bao nhiêu phần tram?

27. Chương-trình khuếch trương vận tải trong nước Việt-Nam có mục đích gì?

28. Trong cuộc khuếch trương thủy vận gồm có các công tác gì?

29. Trong chương-trình này có hai công tác gì được chấp-thuận cho miền Trung và Đà-Nẵng?

30. Một phái đoàn thương mại Việt-Nam đã xuất ngoại để nghiên-cứu về vấn đề gì?

31. Phái đoàn thương mại ấy đã lên đường hồi nào?

32. Phần chánh của việc xuất ngoại này là gì?

33. Sau khi viếng tham nước Đại-Hàn thì phái đoàn ghé lại đâu?

34. Phái đoàn này do ai hướng dẫn và gồm có mấy người?

35. Nhân cuộc viếng tham nước Đại-Hàn, phái đoàn sẽ ký-kết một hiệp-ước gì?

36. Đến nam 1970 thì Việt-Nam xuất cảng sản phẩm sang Đại-Hàn trị giá bao nhiêu?

37. Hiệp-ước hợp tác kinh-tế Việt-Hàn có mục đích cải tiến việc gì giũa hai nước?

38. Trong nam 1970 Nhật-Bản chiếm hạng nào trong các nước cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam?

39. Trung-Hoa Quốc-Gia cung cấp hàng hóa cho Việt-Nam với giá-trị lớn, nhưng về việc nhập cảng sản-phẩm Việt-Nam thì sao?

40. Trong số các nước khách hàng của Việt-Nam, Hương-Cảng có đặc tính gì?

LESSON TWENTY

I. TIN-TỨC GIÁO DỤC VÀ Y-TẾ

CÔNG CUỘC XÂY-DỰNG DÂN CHỦ VÀ VIỆC CẢI THIỆN GIÁO-DỤC

Trong một buổi tiếp xúc với các cấp chỉ-huy Bộ Giáo-Dục, Bác-Sĩ Nguyễn-Trọng, Quốc-Vụ-Khanh kiêm Tổng-Trưởng Giáo-dục, nhận định rằng công cuộc xây dựng dân-chủ phải đi liền với việc cải thiện nền giáo-dục.

Trong dịp này ông Tổng-Trưởng có nêu lên quan niệm về giáo-dục của ông trong thời-kỳ cách-mạng. Theo ông thì mục-đích của giáo-dục là đào tạo những công dân một nước dân-chủ theo ba nguyên-tắc căn bản là tự-do, bình-đẳng, và tiến-hóa. Về tiến-hóa, điều quan trọng nhất là làm sao theo kịp với trào lưu tiến-hóa của nhân loại. Thiếu nguyên tắc thứ ba, mọi công tác sẽ không thể coi là cach mạng được. Ông Tổng-Trưởng cũng nhắc đến những nguyên tắc giáo-dục đã nêu ra trong hai kỳ Đại-Hội Giáo-Dục 1968 và 1972 là 'Nhân-Bản. Dân-Tộc và Khai-Phóng', và nhận xét rằng đó cũng là những đặc tính cần thiết cho nền giáo-dục. Hội-Đồng Giáo-Dục này sẽ có dịp nhận-định lại và nếu cần sẽ bổ túc thêm.

Sau đó, ông Tổng-Trưởng đề-cập đến tình-trạng bất ổn của nước nhà đã ảnh hưởng khá nhiều đến nền giáo-dục. Để lấy lại uy-thế đã giảm-sút từ lâu. ông Tổng-Trưởng đề ra nhiều công tác như soạn thảo một chương-trình giáo-dục thích hợp với hoàn cảnh của đất nước, cải thiện việc học hành và thi cử, vãn hồi uy tín giáo chức, khuyến-khích phụ huynh học sinh tăng-cường việc giáo-dục con em tại gia-đình.

Bác-sĩ nói rằng muốn thế, mọi người phải tin-tưởng vào công-cuộc giáo-dục, tin ở chính mình và tin ở các cộng-sự viên của mình. Ngược lại, các cấp lãnh-đạo và cán bộ phải có ý-thức trách-nhiệm và phải cương-quyết gạt bỏ mọi thành kiến, mọi mặc-cảm địa-phương, tôn-giáo và tuổi-tác.

Sau hết, ông Tổng-trưởng kết-luận cần phải cách-mạng lề lối làm việc để có thể thực-hiện một cách hiệu quả công cuộc phát-triển nền van-hóa và giáo-dục nước nhà.

ÔNG TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ HỌP BÁO TRÌNH BÀY CHƯƠNG-TRÌNH HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ Y-TẾ

Sáng nay, trong một cuộc họp báo, Bác-sĩ Nguyễn-Hữu-Nam Tổng-trưởng Y-Tế, đã trình bày về chương-trình hoạt-động của bộ Y-Tế trước sự hiện-diện của số đông đại-diện báo-chí thủ-đô và ngoại quốc, tại phòng khánh-tiết của bộ, số 59 đường Hồng-Thập-Tự, Sài-Gòn.

Ông Tổng-trưởng giải-thích rằng y-tế gồm có hai phần, y-tế điều trị và y-tế phòng ngừa. Về phòng ngừa có nhiều khó khăn và cần nhấn mạnh vai trò của báo-chí, phải làm sao cho sự phòng ngừa đi sâu vào tâm lý của dân chúng, làm sao cho đồng bào hiểu rõ điểm quan-trọng của sự phòng ngừa.

Về y-tế đô-thị và thị-xã, nhờ tài nguyên dồi dào, việc xây cất nhà thương dễ dàng. Trái lại ngành y-tế nông-thôn gặp nhiều khó khan và vì sự giao thông nên nhân-viên y-tế phải đến với bệnh nhân. Ở các quận còn tương đối dễ dàng chứ ở các làng xa xôi, giao thông bất tiện lại còn phải tốn nhiều thì giờ.

Hiện nay bộ Y-tế đặt trọng tâm ở nông-thôn, và chương-trình này đã bắt đầu hoạt động từ một nam nay. Sau này sẽ giao công tác thường xuyên lại cho những cơ-sở cố định, để tiếp tục chương trình dài hạn.

Khó khan thứ ba là sự giao-tế dân-sự trong ngành y-tế. Trong sự liên-lạc giữa đồng-bào và chính-quyền còn nhiều thủ-tục tập-quán. Bộ y-tế cố gắng cải thiện giao tế giữa bệnh-nhân và nhân viên y-tế. Về mạt này cũng nhờ báo-chí giải-thích cho đồng-bào thông-cảm.

Về cán-bộ xã-hội, ông Tổng-trưởng cũng nhờ báo-chí cổ-động cho các giới phụ-nữ tham-gia các công tác xã-hội, phát quà và ủy-lạo, an-ủi bệnh-nhân. Bộ cố gắng cải-tổ bệnh-viện. Việc này những người đi trước đã làm và đạt nền móng, Bộ chỉ tiếp-tục làm cho các thủ-tục giản-dị hơn.

Tiếp theo, ông Tổng-trưởng nói đến việc đào tạo y-sĩ. Nhân-viên y-tế các cấp đều là chuyên-viên, từ bác-sĩ, y-tá, lao-công là một nhóm người của một guồng máy chuyên môn, nếu có một bánh xe không an khớp thì máy không chạy đều được. Nhân viên mọi ngành y-tế đều phải hành nghề vài ba nam mới thông thạo và sự kinh-nghiệm của nhân-viên giúp ích cho bệnh-nhân rất nhiều.

Ông Tổng-trưởng kết-luận:" Nếu có điều khuyết điểm, xin đồng-bào thông-cảm và tha-thứ, và xin báo-chí thẳng thắn nêu ra với ý-kiến xây-dựng, chúng tôi sẽ mỗi ngày sửa đổi thêm một ít, hầu cải-tiến và cải-thiện y-tế. Phải có sự tổ-chức cố gắng và lâu dài mới tiến được."

LESSON 20

II. VOCABULARY

cải-thiện	to improve or rectify, (in correcting faults)
cấp	level, rank, degree, or grade
chỉ-huy	to command or control, the commander
quốc-vụ	national affairs, affairs of the state
quốc-vụ khanh	Minister of State
nhận-định	to formulate correctly
nêu (lên)	to bring up (a topic/ subject), to display ostentatiously
quan-niệm	concept, conception, or viewpoint
cách-mạng	to revolutionize, revolution, revolutionary
nguyên-tác	a principle or primary rule/cause
can-bản	to be basic, or fundamental, the basis or fundamentals
bình-đẳng	to be equal, on the same level, equality
theo kịp	to be in accord (with)
trào-lưu	a current of thought, an intellectual trend
tiến-hóa	to develop gradually, to evolve, evolution
nhân loại	mankind
nhác	to left or raise to promote or bring up
nhân-bản	humanism
dân-tộc	the people (as a nation), national polity
khai-phóng	to emancipate or set free
nhận-xét	to observe or look at carefully
bổ-túc	to complement or supplement
đề-cập	to mention, put forth or touch upon
bất-ổn	to be unsettled or unstable
nước nhà	home country
uy-thế	prestige
giảm sút	to decline
soạn thảo	to draft (a document)
hoàn-cảnh	environment, milieu, or context
đất nước	country, nation, or native land
thi-cử	examinations
vãn hồi	to return, restore order, save a situation
uy-tín	prestige

LESSON 20

giáo-chức	teacher
khuyến-khích	to encourage or stimulate
phụ-huynh	father and elder brother
tang-cường	to strengthen or reinforce
tin-tưởng	to trust or have confidence in
chính mình	one's self
ý-thức	to conceive of, a concept, consciousness
cương-quyết	to be determined, with resolution
gạt bỏ	to cross out or eliminate
thành-kiến	a prejudice or preconceived notion
mạc cảm	a complex
tuổi tác	to be very old
kết-luận	to conclude, the conclusion
lề lối	a manner, method, or procedure
hiệu-quả	an effect or result
họp báo	a news conference
y-tế	public health, medicine
báo-chí	newspapers and magazines, the press
thủ-đô	capital city
khánh-tiết	festival, entertainment
phòng khánh-tiết	a ballroom
giải-thích	to explain or interpret
phòng ngừa	to prevent
vai trò	role or part
tâm-lý	psychology, psychological
điểm	a dot, point, detail or feature
đô-thị	city
tài-nguyên	resources
dồi dào	to be plentiful or abundant
nông-thôn	village or countryside
quận	a county or district
tương-đối	to be relative, mutually corresponding
xa xôi	to be far away or distant
giao	to entrust to or deliver to
thường xuyên	to be permanent or regular
cố-định	to be fixed, firm, stationary, permanent
dài hạn	long range (of programs or policies)
giao-tế	public relations
dân-sự	civilian, civil
thủ-tục	a procedure
tập quán	a habit, to be habitual

thông cảm	to understand
cổ-động	to propagandize
quà	snacks, presents or gifts
ủy-lạo	to offer solace
an-ủi	to comfort
cải-tổ	to reorganize or reshuffle
nền móng	a foundation
y-sĩ	a physician
lao-công	labor or work
nhóm	a group, to gather, unite, or meet
guồng máy	machinery or apparatus
bánh xe	a wheel
an khớp	to be well fitted or adapted
hành nghề	to practice a profession
kinh-nghiệm	to experience, to be experienced, experience
giúp ích	to be of service to, to be of use to
khuyết điểm	a shortcoming or defect
tha thứ	to forgive or pardon
thảng-thán	to be upright or righteous
ý-kiến	opinion or viewpoint
cải-tiến	to improve or advance (in making progress)

III. GRAMMAR NOTES

4. In the phrase 'đi liền (với', the element 'liền' is used in the sense of 'to be contiguous or adjoining', and the whole phrase (with 'với' functioning as a resultative complement) is best treated as a single predicate which may be translated as 'to accompany'.

11. The introductory clause 'thiếu nguyên tắc thứ ba' functions here as a conditional correlative, and should be translated as though set of by the elements 'nếu... thì', with the following clause functioning to complete the conditional relationship 'if... then...'

42. In this sentence, the two clauses which begin with

'phải làm sao cho...' and 'làm sao cho...' have 'báo chí' as an understood subject, and 'làm sao cho' as a predicate. In each parallel clause, the predicative phrase 'làm sao cho' is followed by a dependent clause complement which is the resultative complement of the attributive 'cho'. This use of the attributive predicate is somewhat more emphatic and indefinite than the phrase 'làm cho' which is roughly equivalent in function and meaning. This increased level of indefiniteness and emphasis changes the translation in the following way:

a. phải làm cho...	must make...
b. phải làm sao cho...	must somehow make...

Each resultative clause which follows this attributive phrase thus becomes the effect of the actions of the press.

IV. QUESTIONS

1. Bác-sĩ Tổng-Trưởng Giáo-Dục nhận định gì về việc cải thiện giáo-dục Việt-Nam?
2. Tổng-Trưởng tiếp-xúc với những ai?
3. Ông Tổng-Trưởng nêu lên quan-niệm gì trong buổi tiếp xúc?
4. Theo ông Tổng-Trưởng thì mục đích giáo-dục là gì?
5. Ba nguyên-tắc căn bản để đào tạo công dân một nước dân chủ là gì?
6. Nếu thiếu nguyên tắc thứ ba thì mọi công-tác sẽ coi như thế nào?
7. Về tiến-hóa thì điều quan-trọng nhất là gì?
8. Đại-Hội Giáo-Dục Việt-Nam đã nêu ra nguyên-tắc gì về đặc-tính cần-thiết cho nền giáo-dục?

9. Để lấy lại uy-thế của nền giáo-dục, ông Tổng-Trương đã đề ra nhùng công-tác gì?

10. Theo ông Tổng-Trưởng thì tình-trạng gì đã ảnh-hưởng đến nền giáo-dục Việt-Nam?

11. Về việc giáo-dục tại gia-đình, ông Tổng-Trưởng đã khuyên gì?

12. Ngoài sự tin-tưởng vào công cuộc giáo-dục ra, ông Tổng-Trưởng khuyên mọi người phải làm thế nào?

13. Bác-sĩ khuyên ai phải có ý-thức trách-nhiệm?

14. Tổng-Trưởng khuyên các cấp lãnh đạo và cán bộ phải gạt bỏ những gì?

15. Để thực-hiện một cách hiệu quả việc phát triển nền giáo-dục thì các cấp lãnh đạo phải làm thế nào?

16. Ông Tổng-trưởng Y-Tế họp bảo để trình bày việc gì?

17. Hiện diện trong cuộc họp báo ấy gồm có những ai?

18. Cuộc họp báo này đã xẩy ra ở chỗ nào?

19. Ông Tổng-Trưởng Y-Tế giải thich ràng nền Y-Tế gồm có mấy phần?

20. Vai trò của báo chí về y-tế phòng-ngừa như thế nào?

21. Theo ông Tổng-Trưởng thì y-tế đô-thị và thị-xã như sao?

22. Trái lại ngành y-tế nào gặp nhiều khó khan?

23. Trong các khu nông-thôn nhân viên y-tế phải làm gì?

24. Ở các làng xa-xôi thì sự giao-thông ra sao?

25. Hiện nay Bộ Y-Tế đạt trọng tâm ở đâu?

26. Tại sao việc giao-tế dân-sự trong ngành y-tế khó khan?

27. Bộ Y-Tế cố gáng cải thiện việc giao-tế giũa ai và ai?

28. Ông Tổng-Trưởng Y-Tế nhờ báo chí cổ-động về cán-bộ xã-hội trong các giới nào?

29. Những người đi trước trong nền y-tế đã đặt nền móng trong việc gì?

30. Nhóm người của guồng máy y-tế gồm có những ai?

31. Trước khi có thể giúp ích cho bệnh-nhân rất nhiều, thì nhân-viên mọi ngành y-tế đều phải làm gì?

32. Nếu có khuyết-điểm trong nền y-tế, thì ông Tổng-Trưởng khuyên báo chí làm gì?

33. Hầu cải tiến và ải thiện nền y-tế các cấp lãnh-đạo phải làm gì?

34. Kết-luận buổi diễn thuyết ấy, ông Tổng-Trưởng nói ràng muốn tiến được thì phải có việc gì?

LESSON TWENTY-ONE

I. TIN TỨC CHÍNH-TRỊ

CHƯƠNG-TRÌNH HOẠT-ĐỘNG CỦA THỦ TƯỚNG TRẦN VAN HƯƠNG

Sài-Gòn 29-5.- Ngỏ lời cùng đồng bào trước đài tiếng nói Việt-Nam tối 28-5, Thủ-Tướng Trần-Van-Hương đã giải thich các lý-do khiến ông ra chấp chánh, đồng thời Thủ-Tương cũng đã phác họa đại-cương chương trình hoạt động của tân chính-phủ.

Trước hết, Thủ-Tướng Trần-Van-Hương nhắc lại lúc ra ứng cử Tổng-Thống, ông có nói, nếu thất cử ông sẽ " trở về đọc sách, trồng hoa". Vì vậy sau đó, ông đã từ chối lời mời của Tổng-Thống Nguyễn-Van-Thiệu trong chức-vụ Thủ-Tướng. Nhưng nay vì tình thế cực-kỳ nghiêm-trọng, ông nhận lời mời của Tổng-thống Thiệu, để hy-sinh quãng đời còn lại của ông mà đứng ra góp phần cứu vãn tình thế. Tân Thủ-Tướng tuyên bố là ông quyết " thí thân già" của ông để đảm nhận nhiệm-vụ quan-trọng mà Tổng-Thống Thiệu đã giao phó giữa lúc đất nước ở trong tình trạng bị xâm lang, phân-hóa, và bất công tham nhũng đầy dẫy.

Nói về hoạt động của tân chính-phủ, Thủ-Tướng trần-Van-Hương cho biết là ông không đưa ra một chương-trình đồ-sộ với những ước vọng hão huyền, mà trong giai-đọan thứ nhất hiện nay ông chỉ giới hạn trong bốn mục tiêu cấp thiết phù-hạp với tình-hình thực tại, gồm có:

1.- Tái-lập uy-quyền quốc-gia để bảo vệ nền dân-chủ pháp-trị.

2.- Tận diệt tham nhũng để lấy lại niềm tin đã mất trong dân-chúng.

3.- Ổn định mau lẹ tình-trạng sinh-sống của đồng-bào, nhất là đối với đồng bào nạn nhân chiến-cuộc.

4.- Tạo thế chủ-động trong việc thực-hiện hòa-bình

CHÍNH-QUYỀN VÀ LỰC-LƯỢNG DÂN TỘC VIỆT

Dù bàng những lời lẽ che đậy khéo léo và tế-nhị đến đâu đi nữa, các ký-giả cũng biết được ràng Lực-Lượng Dân-Tộc Việt muốn là một tổ-chức chính-trị đối lập với chính-quyền. Chỉ tiếc ràng chính Lực-Lượng Dân-Tộc Việt không nói toạc ra câu đó để cho người ta khỏi phải suy-luận phỏng đoán, trong khi sự tuyên bố dứt khoát lập trường rất cần thiết cho một chính đảng và trong khi mọi sự ước đoán về chính đảng mới thành lập đều được coi là có hại cho chính đảng đó.

Chúng tôi cũng ngạc nhiên, như Lực-Lượng Dân-Tộc Việt đã phàn nàn, là Lực-Lượng đối lập này không được cơ-quan thông tin của chính-quyền, đài phát thanh và vô-tuyến, dành cho một sự chú-trọng công-bàng và thỏa đáng như họ đã dành cho một vài tổ-chức chính trị khác mới ra đời.

Chác có một số người cũng phải thác mác về thái độ trên kia của chính-quyền khi mà mới đây, trong cuộc gạp gỡ đại-diện các đảng phái tại dinh độc-lập, Tổng-thống Nguyễn-Van-Thiệu đã thành tâm mong muốn được thấy sự ra đời của một đảng đối lập hợp-hiến để chấm dứt cái thời kỳ hỗn lọan chính-trị vừa qua.

Nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt là một đảng đối lập hợp-hiến thì giấc mộng của Trung-tướng Thiệu quả đã được thực-hiện phần nào, và do đó cần được chính-quyền hỗ-trợ ít nhất bàng các phương-tiện thông-tin tuyên-truyền. Và nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt hoạt-động không hợp-hiến, thì tại sao chính-quyền không theo đúng hiến-pháp mà xử-sự với họ?

Chúng tôi nhận thấy ràng từ trong giai-đọan chuyển-tiếp các giải-pháp quân-sự qua các giải-pháp chính-trị để giải-quyết vấn đề chiến-tranh Việt-Nam, đã có những cố gáng tốt đẹp để tập-hợp các lực-lượng đồng quan-điểm với chinh-quyền và đối lập với chinh-quyền.

Trên bình-diện xây dựng dân-chủ lâu dài, mọi lực-lượng chính-trị đều phải được đối xử đồng đều, trừ khi chính-phủ hiện-hữu phải dựa vào một lực lượng này để mà đối phó với một lực lượng khác.

II. VOCABULARY

hành-động	to act, actions or deeds
ngỏ lời	to speak, say a few words
đài	a tower, monument, or radio station
tiếng nói	language, tongue, or voice
đài Tiếng-Nói Việt-Nam	the Voice of Vietnam
chấp chính/chánh	to assume governmental position or power
phác-họa	to sketch or outline
đại-cương	to be general, an outline
ứng-cử	to be a candidate, to run for office
thất-cử	to fail to be elected
từ chối	to refuse or decline
cực-kỳ	extremely, exceedingly, very
nghiêm-trọng	to be grave or critical
hy-sinh	to sacrifice (oneself), a sacrifice
quãng đời	a period or time
cứu-vãn	to save or rescue (a situation)
quyết	to decide or determine, to be determined
thí thân	to sacrifice one's life
đảm-nhận	to assume (a duty), or accept (a responsibility)
giao phó	to entrust or assign
xâm lang	to invade, an invasion, or aggression
phân-hóa	to disintegrate, divisiveness
bất công	to be unjust, unjustly, injustice
tham nhũng	to be corrupt and graft-ridden
đầy dẫy	to be full to the brim, or full of

LESSON 21

đồ-sộ	to be impressive, imposing, or vast
ước-vọng	wishes, desires, or promises
hão-huyền	to be empty or idle (of talk or promises)
giới-hạn	to limit or restrict, a limit or restriction
mục tiêu	objective, goal, or purpose
cấp-thiết	to be urgent or pressing
phù hạp/hợp	to be in keeping (với: with)
thực-tại	to be real or true, reality
tái-lập	to reestablish
uy-quyền	authority or power
pháp-trị	the rule of law
tận diệt	to destroy completely
niềm tin	confidence or faith
ổn-định	to be stable, to stabilize, or settle
chiến cuộc	the war situation
tạo thế	to create, make, or formulate
chủ-động	to be active, principal, or main
dù/dầu	even though, although
lời lẽ	words or reasoning
che đậy	to cover up
khéo léo	to be skillful or clever
tế-nhị	to be subtle or delicate
ký-giả	a newsman or correspondent
đối lập	to stand in opposition, an opposing force
tiếc	to feel sorry, regret
toạc	to be ripped or torn, (to speak) openly or frankly
câu	a phrase, expression, sentence, saying, or proposition
suy-luận	to think, reason, or consider
phỏng đoán	to guess or conjecture
dứt-khoát	to be unambiguous or clear-cut
lập-trường	position, viewpoint, editorial stand/view
chính đảng	a political party
ước đoán	to speculate or make predictions
hại	to harm, to murder
có hại	to be harmful
ngạc-nhiên	to be surprised or astonished
phàn-nàn	to complain or grumble (about something)
phát thanh	to broadcast
vô-tuyến	wireless or radio telegraphy

công bàng	to be just or equitable
thỏa đáng	to be satisfactory, proper or appropriate
ra đời	to be born, to appear, to be published
thác mác	to be worried or anxious
thái-độ	an attitude, manner or mental state
gạp gỡ	an unexpected meeting, to encounter suddenly
thành tâm	to be sincere
hợp hiến	to be constitutional or legally sanctioned
chấm dứt	to bring to an end, terminate or break-off
hỗn loạn	disorder, confusion, or chaos
giấc mộng	a dream
hỗ-trợ	to help one another, mutual aid
tuyên-truyền	to propagandize, propaganda
hiến-pháp	a constitution or charter
xử-sự	to conduct oneself, to act or behave
chuyển tiếp	to make a transition, a transition, transitional
giải-pháp	a solution to a problem
tập hợp	to gather together, to concentrate or assemble
đồng	to be equal, mutual similar, or the same
quan-điểm	a point of view or position
bình-diện	level, stage, or point (in a discussion or process)
đối-xử	to behave toward, to treat
trừ	except for, unless
hiện-hữu	to be presently existing, present, or on hand
dựa	to lean on or rely on
đối phó	to face, deal with, or cope with

III. GRAMMAR NOTES

12. This use of the conjunction 'mà' serves as a resumption of the purpose function of the preceding clause, governed by 'để', and must be translated either as purpose or result in connection with 'để' and the entire preceding clause.

15. In this sentence the element 'mà' functions as a relative particle, making a dependent relative clause of everything which follows it. This clause modifies the main substantive element 'nhiệm vụ', and may be translated as 'the important mission which...'

20. This use of 'mà' is disjunctive and functions like 'nhưng', which could easily be substituted for it in this sentence.

31. The element 'bàng' functions here as the main predicate, and is used in the sense of its basic meaning, 'to make use of or employ'. The surrounding frame 'dù... đi nữa', has been previously described as an emphatic form of the conditional 'even though...' which functions with the following 'cũng' as a resumption of the conditional nature of the construction. This construction is best translated as 'Even though they.... (the press) is still aware that...'.

32. The phrase 'Lực-Lượng Dân-Tộc Việt' is the name of a political party which was being formed in Vietnam at the time this commentary was written.

54. As a resumptive conjunction, the element 'mà' is best translated here as either a resultative 'and thus to...' or as an equivalent to 'để: in order to'. In the latter sense, the resumptive function could be accomplished by either 'để' or the combination 'để mà', all three are essentially equal (see line 60 below).

IV. QUESTIONS

1. Khi chấp chính chức-vụ Thủ-Tướng, ông Trần-Van-Hương tuyên bố về việc gì?
2. Trong khi ra ứng cử Tổng-Thống Thủ-Tướng Hương đã nói ràng nếu ông thất cử thì ông sẽ làm gì?
3. Ông Hương đã nhân lời mời ra làm gì?
4. Tại sao Thủ-Tướng đổi ý mà chấp nhận lời mời của Tổng-Thống Thiệu?
5. Tân Thủ-Tướng giải thích các lý-do quyết 'thí thân già' như thế nào?
6. Thủ-Tướng đã nói là ông ra chấp chính vì nước đang bị nạn gì?
7. Để phác-hoạ đại cương hoạt động của tân chính-phủ, ông cho biết về chương-trình gì?
8. Trong giai đoạn thứ nhất, thì Thủ-Tướng sẽ giới hạn chương trình trong bốn mục tiêu gì?
9. Để bảo vệ nền dân chủ pháp-trị, Thủ-Tướng định tái lập gì?
10. Để lấy lại niềm tin của dân chúng, Thủ-Tướng định tận diệt nạn gì?
11. Tân Thủ-Tướng sẽ ổn-định mau lẹ tình-trạng sinh-sống của ai?
12. Trong việc thực-hiện hoà-bình thủ-Tướng sẽ cố gắng về việc gì?
13. Lực-Lương Dân-Tộc Việt muốn tổ-chức một chính đảng như thế nào?
14. Tại sao các ký-giả muốn Lực-Lượng Dân-Tộc Việt nói ra lập-trường của họ?

15. Lực-Lượng dân tộc Việt đã phàn nàn về gì?

16. Một chinh đảng ở Việt-Nam có thể dùng cơ-quan gì của chính phủ để tuyên truyền?

17. Chính phủ Việt-Nam đã bao giờ cho một tổ chức chính trị dùng các cơ quan của chinh phủ để tuyên truyền chưa?

18. Trong một buổi gạp gỡ tại dinh Đọc-lập, Tổng Thống Thiệu đã mong được thấy sự gì xảy ra?

19. Nếu có một đảng đối lập hợp hiến, thì Tổng-Thống Thiệu cho ràng sẽ chấm dứt được tình hình gì?

20. Nếu Lực-Lượng Dân-Tộc Việt là một đảng đối-lập hợp-hiến thì chính phủ hiện hữu nên hỗ-trợ như thế nào?

21. Nếu hoạt động của Lực-Lượng Dân-Tộc Việt không hợp-hiến thì chính-phủ hiện-hữu nên làm gì?

22. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ giải pháp quân-sự qua giải pháp chính-trị đã có những cố gáng nào để tập hợp chính quyền?

23. Chính-phủ Việt-Nam có đối xử đồng đều giữa Lực-Lượng Dân-Tộc Việt với các đảng chính-trị khác không?

24. Trên bình diện dân chủ lâu dài, chính phủ nên đoi xử với các lực-lượng chính-trị như thế nào?

LESSON TWENTY-TWO

I. BÌNH-LUẬN VỀ THỜI-CUỘC

KHÔNG THỂ LÀM THAY ĐỔI TÌNH-THẾ

Trừ phi có sự biến-chuyển bất ngờ trong lập-trường cố-hữu của Hoa-Kỳ hay Bác-Việt, tình hình miền Nam Việt-Nam hiển-nhiên đang đi đến một cuộc đụng-độ gay-go bàng vũ-lực.

Người ta có cảm-tưởng ràng vấn-đề Việt-Nam chỉ có thể ra khỏi chỗ bế tác hiện nay, sau khi Bác-Việt đã tuyệt hết mọi hy-vọng dùng áp-lực quân-sự để chiếm lợi thế chính-trị trong cuộc nghị-hòa.

Sau cuộc hội nghị Mỹ-Việt ở Honolulu, Bác-Việt đã có phản-ứng trên địa hạt chính-trị và tuyên truyền, gọi nôm na là " đánh võ mồm". Còn về mạt quân-sự tình hình vẫn ở mục độ bình-thường và đợt tấn công thứ ba mà người ta dự-liệu vào cuối tháng bảy đã không xảy ra.

Phản-ứng chính-trị của Bác-Việt đã tạo thành một chiến-dịch đả-kich dữ-dội. Tại Ba-Lê, Nguyễn Thành-Lê, phát ngôn nhân phái đoàn Bác-Việt đã mở nhiều cuộc họp báo để tố-cáo trước dư-luận những lời tuyên-bố của Tổng-thống Johnson và Ngoại-trưởng Dean Rusk mà Bác-Việt cho là có tinh cách gây hấn. Chảng hạn việc Tổng-thống Johnson cảnh cáo sẽ " áp dụng những biện-pháp quân-sự mới" nếu lực-lượng Mỹ ở Việt-Nam lâm-nguy, đã bị Nguyễn Thành-Lê tố cáo là Mỹ đang chuẩn-bị leo thang chiến-tranh.

Thật ra Mỹ không leo thang chiến tranh mà chỉ chuẩn bị để đối phó với một cuộc tấn công sáp tới của Bác-Việt. Các nguồn tin quân-sự Mỹ cho ràng quân-đội Việt-cộng đã chuẩn-bị xong lực-lượng và vũ-khí, nên cuộc tấn công đại quy-mô sẽ diễn ra trong tuần này, hoặc trung tuần tháng tám, hay trễ lám là đầu tháng chín.

CHỨNG TÔI PHẢN ĐỐI VIỆC LIÊN LẠC VỚI QUỐC-HỘI BÁC-VIỆT

Bốn mươi dân-biểu Việt-Nam Cộng-Hòa vừa ra một bản kiến-nghị yêu cầu ông Chủ-Tịch Hạ-Nghị-Viện đề-cử ra một phái-đoàn thiện-chí với nhiệm-vụ 'liên lạc với Quốc-Hội Bác-Việt để tìm khả nang một cuộc thương thuyết trực-tiếp giữa hai miền Nam Bác nhàm mục đích tái-lập hòa-bình tại Việt-Nam'. Đây là một ý-kiến mới lạ, chứng tỏ thiện-chí của các dân-biểu nói trên muốn tìm kiếm một giải-pháp hòa-bình cho Việt-Nam qua đường lối của hai quốc-hội Việt-Nam.

Bản kiến-nghị nói trên tuy có chứng tỏ thiện-chí của một số dân-biểu , nhưng lại chứa đựng một lầm lẫn to lớn có hại cho uy-tín của quốc-hội Việt-Nam. Đề nghị liên lạc giữa quốc-hội miền Nam và quốc-hội miền Bác tức là các dân-biểu ký tên trong bản kiến-nghị đã mạc nhiên công-nhận ràng quốc-hội miền Bác cũng có một giá-trị đại-diện dân-chúng như quốc-hội miền Nam hiện nay. Nhưng sự thực thì quốc-hội miền Bác chỉ là một tổ-chức bù nhìn đã có từ lâu đời, không được bầu lại, hay nếu có được bầu lại thì chỉ do sự chỉ định của đảng Cộng-Sản chứ không phải do sự bỏ phiếu của toàn dân.

Cái quốc-hội này sở dĩ phải được tồn tại cho đến ngày nay là do chính-quyền Hà-Nội muốn đánh lừa dư-luận thế-giới ràng tại miền Bác cũng có một hình thức dân-chủ, cũng có một quốc-hội, cũng có một hiến-pháp như tại bất cứ một quốc-gia dân-chủ nào trên thế-giới, như quốc-gia chúng ta tại miền Nam.

Nay đề-nghị một sự liên-lạc giữa hai quốc-hội tức là vô tình các dân-biểu nói trên đã nâng cao giá-trị của quốc-hội miền Bác và hạ giá-trị của quốc-hội miền Nam xuống ngang hàng với cái gọi là quốc-hội của miền Bắc. Đành ràng mọi cuộc tìm kiếm liên-lạc để đi tới hòa-bình đều đáng khuyến-khích nhưng liên-lạc theo tinh-thần bản kiến-nghị nói trên là một sự nhục mạ cho quốc-hội Việt-Nam và cho cả dân-chúng Việt-Nam mà các ông dân-biểu là đại-diện hợp pháp, hợp hiến.

II. VOCABULARY

trừ phi	unless
biến chuyển	to change or develop, a development
bất ngờ	to be unexpected
cố hữu	to be natural or inate, an old friend
hiển nhiên	to be evident, obvious, flagrant, or manifest
đụng độ	to collide with or clash, a collision
gay go	to be tense or fierce (of a situation)
vũ lực/võ lực	force or violence, military force
cảm tưởng	an impression, notion, or imprint
bế tác	to be obstructed or deadlocked
tuyệt	to be cut off
áp-lực	a pressure or force
lợi thế	an advantageous position or positive influence
nghị hòa	to hold peace talks
phản ứng	to react, a reaction
địa hạt	a field, domain, realm, or sphere
nôm na	to be colloquial, to speak plainly
đánh võ	to box, wrestle, or struggle
mồm	a mouth
mực độ	a degree, level, extent, or standard
bình thường	to be normal, routine, or ordinary
dự-liệu	to predict, forecast, or foresee
tạo thành	to create
chiến dịch	theater of war, a campaign or operation
đả kích	to attack or criticize
dữ-dội	to be violent (fighting), to be tremendous (noise)

LESSON 22

tố cáo	to denounce, accuse, or charge
dư-luận	public opinion
gây hấn	to incite wars or provoke hostilities
cảnh cáo	to warn
biện-pháp	a method, means, measure, or procedure
lâm nguy	to be in danger
leo thang	to escalate, an escalation
vũ-khí/võ-khí	weapons or armaments
trễ	to be late
phản đối	to be opposed to or to object to
quốc-hội	a national assembly, congress or parliament
dân-biểu	a parliamentary deputy or representative
bản	a document, copy, edition (classifier for statements, treaties, plays, etc.)
kiến nghị	a motion, resolution, or petition
hạ nghị viện	the lower house, the House of Representatives
trực tiếp	to be direct or immediate
mới lạ	to be new or novel
chứng tỏ	to demonstrate or prove
đường lối	a policy or procedure
chứa	to contain, take in, harbor, accomodate, or keep
đựng	to contain or hold
lầm lẫn	to be mistaken
đề-nghị	to suggest, propose, or move, a suggestion or motion
mạc nhiên	to be calm or indifferent
công nhận	to recognize or grant
sự-thực	the truth
bù nhìn	a scarecrow or puppet
lâu đời	to be old or durable
bầu	to elect or vote
chỉ định	to designate, appoint, or assign
bỏ phiếu	to cast a vote
sở dĩ	the reason why...
tồn tại	to exist or survive
đánh lừa	to decieve or dupe
hình thức	a form, formality
vô tình	to be indifferent or unintended
nâng	to pick up, raise, or support
nâng cao	to raise or elevate
ngang hàng	to be equal to, the equal of
đành rằng	though, although

đáng	to deserve, merit, or be worthy of
nhục mạ	to insult or revile

III. GRAMMAR NOTES

10. The phrase 'gọi nôm na là' is the equivalent of the English expression 'what is called colloquially...' and serves to introduce the following expression.

26. The phrase 'cuộc tấn công đại quy-mô' is usually used to translate the American military term for 'a major offensive'.

31. The compound 'đề-cử: to nominate' is followed here by the element 'ra', which need not be translated into English, but which functions here as a resultative complement to 'đề-cử'. Such complements often follow verbs which involve either the transfer or issuance of information or material.

36. The phrase 'qua đường lối' refers to the process of preceeding by means of policies or procedures, and may be loosely translated as 'through the actions (of)'.

49. The element 'do' functions in this sentence in the sense of 'because' rather than in the role of a marker of a passive attribution. In constructions like this, the element 'vì' is virtually interchangeable.

56. The use of the classifier 'cái' before the verbal expression 'gọi là...' serves to form a substantive phrase which includes the remainder of the sentence, and which may be translated as 'that which is called...'.

IV. QUESTIONS

1. Theo bài bình-luận này nếu Hoa-Kỳ hay Bắc-Việt không biến chuyển lập-trường cố hữu của họ thì chuyện gì sẽ xảy ra?
2. Bây giờ trong cuộc nghị-hòa, phái đoàn Bắc-Việt cố chiếm lợi thế gì?
3. Sau khi Bắc-Việt đã tuyệt hết sự dùng áp lực quân-sự để giải quyết vấn đề Việt-Nam thì sao?
4. Sau cuộc hội nghị Mỹ-Việt ở Honolulu Bác-Việt đã hành-động như thế nào?
5. Trong khi quân đội Mỹ chờ đợi cuộc tấn công thứ ba của địch ở miền Nam, tình hình quân sự ở miền Nam vẫn như thế nào?
6. Phản ứng trên địa hạt chính-trị của Bác-Việt đã tạo ra chiến dịch gì ở Ba-Lê?
7. Ông Nguyễn Thành-Lê mở nhiều cuộc họp báo để làm gì về những lời tuyên bố của nước Mỹ?
8. Phái đoàn Bác-Việt ở Ba-Lê cho là những tuyên bố của Mỹ có tính cách gì?
9. Tại sao Tổng-Thống Johnson cảnh cáo sẽ dùng những biện pháp quân-sự mới?
10. Khi nào thì Tổng-Thống Johnson cho rằng những biện pháp đó sẽ phải dùng?
11. Phát-ngôn-viên của phái-đoàn Bác-Việt đã tố cáo rằng Hoa-Kỳ đang chuẩn bị làm gì?
12. Theo các nguồn tin quân-sự Mỹ thì quân đội việt-Cộng đã chuẩn bị như thế nào?
13. Cũng theo nguồn tin quân-sự Mỹ thì khi nào cuộc tấn công đại quy-mô sẽ diễn ra?

14. Những ai mới ra một bản kiến nghị cho liên lạc giữa miền Bác và miền Nam?

15. Bản kiến nghị ấy đã yêu cầu ông Chủ-Tịch Hạ-Nghị-Viện làm gì?

16. Nhiệm vụ của phái đoàn thiện-chí mà các ông dân-biểu đã yêu cầu là liên lạc với Quốc-Hội Bác-Việt để làm gì?

17. Bài bình-luận này thấy ý-kiến của các ông dân-biểu chứng tỏ là các ông muốn gì?

18. Những dân-biểu nói trên muốn tìm kiếm một giải-pháp hòa-bình cho Việt-Nam như thế nào?

19. Tại sao bài bình-luận này cho là bản kiến nghị ấy có hại cho quốc hội miền Nam?

20. Nếu có sự liên lạc giữa hai quốc hội Nam Bác thì dư-luận thế giới sẽ công nhận gì?

21. Theo bài bình-luận này nếu quốc-hội miền Bác được bầu lại thì sẽ do ai chỉ định?

22. Tại sao quốc hội miền Bác tồn tại đến ngày nay?

23. Đề nghị một sự liên lạc giữa hai quốc hội Việt-Nam sẽ có ảnh-hưởng gì về giá-trị của hai quốc-hội?

24. Theo như bài bình-luận này thì họ có muốn khuyến khích nhiều việc tìm kiếm, liên lạc để đi tới nền hòa-bình hay không?

25. Sự liên lạc theo tinh thần bản kiến nghị nói trên đối với dân chúng và quốc-hội miền Nam thì như thế nào?

LESSON TWENTY-THREE

I. TRÍCH LỜI CỦA MAO CHỦ TỊCH

A. ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN

Mỗi đảng viên cộng sản phải có tấm lòng trong tráng, trung thành, tích cực, coi lợi ích cách mạng là sinh mệnh thứ nhất, lấy lợi ích cá nhân phục tùng lợi ích cách mạng; bất kỳ lúc nào và ở đâu, cũng giữ vững nguyên tác đúng đán, đấu tranh không mệt mỏi với tất cả những tư tưởng và hành vi sai lầm, để củng cố sinh hoạt tập thể của Đảng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng; phải quan tâm đến Đảng và quần chúng nhiều hơn quan tâm đến cá nhân mình; quan tâm đến người khác nhiều hơn quan tâm đến bản thân mình. Có như thế, mới xứng đáng là một đảng viên cộng sản.

....

Người cộng sản cần phải luôn luôn sẵn sàng kiên trì chân lý, vì chân lý nào cũng đều phù hợp với lợi ích của nhân dân; người cộng sản cần phải luôn luôn sẵn sàng sửa chữa sai lầm, vì sai lầm nào cũng đều không phù hợp với lợi ích của nhân dân.

....

Bất cứ trong vấn đề gì, đảng viên cộng sản chúng ta nhất định phải kết hợp với quần chúng. Nếu đảng viên chúng ta cứ suốt đời ngồi ở trong phòng mà không ra ngoài, không dầm mưa dãi gió, không tiếp xúc với đời, thì những đảng viên như vậy có lợi gì cho nhân dân Trung-Quốc không? Không có lợi gì cả. Chúng ta không cần những người đảng viên như vậy. Đảng viên cộng sản chúng ta phải dầm mưa dãi gió, phải tiếp xúc với đời; mưa gió ấy là bão táp đấu tranh của quần chúng, việc đời ấy là việc đời đấu tranh lớn lao của quần chúng.

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

Để giành hòa bình thế giới lâu dài, chúng ta cần phải phát triển hơn nữa sự hợp tác hữu nghị với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, đồng thời tang cường đoàn kết với tất cả các nước yêu chuộng hòa bình. Chúng ta cần phải tranh thủ đạt quan hệ ngoại giao bình thường với tất cả các nước muốn chung sống hoà bình với chúng ta, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau và bình đẳng có lợi cho cả đôi bên. Chúng ta cũng cần phải tích cực ủng hộ phong trào giành giải phóng và đọc lập dân tộc của các nước châu Á, châu Phi, và châu Mỹ La-Tinh, cũng như phong-trào hòa bình và cuộc đấu tranh chính nghĩa của tất cả các nước trên thế giới.

....

Hiện nay, ở các nước trên thế giới người ta đều đang bàn tán có thể xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ ba hay không? Về vấn đề này, chúng ta cùng phải có sự chuẩn bị về tinh thần cũng cần phải có sự phân tích. Chúng ta kiên quyết giữ vững hoà bình, chống chiến tranh. Nếu đế quốc nhất định gây chiến chúng ta cũng không nên sợ. Thái độ của chúng ta đối với vấn đề này cũng như đối với tất cả 'những vụ rối loạn': một là phản đối, hai là không sợ. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã đẻ ra một nước Liên-xô với 200 triệu dân. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã đẻ ra một phe xã-hội chủ nghĩa với 900 triệu dân. Nếu bọn đế quốc nhất định phát động chiến tranh thế giới lần thứ ba thì có thể đoán chác ràng, kết quả nhất định sẽ có không biết bao nhiêu tram triệu người nữa chuyển sang phía chủ nghĩa xã hội, địa hạt của đế quốc còn lại sẽ chẳng là bao nữa và cũng có thể là toàn bộ chế độ đế quốc sẽ tan vỡ.

II. VOCABULARY

trích	to pick, pick out, extract, or excerpt
trích lời	selected quotations (or sayings)
tấm lòng	the heart or physical essence
trong tráng	to be pure or clean
trung thành	to be loyal
lợi ích	a benefit or advantage
sinh mệnh	human life or existance
phục tòng/tùng	to yield or submit to, to obey
vững	to be stable or firm, to remain in power
đúng đán	to be correct, exact, or proper
đấu tranh	to struggle, fight or compare
mệt mỏi	to be tiredor worn out
tư tưởng	a thought or concept
hành vi	behavior or actions
sai lầm	to be mistaken, a mistake or error
củng cố	to strengthen or consolidate
tập thể	to be collective, collective action
mối	a liaison or connection (classifier for feelings or relationships)
liên hệ	to be related, a relationship
quần chúng	the masses
bản thân	person, personal
xứng đáng	to be worthy, to merit or deserve
sẵn sàng	to be prepared, to be at the point of...
kiên trì	to hold fast or maintain
chân lý	the truth or reality
kết hợp	to unite
suốt	to go through, throughout, all....long
suốt đời	all the time, throughout life
dầm mưa	to work, walk, or stay out in the rain
dãi	to be open or exposed
dãi gió	to be exposed to the wind
bão táp	a storm, typhoon, or hurricane
lớn lao	to be large, extensive or grandiose
giành/dành	to set aside or preserve

LESSON 23

hữu-nghị	to be friendly, friendship
phe	faction, side, or sect
chủ-nghĩa	a doctrine or an ideology, ...-ism
yêu chuộng	to love or be fond of
tranh thủ	to strive for..., to endeavor to...
quan hệ	relations, a relationship, to be important
tôn trọng	to respect or honor
chủ quyền	to be sovereign, sovereignty
lãnh thổ	territory
lợi	to be profitable, an advantage or profit
ủng hộ	to support
phong trào	a movement (literary or social)
giải phóng	to liberate, liberation
chính nghĩa	a righteous cause
bàn tán	to discuss and argue, to debate
phân tích	to analyze
kiên quyết	to be determined
đế quốc	empire, imperialist 'the imperialists'
vụ	season, period, affair, (classifier for certain actions and affairs)
rối loạn	to be troubled or disorderly
đẻ	to be born, to give birth to
Liên-xô	The Soviet Union
bọn	a small group of people (derogatory)
phát động	to begin, wage, or promulgate
đoán	to guess, predict, or assume
chuyển	to move, transmit, transport, hand over
toàn bộ	the whole...
chế độ	system or regime
tan vỡ	to be broken up

III. GRAMMAR NOTES

1. For the remaining lessons of this text, the use of hyphens will follow the conventions employed in North Vietnamese publications. In general only proper names are hyphenated, as well as a small number of technical terms and words which are clearly regarded as Chinese or foreign loan words. While this represents the ideal usage, its application is not always consistant, but it is clear that this style employs far fewer hyphens than the arbitrary usage of the traditional system or the system currently used in the South.

5. While most of this paragraph is punctuated as one continuous sentence, its structure is actually a series of independent clauses which have 'đảng viên cộng sản' as an understood subject. This kind of structure, where the concept of 'sentence' is rather loose and the concatenation of multiple clauses (often grammatically independent but topically related), is quite typical of communist texts and North Vietnamese technical writing.

8. The element 'mối' functions in this sentence as a classifier for the abstract noun which follows it. This element is often used in this way with nouns for feelings, tensions, emotions, and relationships.

21. While the element 'suốt' is essentially verbal, often having the meaning 'to go through', it also functions in compounds like the one above which are either adverbial (as time expressions) or substantive. Typical examples are:

suốt ngày	all day long	thấu suốt	to penetrate
suốt nam	all year long	trong suốt	to be transparent

LESSON 23

34. The element 'của' functions in combination with the element 'nhau' to form a compound whose function is essentially verbal, but which never occurs as an independent predicate. As in this sentence, the combination usually functions as either an adjectival or adverbial modifier, with the general meaning of 'mutual, in common, mutually'.

LESSON TWENTY-FOUR

I. ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ ĐẾ QUỐC KHỦNG BỐ

A. GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP (Mao Trạch Đông)

Ai là kẻ thù của chúng ta? Ai là bạn của chúng ta? Đó là vấn đề quan trọng bậc nhất của cách mạng. Tất cả những cuộc đấu tranh cách mạng trước kia ở Trung-quốc đều thu được rất ít kết quả, nguyên nhân cơ bản là vì không đoàn kết được những người bạn thực sự để đánh đẻ thù thực sự. Đảng cách mạng là người dẫn đường cho quần chúng. Trong các cuộc cách mạng, chưa bao giờ có đảng cách mạng nào dẫn lầm đường mà cách mạng lại không thất bại. Muốn đảm bảo chác chán cho cách mạng của chúng ta không lầm đường lạc lối và nhất định thành công, thì chúng ta không thể không chú ý tới việc đoàn kết những người bạn thực sự của chúng ta để đánh kẻ thù thực sự. Muốn phân biệt được bạn thù thực sự, chúng ta phải có sự phân tích khái quát về địa vị kinh tế của các giai cấp trong xã hội Trung-quốc và thái độ của các giai cấp ấy đối với cách mạng.

....

Cuộc đấu tranh để phân thắng bại về hình thái và ý-thức giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ở nước ta còn phải qua một thời gian khá dài mới giải quyết được. Đó là vì ảnh hưởng của giai cấp tư bản và của tri thức xuất thân trong xã hội cũ cũng như hình thái ý thức giai cấp vẫn còn tồn tại lâu dài ở nước ta. Nếu không nhận thức đầy đủ hoặc hoàn toàn không nhận thức được tình hình đó thì sẽ mắc sai lầm hết sức nghiêm trọng, sẽ lơ là đấu tranh tư tưởng cần thiết.

LESSON 24

B. ĐẢNG CÔNG SẢN VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP (Hồ Chí Minh)

Giai cấp vô sản Đông-Dương tuy còn trẻ tuổi và ít ỏi, nhưng đã chỉ huy được nông-dân và những hạng nghèo nàn trong thành-thị, đảng cộng-sản cứ cương quyết tranh-đấu để cho vô sản giai-cấp lãnh vai hướng đạo đó; vì chỉ được như thế thì phe cách-mạng tức vô sản, nông-dân và các hạng nghèo nàn trong thành-thị mới chiến thắng nổi phe phản cách-mạng, tức là đế-quốc phong-kiến, địa-chủ, quan làng và tư-bản quốc-gia cải lương gian trá.

Tuy đế-quốc thẳng tay chém giết, tuy chịu tình cảnh bí mật, nhưng đảng cộng sản cũng đào tạo được toàn thể cách-mạng của mình. Ban đầu thì đảng chỉ gồm có mấy nhóm đồng-chí lẻ tẻ, mà đến sau trở thành một đảng cương quyết của vô sản giai-cấp liên lạc với quần-chúng, tổ chức quần-chúng và tự mình làm đội tiên-phong cho hàng triệu lao-động, giát họ lên con đường tranh-đấu giải phóng để thiết lập chính quyền của vô sản và nông-dân.

Hai nam cách-mạng sôi nổi, con đường tiến bộ của đảng ta đã khá dài, vai lãnh đạo của đảng ta trọng; bởi thế cho nên đế-quốc biết rằng đảng cộng sản là địch nhân lợi hại nhất của chúng, rằng phải phá hoại đảng cộng-sản thì mới phá hoại được phong trào cách mạng. Vì vậy mà đế-quốc tập-trung đại-lực của nó để ngăn trở làn sóng cách-mạng và trước hết là quyết trừ giệt đảng cộng-sản cảm dũng của chúng ta. Mật thám Đông-Dương tang lên gấp mấy; quân đội Lê-Dương đồn đóng khắp nơi, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị giam cầm tấn khảo trong ngục thất, bị đầy chung thân, bị rơi đầu trên máy chém. Dân có thị oai thì đế quốc bắn giết ném bom. Địch nhân lại còn sai lũ chó săn chen vào hàng ngũ của chúng ta để trổ tài phá hoại, bao nhiêu là xóm làng bị đốt phá, toàn Đông-Dương ngày nay chỉ là một chiến địa đầy rẫy xương máu của công-nông-binh.

II. VOCABULARY

Mao Trạch-Đông	Mao Tse Tung
kẻ thù	an enemy or adversary
bậc	step, rung, grade, level, or category
bậc nhất	the first level, highest priority
thu	to collect, gather, or attract
nguyên nhân	a cause or factor
cơ bản	to be fundamental or elementary
dẫn đường	to show the way
thất bại	to lose or fail, a failure
đảm bảo	to guarantee, a guarantee
lạc	to be lost, go astray
thành công	to succeed
khai quật	to generalize
địa vị	social status or position
hình thái	shape or form
tư bản	to be capitalistic, capital, capitalism
tư sản	private property
giai cấp tư sản	bourgeoisie or landed classes
trí thức	intellect, intellectual
xuất thân	to begin as, origins
nhận thức	to realize
mác	to be caught in, to hang on a peg
lơ là	to be indifferent
vô sản	to be propertyless or proletarian
tranh đấu = đấu tranh	to struggle
lãnh vai	to assume a role
hướng đạo	a guide
nổi	to have the strength or ability, to be able to
phong kiến	to be feudal or feudalistic
địa chủ	a landowner
quan làng	officials, officialdom
cải lương	to reform or improve
gian trá	to be false or crooked, cheating
thẳng tay	to act or punish severely
chém	to cut or chop off, to behead
tình cảnh	situation, plight or conditions
bí mật	to be secret or mysterious

LESSON 24

ban đầu	at the beginning
đồng-chí	comrade (political)
lẻ tẻ	to be scattered or sporadic
trở thành	to become
tự mình	oneself
tiền-phong	the vanguard, pioneers, or shock troops
đội tiền-phong	the advance party or vanguard
giát/dát	to lead by the hand, to tow or guide
sôi nổi	to be lively or exciting
bởi	because of, by, on account of
lợi hại	to be dangerous or vital, pro and con
tập-trung	to concentrate, gather or centralize
đại-lực	military strength or armaments
làn sóng	a wave
trừ giệt/diệt	to eradicate
cảm dũng	to be brave or courageous
mật thám	a spy, investigator, or policeman
đồn đóng	to station or assign (troops)
kháp	to be all over or throughout
kháp nơi	everywhere
giam cầm	to detain or imprison
tấn khảo	to interrogate or examine
ngục thất	a jail or prison
chung thân	all one's life, life imprisonment
rơi	to let fall or drop
máy chém	the guillotine
thị oai	to demonstrate or display force
ném	to throw, hurl, or cast
bom	a bomb, an apple
sai	to send, commission, command or order
lũ	a gang, band, horde or crowd
chó san	a hunting dog or police dog
chen	to creep into, jostle, force one's way (into)
trổ tài	to shoot forth or promulgate
đốt	to burn, light, or set fire to
chiến địa	a battlefield
xương	a bone, bones and skeletons
máu	blood
công-nông-binh	workers, peasants and soldiers

III. GRAMMAR NOTES

9. The element 'mà' functions here as a disjunction, which is somewhat more emphatic than the usual sense of but. The emphasis comes partly from the use of the element 'lại' in the following phrase, and partly from the fact that the conditions expressed in that phrase call for a more adversative interpretation of the disjunction. In most cases where 'mà' is used as an adversative conjunction, it can best be translated as 'and yet' or 'and still'.

10. Note the use of the double negative construction in this sentence. The use of this type of construction is quite common in emphatic situations and where exhortation to conforming action is desired. The translation to English may either be a strong affirmative 'we cannot avoid' or, in the spirit of the Vietnamese, a strong negative 'we cannot but...' or 'we cannot not...'.

32. The element 'nổi' functions in the same way as 'được' when it occurs as a post-verbal complement. This type of construction is much less common than the use of 'được' in the spoken language, but may occur often in written style.

44. In this sentence the element 'trọng', which has essentially the same meaning and function as the stative verbal 'nặng', serves as the main predicate of an independent clause. As with 'nặng', this element may also be extended in meaning from 'heavy' to include 'serious, severe, important', when it serves as the main predicate.

46. The element 'chúng' is often used in third person indirect reference 'they', in a derogatory sense, in place of the full form 'chúng nó'.

LESSON TWENTY-FIVE

I. DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

A. ĐẾ-QUỐC CHỦ NGHĨA BÓC LỘT CÔNG-NÔNG THUỘC-ĐỊA (Hồ Chi Minh)

Ngày nay, các chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da tráng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da tráng. Trong cuộc đại chiến thứ nhất, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da tráng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế một cách khôn ngoan nữa. Người ta thường thấy rằng những vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiền công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tang thêm nhân công thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông-Dương và Thái-Bình-Dương.

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vân mệnh của giai cấp vô sản Đông-Dương và Thái-Bình-Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc xung đột chinh trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi.

B. LÊ-NIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA (Hồ Chí Minh)

"Lê-nin đã mất!" Tin này cho mọi người như sét đánh ngang tai truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng chưa có thể biết rõ Lê-nin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân Việt-Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Đa-hô-mây, cũng đã thầm nghe nói ràng ở một góc trời xa xam có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tư quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rang nước đó là nước Nga, ràng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lê-nin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết ràng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân nước mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn 'ru-mi', của tất cả bọn'ru-mi': toàn quyền, công sứ, v. v... Và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lãnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lãnh như thế được. Nhưng về sau họ được biết tin, tuy lờ mờ, về Đảng cộng-sản, về tổ chức gọi là Quốc-Tế Cộng-sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết ràng chính Lê-nin là một người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy van hóa kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lê-nin. Họ coi Lê-nin là người giải phóng cho họ. Lê-nin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những người dũng cảm và rộng lượng như Lê-nin để không quản thời gian và sức lực cham lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa ban khoan tự hỏi.

Còn chúng tôi, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng ràng Quốc-tế cộng-sản và các chi bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã can dạn chúng ta, đó chảng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã-hội.

Lê-nin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

II. VOCABULARY

bóc lột	to rob or exploit
thuộc địa	a colony, colonial
trình độ	level, standard, degree, or extent
hoàn bị	to be complete or perfect, to complete
da	skin, hide, or leather
da trắng	to be white-skinned
chinh phục	to subdue or conquer
đại chiến	a great war or a world war
lính	soldiers
bản xứ	local or native
Ruya	the Ruhr Valley of Germany
phái	to send, dispatch, or appoint
pháo thủ	artillerymen
dẹp	to put away, arrange, or put in order
đi dẹp	to put aside, clear away
bãi công	to go on strike
sử dụng	to employ or use

LESSON 25

khôn ngoan	to be clever, wise, or prudent
tiền công	salary or wages
nhân công	manpower, human labor
công cụ	a tool or instrument
nguy	to be dangerous, or hazardous
vận mệnh	destiny or fate
điên cuồng	to be mad or insane
xung đột	to clash or conflict
sét	a thunderbolt
ngang tai	to be disagreeable (to the ears)
sét đánh ngang tai	to strike like a thunderbolt
bình nguyên	plains or lowlands
phì nhiêu	to be fertile or rich (of land)
cánh	(classifier of fields)
xanh tươi	to be verdant or luxuriant
da đen	to be black-skinned
da vàng	to be yellow-skinned
thực dân	to colonize, colonialist, colonialism
bưng bít	to hide, cover up, conceal
ngu dốt	to be stupid
chỗ dựa	a support, foundation, keystone, or basis
chủ yếu	to be essential or important, principal
thầm	to speak in a whisper
đánh đuổi	to rout or chase away
quản lý	to manage, a manager
toàn quyền	full powers, or supreme leaders/ governor
dũng cảm	to be brave or courageous
ngưỡng mộ	to admire
sâu sắc	to be profound
nhiệt tình	warm affection
vĩ đại	to be great or imposing
thoát khỏi	to escape from
ách	a yoke, calamity, or disaster
áp bức	to oppress
ru-mi	Arabic word for foreigners
vạch	to draw a line, to reveal or uncover
cương lãnh	platform, policy, program (for a party)
tưởng	to think or imagine
lờ mờ	to be vague or unclear
chính	exactly, just, or precisely
kém cỏi	to be weak
biết ơn	to be grateful, or thankful
tôn kính	to respect, honor, or venerate

liệu	to suppose, guess, or reflect upon
rộng lượng	to be generous or tolerant
quản	to mind or be bothered by (something)
không quản	not to mind a difficulty
cham lo	to look after or care for
sự-nghiệp	task, undertaking, or career
ban khoan	to be worried, or unable to decide
tự hỏi	to ask oneself or wonder about
vô cùng	to be endless
đau đớn	to be painful or sorrowful
tổn thất	to lose; a loss, casualty or damage
đề bù	to pay back or make up
chia sẻ	to share or divide up
song	but, however
chi bộ	a party cell
giáo huấn	to educate, indoctrinate, or reeducate
vi	(classifier for persons of high status)
lãnh tụ	a leader
can dạn	to remind or advise about
tỏ	to express, reveal, or declare
tình	feelings, sentiments
yêu mến	to love or be fond of
sao	a star (classifier is 'ngôi')
bất diệt	to be immortal or everlasting
mãi	forever, eternally

LESSON 25

HẾT GIỜ RỒI

GLOSSARY

A

ách a yoke, calamity, or disaster XXV
an-khang to be in good health XIII
an-tâm to be contented or reassured, to have peace of mind XVII
an-ủi to comfort XX
ảnh photograph I
ảnh-hưởng to influence XVIII
ao a pond X
áp-bức to oppress XXV
áp-dụng to apply or use (a method) XVI
áp-lực a pressure or force XXII

Ă

an khớp to be well fitted or adapted
an mạn to eat a meat diet, a normal balanced meal XVII

Â

âm-lịch lunar calendar, Chinese calendar VIII
ẩm to be humid or damp III
Ấn-Độ India XII
ấp a hamlet XIV

B

bà con relatives or relations IX
bạc silver or money IX
bài text, lesson, or script (classifier for texts) XII
bãi biển beach, sea-shore VII
bãi công to go on strike XXV
ban committee, board, commission, department XIII
ban đầu at the beginning XXIV
ban đêm night time IX
bán to be half-, hemi-, semi- XVII
bàn to discuss or deliberate XVIII
bàn tán to discuss and argue, to comment excitedly XXIII
bàn thờ an altar or shrine IX
bản document, copy, edition (classifier for statements, treaties, plays, etc) XXII
bản thân person, personal XXIII
bản xứ local or native XXV

GLOSSARY

bạn bè	friends	IX
bang giao	international relations	XV
bánh	a wheel	XX
bao la	to be huge, immense	VII
bao vây	to surround or encircle	XIV
báo	a panther	VII
báo chí	newspapers and magazines, the press	XX
báo tin	to report, inform, announce	VI
bảo-tàng-viện	museum	I
bảo trợ	to protect or safeguard	XVIII
bảo vệ	to guard, defend, or preserve	XIV
bão táp	a storm, typhoon, or hurricane	XXIII
ban khoan	to be worried, unable to decide	XXV
bán	to shoot or fire	XIV
bát buộc	to force, compel, coerce	IV
bát tay	to shake hands	XII
bậc	step, rung, grade, category	XXIV
bậc nhất	the first level, highest priority	XXIV
bất công	to be unjust, unjustly	XXI
bất diệt	to be immortal or everlasting	XXV
bất kỳ	any, whoever, whatever, whenever, to be unexpected, unintended	XV
bất ngờ	to be unexpected	XXII
bất ổn	to be unsettled or unstable	XX
bất thường	to be unusual or extraordinary	XIX
bầu	to elect or vote	XXII
bầu lại	to run for election	XXII
bầy	to display or set out	IX
bế tác	to be obstructed or deadlocked	XXII
bệnh nhân	patient/convalescent	XVII
bệnh-viện	a medical clinic	XIV
bí mật	to be secret or mysterious	XXIV
biên	to jot down, make a note	II
biến chuyển	to change or develop, a change or development	XXII
biến cố	an event or occurance	XIII
biển	the sea or ocean	VII
biện pháp	a method, measure, means, or procedure	XXII

biết đâu	perhaps, who knows!	V
biết ơn	to be grateful or thoughtful	XXV
bình-an	to be well, safe, peaceful	VI
bình dân	the common people, to be popular or democratic	XVII
bình diện	level, stage or point (in a discussion or a process)	XXI
bình đảng	to be equal or on the same level, equality	XX
bình luận	to comment, a commentary or editorial	XII
bình nguyên	plains or lowlands	XXV
bình thường	to be normal, ordinary, or routine	XXII
bình-trị	peaceful rule	XIV
bó	to tie in a bundle, a bundle or bunch	X
bò rừng	a wild ox	VII
bỏ phiếu	to cast a vote, a vote	XXII
bỏ thư	to mail a letter	VI
bóc lột	to rob or exploit	XXV
bom	a bomb, an apple	XXIV
bón	to fertilize	X
bọn	a small group of people (derogatory)	XXIII
bổ nhiệm	to appoint or assign	XIII
bổ túc	to complement or supplement	XX
bộ-trưởng	minister or secretary (of a governmental bureau)	XII
bờ biển	sea-coast, sea-shore	III
bởi	because of, by, on account of	XXIV
bù nhìn	a scarecrow or puppet	XXII
buộc	to tie or fasten	X
buổi lễ	a ceremony	XIX
bừa	to harrow	X
bừa ruộng	to harrow a field	X
bức	(classifier for paintings, walls, letters, hangings etc.)	
bưng bít	to hide, cover up, conceal	XXV

C

ca nhạc	music and singing	XVI
cách	manner, way, fashion	V

GLOSSARY

cách-mạng	to revolutionize, a revolution, revolutionary	XX
cải-chỉnh	to deny, rectify	XV
cải lương	to improve or reform, reformed Vietnamese opera	I
cải thiện	to improve or ameliorate (in making changes)	XX
cải tiến	to improve or advance (in making progress)	XIX
cải tổ	to reorganize or reshuffle	XX
cảm dũng	to be brave or courageous	XXIV
cảm thấy	to feel or be affected by	VI
cảm tưởng	an impression, imprint or notion	XXII
can	to intervene, break up a fight	I
can dự	to be involved in, to interfere with	XV
cán bộ	cadre	XVIII
càng	to do increasingly, all the more	I
càng...càng...	the more... the more	I
canh-nông	agriculture	XII
canh-tân	to modernize	XVII
cánh	(classifier for fields)	XXV
cảnh	landscape, view, scenery, conditions or situation	I
cảnh cáo	to warn	XXII
cạnh tranh	to compete, competition	V
cao nguyên	uplands or highlands	III
cát	sand	VII
can	flat, apartment, compartment	XVI
can bản	the basis or foundation, to be basic or fundamental	XX
can cứ	to base upon, foundation, base	XV
can dặn	to remind or advise about	XXV
cắt may	to tailor clothes, a tailor shop	XVII
cầm	to take hold of or retain	XII
cầm đầu	to lead	XII
cầm quyền	to hold controlling power	XIII
cân	to weigh or weight	IV
cần thiết	necessary	XIII
cấp	level, rank, degree, grade or stratum, (classifier for ranking persons)	XX
cấp-thiết	to be urgent or pressing	XXI

cấp thủy	water supply	XVI
cấp tốc	to be swift or urgent, to proceed quickly	XVII
câu	a phrase, expression, sentence, saying, or propotion	XXI
câu-lạc-bộ	a social club or social organization	XV
càu	a bridge	I
càu chúc	to wish or congratulate	XIII
cây	a plant or tree (classifier for stick-like objects)	IX
cấy lúa	to transplant rice	X
cày	to plow	X
cày ruộng	to plow a field	X
có chân	to be a member of	XII
có chân trong	to belong to...	XII
cỏ	weeds, herbs, grasses	X
cỏ dại	weeds, wild grasses	X
coi	to look at, to regard or consider as	III
cô-nhi	an orphan	XVIII
cô-nhi-viện	an orphanage	XVIII
cố-định	to be fixed, firm stationary or permanent	XX
cố gáng	to strive or make an effort	XVI
cố hữu	to be natural or inate, an old friend	XXII
cố vấn	an advisor or counselor	XIV
cổ	to be old or ancient	XVI
cổ động	to campaign or propagandize	XX
cổ-kính	to be ancient	VII
công	to be public or common	XI
công	efforts or work	XVIII
công bằng	to be just or equitable, fairly, justly	XXI
công cụ	a tool or instrument	XXV
công chính/chánh	public works	XVI
công chức	civil servant, government employee	XVIII
công dân	a citizen	XVIII
Công-Giáo	Catholic (the doctrine of communalism)	VIII
công-nông-binh	workers, peasants, and soldiers	XXIV
công nhận	to recognize or grant	XXII
công tác	work, task, job, assignment	XVI
công tư	public and private	XVII

công-ty	a company, firm, or corporation	V
công việc	a task, job, or work	XIII
cộng-hòa	a republic, republican	XIII
cộng-sản	communism, communist	XV
cơ bản	to be fundamental or elementary	24
cơ-hội	an opportunity	VII
cơ-khí	machinery, mechanical	XVII
cơ-quan	agency, foundation, organization	XIV
cơ-sở	an installation, facility, or establishment, a basis or foundation	XVIII
cơ-sở xã-hội	social institutions, social services	XVIII
cơn	an outburst, a fit, a gust (of wind), a squall (of wind orrain)	III
cụ thể	to be tangible or concrete	XVI
cung cấp	to supply or provide	XI
cúng	to offer sacrifice to	IX
củng cố	to strengthen/consolidate	XXIII
cuộc	(classifier for games, parties, meetings, activities, etc.) a situation, office, or position	XIII
cuối	the end of...	VIII
cư	to dwell, reside, or live	XIV
cử	to appoint or send	XIII
cử-hành	to celebrate or perform	XIII
cửa hàng	a shop	I
cực-kỳ	extremely, exceedingly, very	XXI
cương lãnh	platform, policy, program (for a party)	XXV
cương quyết	to be determined, with resolution	XX
cứu-trợ	to help, aid, or assist	XVIII
cứu-vãn	to save or rescue (a situation)	XXI
cựu	old, the former...	XV
Cựu-Kim-Sơn	San Francisco	VI
cựu-quân-nhân	veterans (former servicemen)	XVII

CH

chàm	the Champa nation	VII VII
chạm đich	to hit a target	XIV

chạm súng	to engage or skirmish with, an engagement	XIV
chay	to fast, diet or restrict intake	XVII
cham lo	to look after or care for	XXV
chảng hạn	for instance, for example	VI
chấm dứt	to bring to and end, terminate or break off	XXI
chân lý	truth or reality	XXIII
chấp chính/chánh	to assume governmental position or authority	XXI
chấp nhận	to accept, admit or approve	XIII
chấp thuận	to approve	XIX
che đậy	to cover	XXI
chém	to cut or chop off, to behead, excute	XXIV
chen	to creep in, jostle, or force ones way (into)	XXIV
chế độ	system or regime	XXIII
chết	to die, to be dead	XIV
chi bộ	a party cell	XXV
chi-tiết	details	XIII
chỉ định	to designate, appoint or assign	XXII
chỉ huy	to command or control, the commander	XX
chia	to divide, separate, distribute	III
chia rẽ	to divide or separate, division or separation	XV
chia sẻ	to share or divide up	XXV
chiếm	to occupy, displace, take up	XVI
chiến cuộc	the war situation	XXI
chiến dịch	theater of war, campaign, or operation	XXII
chiến địa	a battlefield	XXIV
chiến-sự	war, warfare	XIV
chiến thắng	to be victorious, in battle	XV
chiến thuật	tactics, tactical (tactical zone)	XIV
chiến-tranh	war, warfare, hostilities	XIX
chiếu bóng	to show movies	I
chín	to become ripe	X
chinh phục	to subdue or conquer	XXV
chính	exactly, just, precisely	XXV
chính	to be principal, main or chief	VIII
chính đảng	a political party	XXI
chính nghĩa	a righteous cause	XXIII

165

chính quyền   political power, political authorities/powers   XIV

chính sách   offical policy, government policy   XVII

chính thức   to be official or formal   XIII

chính-trị   politics, political   XI

cho rằng   to think that, to believe that   V

chó san   a hunting dog or police dog   XXIV

chóng   to be fast, rapid, quick   VII

chót   to be last in a series, lowest ranking

chót vót   to be very tall, lofty   VII

chỗ dựa   a support, foundation, keystone, or basis   XXV

chốn   a place, or location   VI

chống   to oppose or resist   XII

chống cộng   anti-communist   XV

chở   to transport   XIX

chu đáo   to be thorough or well executed   XVIII

chú-trọng   to pay attention to   XI

chú-ý   to pay attention   XVI

chủ động   to be active, principal or main   XXI

chủ nghĩa   a doctrine or ideology, ...-ism   XXIII

chủ quyền   to be sovereign, sovereignty   XXIII

chủ tịch   chaiman of a committee or president of an assembly   XIII

chủ toạ   to preside over (a meeting or ceremony)   XVIII

chủ yếu   to be essential or important   XXV

chuẩn-bị   to prepare or get ready   XVIII

chuẩn-tướng   a one-star general, sub-brigadier   XV

chúc   to wish, congratulate or celebrate   IX

chung   to be common to or mutual   III

chung thân   all one's life, a life   XXIV

chuột   a rat or mouse   IX

chụp   to spring upon and size suddenly   I

chút   a little bit   IX

chuông   a bell   IX

chuyên   to concentrate/specialize in/on   XI

chuyên khoa   specialized courses   XI

chuyên viên an expert or specialist XVI

chuyến a trip, flight, voyage or journey IV

chuyển to move, change over, transmit, transport, or hand over XXIII

chuyển giao to hand over or entrust (an office or authority) XIX

chuyển tiếp to make a transition, a transition, trasitional XXI

chứa to contain, take in, accommodate, harbor or keep XXII

chữa to cure or care for, to repair, fix or mend XXV XXVIII

chức vụ a function or duty XIII

chửi to insult, call names I

chứng tỏ to demonstrate or prove XXII

chương-trình a plan or program XIV

D

da skin, hide, or leather XXV

da đen to be black-skinned XXV

da trắng to be white-skinned XXV

da vàng to be yellow-skinned XXV

dạ-lữ-viện an inn, guest house (very cheap), overnight quarters XVII

dài hạn long range (of programs or policies) XX

dãi to be open or exposed XXIII

dãi gió to be open to the wind, exposed to the wind XXIII

dán to paste VI

danh sách a list of names, a roster or role XVIII

danh-từ noun, substantive term, terminology XV

dành to set aside, reserve, or save XV

dạo to wander or take a stroll I

dặn to instruct or advise II

dầm mưa to work, walk, or stay out in the rain XXIII

dân biểu a parliamentary deputy or representative XXII

dân-cư population, inhabitants XVI

dân chủ to be democratic, democracy XII

dân chúng	the people or native population	VI
dân-quốc	a republic	XIII
dân-sự	civilian, civil	XX
dân tộc	the people (as a nation), national policy	XX
dần dần	little by little	XII
dẫn	to lead, guide, conduct to quote or cite	XVI
dẫn đường	to show the way	XXIV
dầu sao (dù sao)	at any rate, anyway	XVIII
dậy nghề	to teach a trade or profession	XVII
dè dặt	to be cautious or reserved	IX
dẹp	to put away, arrange, or put in order	XXV
đi dẹp	to set aside, clear away	XXV
diễn	to perform, relate or explicate	I
diện-tích	area, extent, coverage	XVI
do	to be done (caused by... to be due to..., because of...)	VII
dọc	length or height ≠ width (ngang) lengthwise or along	VI
dồi dào	to be plentiful or abundant	XX
du-học	to study abroad	XI
dù (dầu)	even though, although	XXI
dục-anh	to bring up children	XVIII
dũng cảm	to be brave or courageous	XXV
dụng cụ	tools, equipment	II
duy-trì	to maintain or preserve	XV
duyên	to be situated along..., the shore or bank	XIX
duyên hạ	to be located along the lower part of a river	XIX
duyên-hải	the sea-coast	XVI
dư-luận	public opinion	XXII
dũ-dội	to be violent (of fighting), to be tremendous (of noise)	XXII
dự	to participate in or attend	XII
dự-lễ	to participate in a ceremony	XV
dự liệu	to predict, forecast, or foresee	XXII
dự-trù	to provide for, put into effect	XIV
dự-trữ	to stock up, save up, or accumulate	XVI
dựa	to lean or rely on (vào)	XXI

dựng	to erect, raise, or put up	IX
dương-gian	the physical world	IX
dương lịch	the solar calendar, Western calendar	VIII
dứt khoát	to be unambiguous or clear-cut	XXI

Đ

đa số	a majority	VIII
đả kích	to attack or criticize	XXII
đai-lực	strength or armaments	XXIV
đài	a tower, monument, observatory, or radio station	XXI
đại	to be big or large	XIV
đại biểu	to represent, a delegate or representative	XIII
đại-cương	to be general, an outline	XXI
đại-chiến	a great war or world war	XXV
đại-diện	to represent, a representative or delegate	XII
đại-hội	a congress, convention or general assembly	XIII
đại-tướng	lieutenant general (VN four star)	XV
đám	a crowd or group	X
đảm bảo	to guarantee, a guarantee	XXIV
đảm nhận	to assume (a duty), or accept (a responsibility)	XXI
đạn dược	ammunition	XIV
đáng	to deserve, merit, or be worthy of	XXII
đảng	clique, band, political party	XII
đảng phái	clique, faction, or party	XV
đánh	to hit or strike, to to fight	I
đánh đuổi	to rout or chase away	XXV
đánh lừa	to deceive or dupe	XXII
đánh võ	to box, wrestle, or struggle	XXII
đành rằng	though, although	XXII
đào	to dig	XVI
đào tạo	to train or form	XVII
đảo chính	a coup d'etat	XV
đạo	a doctrine, religion, or ethical system	
đạo-luật	a legislative bill	XIX

GLOSSARY

đáp	to board (a ship, train, plane)	IV
đau đớn	to be painful or sorrowful	
đau ruột thừa	appendicitis	II
đạc-biệt	typical or special	I
đạc tính	special characteristic	III
đáng	to be bitter	II
đạt	to put, place, or set	VI
đập	to thresh grain	X
đất	earth, soil, land	X
đất nước	country, nation, or native country	XX
đấu tranh	to struggle, compete or fight	XXIII
đầu tiên	the first or initial instance	VI
đầy	to be full, filled, all over the place	IX
đầy dẫy	to be full to the brim or full of	XXI
đẻ	to be born, to give birth to	XXIII
đèn	lamp, candle, lantern	IX
đèo	a mountain pass	VII
đế quốc	empire, imperialist 'the imperialists'	
đề cập	to mention, put forth, or touch upon	XX
đề nghị	to suggest, propose or move, a suggestion or motion	XXII
đệ-	ordinalizing prefix (VN numbers)	XI
đêm	night time	III
đền	a temple	XVI
đền bù	to pay back or make up for	XXV
địa chỉ	address	II
địa chủ	a landowner or landlord	XXIV
địa điểm	a point or location, a site	XIV
địa hạt	a field, domain, realm, or sphere	XXII
địa-phương	local, locality, local region	XIII
địa-vị	social status or position	XXIV
địch	the enemy	XIV
điểm	a dot, point, detail, or feature	XX
điên cuồng	to be mad or insane	XXV
điện ảnh	movies, cinematography	XVI
điện thoại	telephone	II
điện vạn	a telegram	XIII
điều hành	to manage, function, or administer	XVII

điều khoản	terms, conditions, provisions, stipulations	XIX
điều trị	to give or receive medical treatment	XIV
đính-chính	to deny, to rectify or correct (the public record)	XV
đình	communal hall in traditional Vietnamese village	
định cư	to settle refugees	
đoán	to guess, predict, or assume	XXIII
đoàn	troupe, flock or detachment section of an organization	I
đoàn-kết	to unite, unity, union	XV
đô-thành	a city or prefecture	XVII
đô-thị	a city	XX
đồ sộ	to be impressive, imposing or vast	XXI
độ	degrees (of angle or temperature)	
độc-lập	to be independent, independence	XV
đối đãi	to behave toward	IX
đối lập	to stand in opposition, an opposing force	XXI
đối phó	to face, deal or cope (with)	XXI
đối-xử	to behave toward, to treat	XXI
đối với	with respect to, concerning	VI
đồn đại	to spread a rumor	XV
đồn đóng	to be stationed or assigned (troops)	XXIV
đông đủ	to be complete, full	IX
đông đúc	to be dense (of population)	XVII
đồng	to be equal, common, similar, the same	XIV
đồng-bào	compatriots, countrymen	XIV
đồng chí	(political) comrade or compatriot	XXIV
đồng thời	at the same time	XIX
đốt	an inch	X
đốt	to burn, light, or set fire to	XXIV
đột nhập	to break into	XIV
đời-sống	existence, life, livelihood	VI
đơn giản	to be simple or uncomplicated	XIX
đợt	a wave, stage, or segment	XVIII
đúng đán	to be correct, exact	XXIII

đụng độ	to collide with or clash, an engagement or collision	XXII
đụng	to contain or hold	XXII
đương	to be in the process of	XIII
đường lối	a policy or procedure	XXII
đường tiếp-tế	supply or communication routes	XV
đường xá	roads	IV

E

ép buộc	to force or compel	XIX

G

gánh	to carry on poles	X
gạt bỏ	to cross out or eliminate	XX
gàu	a scoop or pail for water	X
gay go	to be tense or fierce (of a situation)	XXII
gặp gỡ	an unexpected meeting, to encounter	XXI
gặt	to reap or harvest	X
gấp	to be urgent, pressing	XVII
gây	to bring about or cause	XIV
gây hấn	to incite wars. provoke hostilities	XXII
ghé	to stop by	VI
ghi	to record or register	XIX
ghi danh	to register one's name	XIII
gói	package	IV
gop phần	to do one's share	XIII
gồm	to total up, to include comprise, consist of	XV
guồng máy	machinery or apparatus	XX
gửi	to send, forward, remit (people also), to entrust, leave in someone's care	I

GI

Gia-Tô	Catholic	VIII
gia-quyến	family, relatives, dependents	XIII
giai-đoạn	a period, phase, or stage	XVIII
giải-pháp	a solution to a problem	XXI
giải-phóng	to liberate, liberation	XXIII
giải-quyết	to solve (a problem)	XV

giải-thich to explain or interpret XX

giam cầm to detain or imprison XXIV

giảm sut to decline XX

gian hàng stall, stand, exhibit booth XVI

gian tra to be false or crooked. cheating XXIV

giản-dị to be simple or easy XII

giang cảng a river port XIX

Giáng-Sinh Christmas VIII

giành/dành to reserve or preserve XXIII

giao to entrust to or deliver to XX

giao pho to entrust or assign XXI

giao tế public relations XX

giao thông rail or road communication and transportation XVI

giao thừa New Year's Eve (the hour between years) IX

giao-thương trade, commerce, or communication XIX

giao-tranh to fight, go into battle or engagement XVIII

giao-chuc a teacher XX

giao-dục education XI

giao-huấn to educate, indoctrinate, or reeducate XXV

giát/dat to lead by the hand, to tow or guide XXIV

giấc mộng a dream XXI

gieo to sow (seeds) X

giếng a well XVI

giết to kill XIV

gió mùa the monsoons III

gió-nồm the South Wind III

giọt a drop (of water or blood) III

giới circles, realm, borders XIII

giới hạn to limit or restrict, a limit or limitation XXI

giúp ich to be of service to, of use XX

giữ chức to assume an office, position, or title XIII

giựt mìn to explode a mine by hand, detonation XIV

H

hạ to lower, bring down, to land V

hạ-lưu the downstream area XIX

hạ-nghị-viện the lower house the House of Representatives XXII

hạ tầng lower echelon or stratum XIX

Hạ-Uy-Di Hawaii VI

hài lòng	to be happy, satisfied, content	II
hại	to harm, to murder	XXI
hàn	to heal (a wound), to weld or solder, to fill a tooth	II
hạn	to limit or restrict, a limit or deadline	XIII
hàng	a line or series of... each and every...	XI
hàng-không	to fly, aviation, airline	V
hàng-ngũ	ranks, lines	XV
hãng	a company or firm	V
hạng	category, class or rank	XIX
hành-động	to act, actions or deeds	XXI
hành-khách	a passenger	V
hành-nghề	to practice a profession	XX
hành-quân	an operation or military action	XIV
hành-vi	behavior or action	XXIII
hạnh-phúc	happiness	XIII
hão-huyền	to be empty or idle (of talk)	XXI
hát	to sing or give a theatrical performance	I
hay	to know, be aware of	XII
hay tin	to know, to be informed (from news sources)	XIV
hãy	to be sure to, ought to	XIII
hẳn	(after a verb) completely or thoroughly	II
hầm mỏ	mines and quarries	XVI
hầu	in order to	XVIII
hẹn	to promise or agree, an appointment or ultimatum	II
hệ-thống	system	XI
hết sức	to be exhausted or to exhaust one's efforts	XVIII
hiến-pháp	a constitution or legal charter	XXI
hiển-nhiên	to be evident, obvious, flagrant, or manifest	XXII
hiện	to appear, become visible, to seem that	II
hiện diện	to be present	XV
hiện-hữu	to be presently existing, present, on hand	XXI
hiện nay	at the present time	II
hiệu-nghiệm	to be effective or efficient	II
hiệu-quả	an effect or result	XX
hình	form, shape, image	IX
hình-thái	shape or form	XXIV

hình thức	a form, formality	XXII
Hoa-Kỳ	America, American	XV
hoa quả	flowers and fruits	IX
hòa-bình	Peace	XV
hoạch-định	to draw up, draft, or delineate	XVIII
hoan nghênh	to welcome	XVI
hoàn bị	to be complete or perfect, to complete or perfect	XXV
hoàn cảnh	environment, milieu, or context	XX
hoàn toàn	completely, perfectly	XVI
hoang-vu	wild, overgrown, uncultivated	VII
hoạt-động	to be active, activity or operations	XIV
hoạc	either...or...	XIII
học bổng	a scholarship	XI
học hành	to study and practice	XVIII
học trò	a pupil or student	XI
học viên	a student (particularly adults)	XVII
hong	to enjoy, to receive	I
hòng	to expect or hope	XV
họp báo	a news conference	XX
hồ	a lake	XVI
hổ	a tiger	VII
hỗ-trợ	to help one another, mutual aid,	XXI
hội chợ	a fair or exposition (trade)	XVI
hội-đồng	a board, council, assembly or meeting	XV
hội họp	to convene or meet together	XV
hội-nghị	to confer or meet, a conference or meeting	XII
hội thảo	drafting session, consultative conference	XVI
hội-viên	member (of an assembly, conference or society)	XV
hỗn loạn	disorder, confusion, chaos	XXI
hợp hiến	to be constitutional/legal	XXI
hợp tác	to cooperate	XV
huấn-nghệ	technical/vocational training	XVII
hùng vĩ	to be great or imposing	VII
hư-hại	to be spoiled or damaged	XVIII
hương	incense sticks	IX

GLOSSARY

Hương-Cảng	Hong-Kong	XV
hướng	to be directed toward, direction or way	XIV
hướng dẫn	to guide or lead	XIX
hướng đạo	a guide	XXIV
hướng-nghiệp	to be directed toward a profession, professional orientation	XVII
hưởng-ứng	to respond to or answer to	XVIII
hữu-ích	to be useful	XV
hữu-nghị	to be friendly, friendship	XXIII
hữu quyền	to be in power, the authorities	XIII
hy-sinh	to sacrifice (oneself) a sacrifice	XXI
hy-vọng	to hope	IX

K

kẻ	(classifier for individuals), the one who...	XV
kẻ thù	an enemy or adversary	XXIV
kém cỏi	to be weak	XXV
kéo nhau	to go together to a place	IX
kế	a means of..., a scheme for...	XVII
kết hợp	to unite	XXIII
kết luận	to conclude, the conclusion	XX
kết-quả	outcome or results	XIV
kết-thúc	to end	XV
ki-lô	a kilogram	IV
kiêm	to cumulate (functions), concurrently holding (the office) of...	XV
kiếm	to look for or seek	XIII,
kiên quyết	to be determined, with determination	XXIII
kiên-trì	to hold fast or maintain	XXIII
kiến nghị	motion, resolution or petition	XXII
kiến-trúc	architecture	XVI
kiết	dysentery	II
kiều lộ	bridges and roads	XIX
kinh	a large canal (larger than 'rạch')	XVI
kinh-nghiệm	to experience, to be experienced, experience	XX
kinh-tế	economics	XI
kịp	to be or act in time	VI
ký	to sign	XIX
ký giả	a newsman or correspondent	XXI
ký-kết	to conclude or sign	XIX

ký ninh	quinine	II
kỳ	a fixed period, issue, number, session	II
kỷ-niệm	to commemorate, remembrance, a souvenir	VII
kỹ-nghệ	industry, industrial	XVI
kỹ-thuật	technique, technical, technology	XVI

KH

khả nang	to be able or capable, ability, capability	XVIII
khả quan	to be good, favorable, or satisfactory	XVIII
khác biệt	differences or distinctions	XV
khách hàng	a customer	IX
khai giảng	to open or begin (a school or course)	XIII
khai mạc	to open or begin (a conference or meeting)	XIII
khai phóng	to emancipate or set free	XX
khai tạm	to open temporarily	XVII
khai trương	to open up (a business or meeting)	XVII
khái quát	to generalize	XXIV
khan	to be scarce or rare	XIX
khánh tiết	festival or entertainment	XX
khảo sát	to examine or investigate	XVII
kháp	to be all over or throughout	XXIV
khéo léo	to be skillful or clever	XXI
khiến	to cause or bring about	
khoa-học	Science (as a subject)	XI
khoá	session, term, class, ceremony, to lock, a lock	XVI
khoáng chất	minerals	XVI
khom lưng	to bend over or stoop	X
khô	to be dry	III
khối	mass, block, volume, bulk	XVI
khôn ngoan	to be clever, wise, or prudent	XXV
không những	not only... (followed later by 'mà còn: but also')	XVII
khởi nhóm	to begin, to hold sessions	XVIII
khu	region, zone, area	III
khuếch-trương	to enlarge, develop, or expand	XVIII

khủng bố	to terrorize, the terror	XIV
khuôn khổ	framework, shape and size	XIV
khuyên cáo	to advise or inform	XVIII
khuyễn khích	to encourage or stimulate	XX
khuyết điểm	a shortcoming or defect	XX
khuynh hướng	a tendency, to accord with	XIX

L

lạ	to be strange or unusual	VII
lạc	to be lost, go astray	XXIV
lạch	a canal or waterway	X
lại	conversely, on the contrary, to act contrary to expectations	V
lan rộng	to spread out or expand	XVII
làn song	a wave	XXIV
làng	a village or commune	VII
lanh/tranh	to flee, escape, avoid	XIV
lãnh đạo	to lead, leadership	XIII
lãnh-sự	consul (diplomatic rank)	XVI
lãnh tụ	a leader	XXV
lãnh thổ	territory	XXIII
lãnh vai	to assume a role, to receive a part or status	
lao công	labor or work	XX
lao-động	to toil or labor, a laborer or worker	XII
lạy	to greet, pray or bow low	IX
lang	royal tomb	I
lang tẩm	imperial tomb	I
lang Ông	Le-Van-Duyet's tomb	I
lâm nguy	to be in danger	XXII
lâm thời	to be provisional or temporary	XIII
lầm lẫn	to be mistaken	XXII
lẫn	to be mixed together, confused, mixed up	XI
lấp	to fill in (a hole)	XIV
lập-trường	position, viewpoint, standpoint, editorial point of view	XXI
lâu đời	to be old or durable	XXII
lẻ tẻ	to be scattered or sporadic	XXIV
leo thang	to escalate, escalation	XXII
lề lối	a manner method or procedure	XX
lễ	a feast or festival	VIII

liềm a scythe or sickle X

Liên-Á Pan Asian XII

liên hệ to be related, a relationship XXIII

Liên-Hiệp-Quốc the U.N. XIII

liên lạc to have contact, connection or liaison a contact XVIII

liên tiếp to be continuing in succession, continuously XIV

liên tôn interdenominational, inter-faith XV

Liên-Xô the Soviet Union XXIII

liền to act immediately XIV

liệng to throw or cast XIV

liệu to suppose, guess, or reflect upon XXV

linh soldiers XXV

loan-truyền to make known, communicate, spread about XV

lọc to filter, purify, screen or strain XVI

long-trọng to be festive and solemn, to be formal VIII

lỗ hổng opening, hole, or cavity XIV

lộ thiên to be in the open air XVI

lộc prosperity IX

lối path, way, manner, style XVI

lối approximately, about XIX

lơ là to be indifferent XXIV

lờ mờ to be vague or unclear XXV

lời lẽ words or reasoning XXI

lợi to be profitable or advantageous, an advantage or profit XXIII

lợi hại to be dangerous or vital, advantages and disadvantages XXIV

lợi ích a benefit or advantage XXIII

lợi thế an advantageous position, gainful influence XXII

lợi tức income or revenue XVII

lớn lao to be large, considerable or grandiose XXIII

lũ a gang, band, horde, or crowd XXIV

lúa the rice plant X

Lục-Tỉnh the six original provinces of South Vietnam V

lục-quân	the Army	XIV
lụt	to flood or inundate. a flood	XVIII
lũ-khách	a traveler	XIV
lực-lượng	strength, force, military forces	XIV
lượm	to pick up or collect. a handful or bunch	X
lương thực	food supplies or subsistance rations	XIV
lượng	capacity or quantity	XVI
lưu-tâm	to pay attention to	XII
lưu-thông	to communicate, movement of commerce, traffic	XIV
lưu-vong	to travel about, to go in exile	XV
lưu-vực	valley or basin	XIX
lưu-ý	to pay attention to, to call attention to	XVIII
lựu-đạn	a grenade	XIV
ly-do	reasons	XV

M

ma quỷ	ghosts and devils	IX
mạ	rice seedlings	X
mãi	forever, eternally	XXV
mảnh	fragments, torn or broken pieces (for strips or cloth)	
Mao-Trạch-Đông	Mao Tse-Tung	XXIV
mau lẹ	to be quick or rapid	XV
máu	blood	XXIV
may	to sew, make clothes	XVII
máy ảnh	camera	I
máy chém	the guillotine	XXIV
mác	to be caught in, to hang on a peg	XXIV
mạc cảm	a complex	XX
mạc nhiên	to be calm or indifferent	XXII
mạn	to be salty, to be hearty of feeling	XVI
mạt khác	on the other hand, at the same time	XIV
mạt trang	the moon	VIII
mạt trời	the sun	VIII
mâm	a food tray	IX
mất	to consume, waste, to be lost or destroyed, to die	XIV
mất tich	to be missing	XIV
mật thám	a spy, investigator. or policeman	XXIV
mẫu	Vietnamese acre, 3,600 meters	XVI

mẫu ta	Vietnamese acre	XVI
mẫu tây	hectare	XVI
mê tin	to be superstitious	IX
mềm	to be soft or pliable	III
mệt	to be tired	II
mệt mỏi	to be tired or worn out	XXIII
Miến-Điện	Burma	XII
mỏ	mine or quarry	XVI
mọc	to grow	X
mong	to expect, desire, hope that	II
mồ côi	to be orphaned	XVIII
mổ	to cut open, dissect, operate on	II
mối	a liaison, or connection (classifier for feelings or relationships)	
mồm	a mouth	XXII
mồng	prefix for 1st ten days of the month	VIII
mở mang	to develop	XIX
mới lạ	to be new or novel	XXII
mù chữ	to be illiterate	XII
mùa màng	the harvest season or the cultivation season	III
mục đích	goal or objective	XV
mục tiêu	objective, goal, or purpose	XXI
mức độ	a degree, level, standard or extent	XXII
mừng	to wish or celebrate	IX
mừng tuổi	wish Happy New Year	IX
mỹ-thuật	fine arts, art, aesthetics	XVI

N

nai	a deer	VII
Nam-Dương	Indonesia	XII
nam nữ	male and female	XVII
nạn	difficulty, danger, disaster, or misfortune	XII
nạn mù chữ	illiteracy	XII
nạn nhân	a victim of a disaster or tragedy	XVIII
nãy	(time or occasion) just past	XII
nàm	to lie down or recline	II
nâng	to pick up, raise, or support	XXII
nâng cao	to raise or elevate	XXII
ném	to throw, hurl, or cast	XXIV
nền	foundation or background (classifier for political, economic, or cultural institutions)	XV

GLOSSARY

nền móng	a foundation	XX
nêu	a New Year's pole	IX
nêu	to bring up (a subject), to display ostentatiously	XX
niềm tin	confidence or faith	XXI
nóng	to be impatient, quick tempered	XII
nóng lòng	impatient or anxious	XII
nổ	to explode, burst, or rupture	XIV
nỗ lực	to strive, endeavors	XIX
nổi	to have the strength or ability, to be able to...	XXIV
nổi tiếng	to be famous	VII
nỗi	a bad situation	V
nỗi phiền muộn	a sad experience	IX
nội các	a governmental cabinet	XII
nôm na	to be colloquial, to speak plainly	XXII
nông dân	peasant, farmer	III
nông thôn	village or countryside	XX
nồng nhiệt	to be warm, ardent or intense	XIII
nơi	a place or location	VI
núi	a mountain	VII
nuôi dưỡng	to nurture or care for	XVIII
nước	a country	VI
nước nhà	home country	XX

NG

ngạc nhiên	to be surprised or astonished	XXI
ngài	he, they (3rd person, high status)	XII
ngang hàng	to be equal, the equal of...	XXII
ngang tai	to be disagreeable (to the ear)	XXV
ngám	to view, behold, gaze at to take aim at	I
ngan trở	to hinder, hamper, prevent	XVIII
ngân khỏan	amount, allotment or allocation	XIX
nghị hòa	to hold peace talks	XXII
nghị-sĩ	a senator	XIII
nghiêm trọng	to be grave or critical	XXI
nghiên cứu	to do research, investigate, study	XVI
ngỏ lời	to speak, say a few words (cùng: to)	XXI
ngõ hầu	in order to...	XVII
ngoại giao	foreign relations	XIII

ngoại trưởng foreign minister XIII
ngoạn mục to be beautiful VII
ngọt to be sweet tasting XVI
ngôi status, rank, position (classifier for stars, graves, temples, hills) XVI
ngu dốt to be stupid XXV
ngũ niên five year (plan) XIX
ngục thất a jail or prison XXIV
nguồn source, origin, or cause XIII
nguy to be dangerous, hazardous XXV
nguyên nhân a cause or factor XXIV
nguyên tác a principle or primary rule/cause XX
ngừa to prevent II
ngược lại on the contrary, vice versa, conversely XX
ngưỡng mộ to admire XXV

NH

nha sở directorates and offices XV
nhà giữ trẻ a child care center XVII
nhác to lift or raise, to bring up (a subject) XX
nhàm to occur on, to aim at VIII
nhầm to be mistaken IV
nhân to take advantage of... VII, on the occasion of... XIX
nhân cơ hội to take advantage of the opportunity VII
nhân dịp on the occasion of XIX
nhân bản humanism XX
nhân công manpower, human labor XXV
nhân dân the people (of a country) XV
nhân loại mankind XX
nhân vật official figures or personages XV
nhân-viên an employee or member, personnel XII
nhấn to press on, to urge, to stress XV
nhấn mạnh to emphasize
nhận to receive, accept, take in XVII
nhận định to formulate (correctly) XX
nhận lời to accept or agree to XII

nhận thưc to realize XXIV
nhận xét to examine, observe, or look at carefully XX
nhập cảng to import XIX
nhập học to enter school XIII
nhất định to decide definitely VIII
nhi-đồng a young child, children XVIII
nhìn to look at, stare at I
nhiệm vụ responsibility or mission XVII
nhiệt tình warm affection XXV
nhiệt liệt warmly, enthusiasticly (of ovation or welcome) XVI
nhóm a group, to gather unite, or meet XX
nhom họp to attend a meeting or session XV
nhổ to pull out, uproot, to pluck or extract II
nhỡ to miss (a plane or boat) in case that, just in case II
nhục mạ to insult or revile XXII

Ô

ổn định to be stable XXI

PH

phá to destroy or demolish IV
phá-hoại to destroy, sabotage, to be destructive XV
phá-hủy to destroy XV
phác-họa to sketch or outline XXI
phái to send, dispatch, or appoint XXV
phái đoàn a mission or delegation XII
phạm vi sphere. region, domain, or competence XVII
phàn nàn to complain or grumble (about) XXI
phản đối to be opposed to or to object to XXII
phản ứng to react, a reaction XXII
pháo thủ artillerymen XXV
pháp trị the rule of law XXI
phát to distribute, to emit, to start, break out, to become... XVII

phát động	to begin, to wage, to promulgate	XXIII
phát ngôn	to speak (officially), to deliver a speech	XVIII
phát-ngôn-viên	a spokesman	XVIII
phát thanh	to broadcast	XXI
phát-triển	to develop or expand	XIX
phân	manure, fertilizer	X
phân hóa	to disintegrate devisiveness	XXI
phân khoa	a faculty or subdivision of a university	XIII
phân phối	to distribute	XVIII
phân tich	to analyze	XXIII
phần tử	an element or faction	XV
Phật-Giáo	Buddhism	XV
Phật-Tử	Buddhist	XV
phe	faction, side, or sect	XXIII
phi-cơ	airplane	VIII
phi-trường	airfield	VI
phì nhiêu	to be fertile or rich (land)	XXV
phia	direction, way, side	XIV
phiên họp	a meeting or session of conference	XII
phiền muộn	sad or troublesome	IX
phim	films or motion pictures, photographic film	I
phó-	vice-...., deputy..., assistant...	XV
phong bì	an envelope	VI
phong cảnh	landscape, view, scenery	VI
phong kiến	to be feudal or feudalistic	XXIV
phong trào	a movement (literary or social)	XXIII
phòng ngừa	to prevent	XX
phòng thuốc	pharmacy	XVII
phỏng đoán	to guess or conjecture	XXI
phổ biến	to make generally known, popularize	XIV
phổ thông	to be general, universal, popular or common	XI
phu-nhân	Mrs., wife (of an official)	XV
phú-cường	to be a prosperous and powerful nation	XIII
phù-hạp/hợp	to be in keeping (với: with)	XXI
phủ thủ-tương	the Prime Minister, office of the Prime Minister	XIX
phụ cận	to be neighboring	XIV

phụ huynh	father and elder brother	XX
phụ-nữ	a woman. women (in the generic sense)	XVII
phụ trách	take charge of, assume responsibility	XVI
phúc	good luck, happiness	IX
phục-kích	to ambush, to lay an ambush	XIV
phục tòng/tùng	to submit to, yield to or obey	XXIII
phùn	to be misty or drizzle	III
phụng-sự	to serve or contribute services	XIX
phương phap	method or way	XII
phương tiện	means, way, or method	XVIII

Q

quà	snacks, presents or gifts	XX
quan điểm	a point of view, or position	XXI
quan hệ	relations, a relationship, to be important	XXIII
quan lang	mandarin, official, officer	XXIV
quan-niệm	concept, conception or viewpoint	XX
quan tâm	to be concerned with (đến, tới)	XVII
quan-trọng	to be important	VIII
quán	Inn, restaurant, store, office, hall, house, (originally 'hut')	XVII
quán cơm xã-hội	a social welfare commissary	XVII
quản	to mind or be bothered	XXV
quản lý	to manage, a manager or overseer	XXV
quãng đời	a period of time	XXI
quặng	an ore deposit	XVI
quặng sát	an iron ore deposit	XVI
quân đoàn	an army corps	XIII
quân đội	the army or the troops	XIV
quân lực	armed forces	XIII
quân nhân	serviceman	XVII
quân sự	military affairs, military	XV
quần chúng	the masses	XXIII
quận	a county or district	XX
quận-ly	a district capitol	XIV

quên to forget or omit I

qui mô/quy mô standards, model, norm, pattern, scale or extent XIV

quốc-hội a national assembly, congress or parliament XXII

quốc-kỳ national flag, colors, ensign XV

quốc khánh national holiday XIII

quốc-lộ a national highway XIV

quốc ngữ national alphabet/ writing system of VN XII

quốc phòng defense, national defense XV

quốc tế international XI

quốc trưởng Chief of State XV

quốc-vụ national affairs, affairs of the state XX

quốc-vụ khanh Minister of State, Secretary of State XX

quý báu to be precious or valuable XV

quyết to decide or determine, to be determined to

quyết định to decide, make decision XIII

R

ra đời to be born, to appear, XXI

rạch a stream or canal XVI

rạp a theater, (a temporary shed) I

rạp hát a theater I

rang tooth II

rõ rệt to be clear, distinct, specific III

rối lọan to be troubled or disorderly XXIII

rộng to be wide, spacious. broad VII

rộng lượng to be generous or tolerant XXV

rơi to let fall or drop XXIV

rời (khỏi) to leave, to be separate from or be detached VI

ru-mi Arabic word for foreigners XXV

rủ to invite to come along, to urge or ask I

ruộng field, ricefield III

ruộng nương fields XIX

rút lui to withdraw XIV

rừng forest, jungle, woods VII

GLOSSARY

S

sạch sẽ	to be clean and neat XVII
sai	to send, commission, command, or order XXIV
sai lầm	to be mistaken, a mistake XXIII
sản phẩm	products XIX
sản xuất	to produce VII
sáng	to be bright, well-lighted IX
sao	a star (ngôi classifier) XXV
san bán	to hunt, hunting VII
sẵn sàng	to be prepared, to be at the point of... XXIII
sát	iron XVI
sân	a courtyard, field or compound IX
sâu	1. worm/decay of fruit or teeth II 2. deep or profound, deep sunk XVI
sâu sắc	to be profound XXV
sét	a thunderbolt XXV
sĩ-quan	an officer XIV
sinh-hoạt	to live or be alive, life or existence (the activities of living) XVIII
sinh-hoạt xã-hội	social processes XVIII
sinh-mệnh	human life XXIII
sinh nhai	to make a living XVII
sinh-nhật	a birthday (Christmas) VIII
so	to compare, to be compared (với) with V
soạn thảo	to draft (a document) XX
song	but, however XXV
số-phận	fate or destiny XVIII
sôi nổi	to be lively or exciting XVI
sông	a river XVI
sơ qua	to be sketchy VII
sở	an office, bureau, service, or department XVII
sở dĩ	the reason why... XXII
sở tại	local (people or authorities) XVI
sở thú	the zoo I
sợ	to be afraid XII
sum họp	to gather together (a family), to be united IX
súng	a rifle XIV
súng cá nhân	an individual weapon XIV
suốt	to go through, throughout, all...long...XXIII

suốt đời all the time, throughout life, constantly XXIII

suy luận to think, reason, or consider XXI

sử dụng to employ or use XXV

sự- affair, event, matter (classifier: nominalized verbals) XIV

sự-nghiệp task, undertaking, or career XXV

sự-thực the truth XXII

sửa to repair, fix, mend, arrange, correct, change XVII

sửa chữa to make repairs XVII

sửa sang to alter or improve, alterations XVIII

sữa đặc condensed milk XIX

sức khỏe health/healthy XVII

sướng to be happy or gay, to be enjoyable X

T

tả to describe, express, or write VI

tai mắt notable person XII

tái re- (as a prefix) XVIII

tái hoạt động to be re-activated XVIII

tái lập to reestablish XXI

tài chánh/chính finances XIX

tài nguyên resources XX

tạm to be provisional, temporarily XIV

tan to dissolve or melt, to disperse or disintegrate II

tan vỡ to be broken up XXIII

Táo-Quân the kitchen God IX

tạo thành to create XXII

tạo thế to create, make or formulate XXI

tát to drain or scoop (water) X

tám to bathe VII

tang cường to strengthen or reinforce XX

tấc a decimeter X

tâm lý psychology, psychological XX

tấm lòng the heart or physical essence XXIII

tân to be new, recent, to be virgin XIII

tân-sinh new life XIV

tấn a metric ton XVI

GLOSSARY

tấn công	to attack	XV
tấn khảo	to interrogate or examine	XXIV
tận diệt	to destroy completely	XXI
tận mat	with one's own eyes	VI
tầng trên	the upper floor	XIII
tập-hợp	to gather together, to concentrate	XXI
tập quán	a habit	XX
tập thể	to be collective, collectivity	XXIII
tập trung	to concentrate, gather together, or centralize	XXIV
tâu	to report (to the king)	IX
tầu bay	airplane	IV
tầu hỏa	train	IV
tầu thủy	boat	IV
tem	a stamp (tax or postage)	IV
tế-nhị	to be subtle or delicate	XXI
tết	a feast or festival	III
Tết Nguyên-Đan	New Year's festival	III
ti	a little bit, to be tiny	III
tich cực	to be active or positive	XIII
tịch thu	to confiscate or sieze	XIV
tiếc	to feel sorry, regret	XXI
tiệc	a banquet or dinner	XII
tiên phong	the vanguard, pioneers or shock troops	XXIV
tiến	to move forward, advance, progress	II
tiến bộ	to make progress	XVI
tiến hành	to carry out (duties or work)	XVI
tiến-hóa	to develop gradually, evolution	XX
tiền công	salary or wages	XXV
tiễn	to see (someone) off, to say goodbye to	IX
tiện thể	for convenience sake, while we are on the suject	II
tiếng chung	a common term, the usual expression	VIII
tiếng nói	language, tongue, voice	XXI
tiếp đón	to receive, greet, or meet	XVIII
tiếp kiến	to receive or welcome (a high official)	XIII

tiếp nhận	to accept, receive, or admit	XVIII
tiếp tế	to supply (food or munitions), logistical support	XVIII
tiếp tục	to continue or proceed	XVIII
tiếp viện	reinforcements	XIV
tiếp xúc	to make contact	XIII
tiêu trường	an outlet	XIX
tiểu-công-nghệ	handicrafts	VII
tiểu khu	sub-sector	XIV
tiểu liên	a submachine gun	XIV
tin	to trust, believe, have confidence in	IX
tin-đồn	a rumor	XV
Tin-Lành	the [illegible]pel, Protestant	VIII
tin-tức	news	XII
tin-tưởng	to trust or have confidence in	XX
tín	to believe	VIII
tín-đồ	a follower or believer	VIII
tín-nhiệm	to have confidence or trust, confidence/trust	XIII
tinh-thần	morale or spirit	XVIII
tính-cách	character or nature	XII
tình	feelings, sentiments	XXV
tình cảnh	situation, plight, or conditions	XXIV
tình-hình	the situation or conditions	
tình nguyện	to volunteer or be willing, voluntary	XVIII
tình thế	a condition or situation	XV
tình-trạng	conditions, situation, state of affairs	XIX
tỉnh-ly	a county seat, province capital or chief town	XVI
tỉnh-trưởng	Province Chief	XV
tỏ	to express, reveal, or declare	XXV
tỏ-ý	to make known an intention or opinion	XIII
toa	a railroad car	V
tòa tỉnh-trưởng	Office of the Provincal Governor	XVIII
toạc	to be ripped or torn, (to speak) openly, frankly	XXI
toan-học	Mathematics	XI

toàn	the whole...	XIII
toàn quốc	national	XIII
toàn bộ	the whole...	XXIII
toàn quyền	full powers, Governor-General, supreme leaders	XXV
tố cao	to denounce, accuse, or charge	XXII
tổ chức	to organize, an organization	XV
tổ tiên	ancestors, forefathers	IX
tôn giao	religion or faith	XV
tôn kinh	to respect, honor, or venerate	XXV
tôn trọng	to respect or honor	XXIII
tốn	to be costly (time, money, effort)	I
tồn tại	to exist or survive	XXII
tổn thất	to lose, a loss, casualty or damage	XXV
tổng-cộng	the grand total	XIX
tổng-quat	a general view	XVIII
tổng số	total number	XVII
tổng-thống	President	XIX
tổng-trưởng	Minister or Secretary of...	XV
tốt đẹp	to be fine or good	IX
tốt nghiệp	to graduate	XVII
tú-tài	baccalaureate, high school diploma	XI
tuần-tự	to be in order, or sequence	XIX
tung	to throw or fling, to spread (news)	XV
tuồng(vở)	a play, a film or appearance	I
tuổi tác	to be very old	XX
tuy-nhiên	however	III
tùy	to depend on...	VII
tuyên bố	to announce, declare, or state	XV
tuyên truyền	to propagandize, propoganda	XXI
tuyệt	to be cut off	XXII
tư	to be private or personal	XI
tư bản	to be capitalistic, capital, capitalism	XXIV
tư-cách	aptitude, qualifications	XVIII
tư-lệnh	to command, commander	XIII
tư sản	private property	XXIV
tư tưởng	a thought or concept, to think	XXIII
từ chối	to refuse or decline	XXI

từ chức   to resign   XIII
từ thiện   to be benevolent or charitable   XIV
tử tế   to be kind, decent, careful   IX
tử thương   to die of a wound   XIV
tự-do   to be free, freedom   XV
tự hỏi   to ask oneself or wonder about   XXV
tự mình   oneself, (to do something) oneself   XXIV
từng   quantity or amount, in groups of...   X
tương đối   to be relative, mutually corresponding   XX
tương lai   to be in the future, the future   IX
tương tự   to be similar to (each other)   III
tương lãnh   the commander   XV
tưởng   to think or imagine   XXV
tượng trưng   to symbolize or represent   IX
ty công-chánh   Bureau of Public Works   XIV
tỷ   billion   XVI

TH

tha thư   to forgive or pardon   XX
thác nước   a waterfall   VII
thái-độ   an attitude, manner or air   XXI
tham-dự   to take part in   XVI
tham gia   to participate in   XII
tham-mưu-trưởng   Chief of Staff   XIII
tham nhũng   to be corrupt and graft-ridden   XXI
thanh lọc   to purge, purify   XV
thanh-niên   youth, the youth, young men   XVI
thanh nữ   young girls   XVI
thanh-tra   to inspect, an inspector   XVIII
thành   to become...   X
thành công   to succeed, success   XXIV
thành kiến   a prejudice or preconceived notion   XX
thành lập   to form or set up, to establish   XII
thành phần   a component, constituent, the composition of   XV
thành tâm   to be sincere   XXI
tháp   a tower   VII
thay mặt   to represent or act on behalf of   IX
thắc mắc   to be worried or anxious   XXI

tham dò	to inquire, investigate, examine	XVI
thẳng tay	to act or punish severely	XXIV
thẳng than	to be upright, or righteous	XX
thap	to light up (lamp, candle)	IX
thầm	to speak in a whisper	XXV
thất bại	to lose or fail, failure	XXIV
thất cử	to fail to be elected	XXI
thất lạc	to be lost or missing	XIV
thật	to be real or true, truly, really	II
thầy boi	a fortune teller	IX
theo kịp	to be in accord (with)	XX
thế giơi	the world	XII
thể theo	to take into consideration, to be in accord with	XIX
thể van	literary form or style	XII
thết đãi	to entertain	XII
thi	to take an examination, an exam, contest, competition	XI
thi cử	examinations	XX
thi hành	to carry out	XVIII
thi nhau	to compete or race, participate in a contest	V
thí sinh	a degree candidate	XI
thí thân	to sacrifice one's life	XXI
thị oai	to demonstrate or display force	XXIV
thị-trường	the economic market, markets in general	XIX
thị-trưởng	Mayor	XV
thị-xã	cities and townships	XVIII
Thiên-Chúa	Christian	VIII
thiên-nhiên	Nature, to be natural	VII
thiện-chí	good will	XVIII
thiệp	a card	XII
thiệp mời	an invitation	XII
thiết	to care for, have interest in	XV
thiết lập	to set up or establish	XV
thiết thực	to be realistic or practical	XVIII
thiếu nợ	to owe debts	IX
thiếu tương	brigadier general	XIII
thiểu số	a minority	VIII
thỉnh-thoảng	from time to time, now and then	III

thọ	long life	IX
thỏa đáng	to be satisfactory, appropriate, fitting or proper	XXI
thỏa-hiệp	to agree, an agreement	XIX
thỏa thuận	to agree or consent	XII
thỏa-ước	an agreement	XIX
thoát khỏi	to escape from	XXV
thổi	to blow (of wind), to play (a wind instrument), to cook (food)	III
thông	pine trees	VII
thông cảm	to understand	XX
thông cao	a bulletin or announcement	XIII
thông tin	to inform, information	XVI
thông thạo	to be expert or knowledgeable	XIII
thống kê	statistics	XIX
thờ tự	to worship	XV
thợ-thuyền	workers	XII
thời gian	a period of time	XIV
thời tiết	the weather or climate	III
thu-hẹp	to restrict, limit, or make narrow in scope	XVII
thu	to collect, gather	XXIV
thu-hút	to attract or bring in	V
thú-vật	animals	VII
thú-vị	the be pleasant, interesting	VI
thủ-công-nghệ	handicraft industries	XVII
thủ-đô	capitol city	XX
thủ-quỹ	cashier or treasurer	XIX
thủ-tục	a procedure	XX
thủ-tướng	prime minister	XII
thuật (lại)	to relate, narrate, or report	VI
thuốc mê	an anesthetic	II
thuộc	to belong to	XIII
thuộc địa	a colony, colonial	XXV
thủy-cục	water bureau	XVI
thủy-vận	water transportation	XIX
thuyết trình	to present a report or give a paper	XV
thư	a letter	IV
thừa	to avail oneself of (an opportunity)	IX
thừa	to be left over, superfluous, to have in excess	V
thực dân	to colonize, colonialist, colonialism	XXV

thực-hiện	to realize, fulfill, or achieve	XVIII
thực-phẩm	foodstuffs, provisions	XIX
thực-phẩm Phung-Sư Hòa-Bình	the Food for Peace Program	XIX
thực tại	to be real or true, reality	XXI
thương cảng	a commercial port	XIX
thương gia	a businessman or trader	XIX
thương mại	commerce, commercial	XIX
thương thuyết	to negotiate	XII
thường xuyên	to be permanent or regular	XX
thượng	on, above, upper, supreme, to go up	VII
Thượng-Đế	the heavens, God	IX
Thượng-Hội-Đồng	the upper house of the legislature	XIII
Thượng-Tọa	Bonze, Reverend, Venerable	XV

TR

trái	to be contrary to, to be the reverse of	VIII
tranh đấu/đấu tranh	to struggle	XXIV
tranh thủ	to strive for..., to strive to...	XXIII
tránh	to avoid or flee from	XIV
trao đổi	to exchange	XII
trào lưu	a current of thought, an intellectual trend	XX
trắc-nghiệm	to test/experiment	XVII
trâu	a water buffalo	X
tre	bamboo	IX
treo	to hang, suspend or display	IX
trễ	to be late	XXII
trị-giá	to be worth	XVI
trí-thức	intellect, intellectual	XXIV
trích	to pick, pick out, extract, or excerpt	XXIII
trích lời	selected sayings (quotes)	XXIII
triển lãm	exhibit, exhibition	XVI
triết lý	philosophy	XI
triết học	philosophy	XI
triệu tập	to call (a meeting) to convene (an assembly)	XIX
trình	to report	XIX
trình bày	to display, present, or make a presentation	XV

trình diễn	to present or perform	XVI
trình độ	level. standard, degree, or extent	XXV
trong	to be pure, clear	VII
trong sạch	to be pure/clean	XV
trong trang	to be pure or clean	XXIII
trọng	to be heavy, serious or severe	XXV
trọng tâm	the center of gravity, a focal point	XVIII
trổ tài	to show off, to display talent	XXIV
trông nom	to look after, oversee, supervise	XVII
trồng	to grow or cultivate	X
trở nên	to become or turn out to be	XVIII
trở ngại	an obstacle	XIV
trở thành	to become	XXIV
trở xuống	to proceed downward	XVII
trợ cấp	to give aid to or subsidize	XIV
trú	to take shelter, to dwell, to live, to stop or stay over	XIV
trú khu	living quarters	XVII
trú ngụ	to dwell or reside	XVII
trù liệu	to plan	XIX
trụ sở	headquarters, main office	XIV
trung bình	average, on the average	III
Trung-Phần	Central Vietnam	III
trung-tá	Lt. Colonel	XV
trung-tâm	the center, central, an activity center	XVII
trung-thành	to be loyal	XXIII
trung-tướng	major general	XIII
trúng	to hit, be hit by, to be on target	XIV
truy-kich	to pursue and attack	XIV
truyền tin	communication	XIV
trừ giệt/diệt	to eradicate	XXIV
trừ	except for, unless	XXI
trừ phi	unless	XXII
trữ	to save, keep aside, hoard	XVI
truc tiếp	to be direct or immediate	XXII
trường hợp	circumstances or conditions	XIII
trưởng-ty	section chief, or bureau chief	XVIII
trượt	to fail an exam	XI

GLOSSARY

U

ủng-hộ	to support	XXIII
uy-quyền	authority or power	XXI
uy-tín/thế	prestige	XX
ủy-ban	committee/commission	
ủy lạo	to comfort or offer support, to console	XIV

Ư

ưng cử	to be a candidate, to run for office	XXI
ước chừng	approximately	XVI
ước đoán	to speculate or make predictions	XXI
ước-lượng	to estimate	XVI
ước-vọng	wishes, desires or promises	XXI
ưu-tú	to be brilliant or outstanding	XI

V

vá	to mend, do needlework	XVII
vạch	to draw a line, to reveal or uncover	XXV
vai	role, part, position or rank	XXV
vai trò	role or part	XX
vái	to greet or pay respects to	IX
vãn hồi	to return, restore, or save a situation	XX
van hóa	culture or education, cutural/educational	XII
váng	to be absent, missing, away	XII
vấn đáp	questions and answers	XI
vấn đề	a problem, subject, topic or question	XII
vận mệnh	destiny or fate	XXV
vận tải	to transport, transporcation	XIX
vất vả	to work hard, toil, to be laborious	X
vé	a ticket or coupon	I
vĩ đại	to be great or imposing	XXV
vị	(classifier for persons of high status)	
viên	tablet, pill	II
viên chức	an official	XIV
viện	classifier for institutions, houses or great halls	I
viện trợ	to assist or aid, assistance	XV
viếng	to pay a visit, to pay respects	XV
viếng tham	to pay a visit	XV
Việt-Cộng	Vietnamese Communists	XIV

Việt-Kiều   Vietnamese national, resident in a foreign country   XVI

vô cùng   to be endless   XXV

võ-khí/vũ khí   weapons or armaments   XXII

vô sản   to be propertyless or proletarian   XXIV

vô-sự   to be unoccupied, to be all right   XIV

vô-tình   to be indifferent or unintentional   XXII

vô-tuyến   wireless, radio telegraphy   XXI

vội   to be hasty, urgent, pressing   IV

vội vàng   to be in a hurry   VI

vũ lực/võ lực   force or violence, force of arms   XXII

vụ   season, period, business, duty, affair (classifier for certain actions and affairs)   XXIII

vừa...vừa...   both... and... ... at the same time   I

vững   to be stable or firm, to remain in power   XXIII

X

xa lạ   to be unfamiliar or strange   VI

xa lộ   a major road or highway   XIX

xa xôi   to be far away or distant   XX

xã   a village or commune   XIV

xã-hội   society, social, socialist, social welfare   XII

xanh tươi   to be verdant or luxuriant   XXV

xâm lang   to invade, an invasion   XXI

xâm lược   to invade   XV

xâm nhập   to enter, infiltrate   XVI

xây   to build, construct, erect   XVI

xây/xảy ra   to take place   VI

xét   to consider, pass judgment on, or examine   XVIII

xếp   to set, arrange, or put in order   XIX

xóm   hamlet, village, neighborhood   XVII

xốp   to be loose or spongy   X

xua đuổi   to drive away or chase out   IX

xuất   to advance (money), to go out, issue forth, pass out (classifier for a meal or ration)   XVII

GLOSSARY

xuất cảng	to export	XIX
xuất ngoại	to go abroad	XIX
xuất thân	to begin as, origins	XXIV
xúc tiến	to promote or push forward	XIX
xung đột	to clash or conflict	XXV
xung quanh	all around	I
xuyên	to go through, trans-	XVI
xử dụng	to make use of	XIX
xử-sự	to conduct oneself, to act or behave	XXI
xứng đáng	to be worthy, merit, or deserve	XXIII
xương	a bone, bones and skeletons	XXIV

Y

ý-kiến	opinion or viewpoint	XX
y-sĩ	a physician	XX
y-tế	public health, medecine	XX
ý-nghĩa	meaning or significance	IX
ý-thức	to conceive of, a concept, consciousness	XX
yên-lòng	to be assured or unworried	
yêu cầu	to request, to urge	XV
yêu chuộng	to love or be fond of	XXIII
yêu mến	to love or be fond of	XXV
yêu nước	to be patriotic	XVII